

# PHẬT PHÁP

---

# BOUDDHADHARMA

Số/N. 31-08/2008

## Mùa Vu Lan báo hiếu/Piété filiale-Ullumbana

*Phụng  
Sứ  
Chúng  
Sinh  
Là  
Cùng  
Đường  
Chư  
Phật*



*Trong  
Trăm  
Ngàn  
Điều  
Lành  
Hạnh  
Hiếu  
Đường  
Đầu*

*Khi chánh nói tri kiến  
Tri kiến đều là tâm  
Đương tâm tức tri kiến  
Tri kiến tức bây giờ.*

Tây thiên Tổ thứ hai mươi bốn Sư Tử tôn giả

Parler juste de Prajna Paramita  
Prajna c'est l'esprit  
Si l'esprit est Prajna  
Prajna c'est maintenant.

Vingt-quatrième Patriarche de l'Inde Vénérable Simha

## Phật pháp/Bouddhadharma 28

□ Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition Trimestrielle.

□ Chủ Nhiệm : Vén. Thích Minh Định.

□ Đánh máy : Trần Xuân Tiến, Giác Lâm ...

□ Le correcteur des textes en français :

Lý Thị Minh Nguyệt, Phan Ngọc Anh.

□ Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, Anh chị Phạm Tấn Lộc, cô Vi, cô Hồng, cô Giác Hạnh, cô Giác Hiền, cô Diệu Hải, cô Đồng Thu, chú Giác Lâm, cô Giác Xuân, Anh chị Thanh Bạch và Bạch Lê, Cô Giác Thủy, Cô Giác Thanh, Cô Giác Hảo, Cô Giác Hoa, ....

□ Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang/Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.

□ Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.

□ La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.

□ Hoan nghênh tất cả bài viết về Phật pháp, giáo dục..., của tất cả quý vị, và sự phát tâm đóng góp phiên dịch, đánh máy tiếng Việt/Pháp xin liên lạc về chùa.

□ Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.

□ Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang  
75, Allée Circulaire  
93600 Aulnay Sous Bois-France  
Tel./fax : 01.48.69.01.24  
e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
website: chuakimquang.com

## Trong số này/Sommaire

Kinh hoa niêm giảng giải	3
Kinh pháp hoa giảng giải	6
Chú lãnq niêm giảng giải	9
Kinh bát nhã	11
Đại trí độ luận	13
Pháp ngữ thiền sư hui vân	15
Hăm sơn đại sư từ tuyên	17
Vì sao thế giới sụp đổ	19
Đạo	21
Tam bộ nhất bài	23
Cuộc đời của h t Tuyên Hoá	25

Le Sutra du Dharmya du lotus	27
Le Sutra shurangama	29
Le mantra shurangama	31
Le Sutra du vajra prajna paramita	33
Le Bouddha parle du Sutra Yamitabha	35
Le Bouddha parle du Sutra 42 chapitres	37
Le Sutra du sixième fondateur	38
La récitation du nom du Bouddha	40
Les six harmonies	43
Une prostration tous les trois pas	50



# Kinh hoa nhiệm đại phương quang Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà  
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

## **T**hế gian Như Lai không chỗ nương

**Ví như hình bóng hiện các cõi  
Pháp tánh rốt ráo không sinh khởi  
Thắng Kiến Thiên Vương vào môn  
này.**

“Thế gian Như Lai không chỗ nương.” Phật ở trong thế gian, chẳng có xứ sở nhất định, cũng chẳng có quốc độ giáo hóa nhất định. Tại sao? Vì tất cả cõi nước trong mười phương, đều là nơi Đức Phật giáo hóa. Trong Kinh Phạm Võng có nói: “Ta đến thế giới Ta Bà này giáo hóa chúng sinh đã tám ngàn lần.”

“Ví như hình bóng hiện các cõi.” Tại sao nói Phật chẳng có chỗ nương? Vì chẳng có cõi nước nhất định? Vì thân của Phật giống như ánh sáng, hình bóng, hiện khắp trong tất cả cõi nước, tất cả thế giới.

“Pháp tánh rốt ráo không sinh khởi.” Bản thể của pháp tánh rốt ráo chẳng sinh diệt. Trong Kinh Bát Nhã có nói: “Không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm,” tức là đạo lý các pháp không tướng.

“Thắng Kiến Thiên Vương vào môn này.” Đây là đạo lý thấy được của Tối Thắng Kiến Thiên

Wang, vị này còn nhập vào trong môn giải thoát này, và tinh tấn tu hành pháp môn các pháp không tướng này.

**Vô lượng biển kiếp tu phương tiện  
Tịnh các cõi nước khắp mười  
phương  
Pháp giới như như thường bất  
động**



Cung thỉnh chư Tôn Đức quang lâm chánh điện cử hành Lễ An Vị Phật

**Tịch Tĩnh Đức  
Thiên  
ngộ  
môn này.**

“Vô lượng biển kiếp tu phương tiện.” Phật tu hành công đức thành Phật, chẳng phải trong một đời một kiếp mà thành tựu được, mà là trong vô lượng đại kiếp tu nhiều pháp môn mà thành tựu. Do đó:

“Tam kỳ tu phước

huệ,

Bách kiếp chủng tướng hảo.”

Nghĩa là:

Ba A tăng kỳ tu phước tuệ  
Trăm kiếp trồng tướng tốt.

Trải qua thời gian lâu dài, tu lục độ vạn hạnh, nhiều phương tiện pháp môn, không thể nhẫn cũng nhẫn được, không thể xả bỏ cũng xả bỏ được, không thể nhường cũng nhường được, đó mới là tu hành. Nếu người khác nhẫn được, bạn

nhẫn được, người khác xả được, bạn xả được, người khác nhường được, bạn nhường được, vậy đó chẳng phải người tu đạo, mà là một nhóm người.

Những gì không nhẫn được cần phải nhẫn ? Giống như khi Đức Phật tại nhân địa, tu hạnh nhẫn nhục. Lúc đó tên gọi là Nhẫn Nhục Tiên Ông, tu hành trong núi Tuyết. Một ngày nọ, vua Ca Lợi xuất lãnh cung phi mỹ nữ đi vào trong núi săn bắn. Cung phi mỹ nữ phát hiện có một người ngồi dưới gốc cây, mới đến hỏi Tiên Nhân hoàn cảnh tu hành. Lúc đó, Tiên Nhân thuyết pháp cho các cung phi mỹ nữ. Vua Ca Lợi phát hiện các cung nữ đi đâu mất, bèn đi tìm thì thấy các cung nữ ngồi xung quanh Tiên Nhân khi nói khi cười. Vua Ca Lợi bèn sinh tâm hoài nghi, nghi rằng vị Tiên Nhân này động lòng phạm tục, mới đến hỏi tội, giận dữ hỏi Tiên Nhân rằng:

- “Nhà người tu hạnh gì ?”

- Tiên Nhân đáp: “Tu hạnh nhẫn nhục.”

- Vua nói: “Ta sẽ chặt tứ chi của nhà người ra, xem nhà người nhẫn được chăng?”

Nói xong bèn chặt tứ chi của Tiên Nhân, rồi hỏi:

- “Nhà người nhẫn được chăng?”

- Tiên nhân nói: “Nhẫn được.”

- Vua nói : “Có gì để chứng minh nhà người nhẫn được ?”

- Tiên Nhân đáp : “Nếu tôi không nhẫn được, thì tứ chi đã chặt ra không thể khôi phục lại. Nếu thật sự tôi nhẫn được thì tứ chi của tôi sẽ khôi phục lại bình thường, đó là câu chuyện chứng minh được sự nhẫn nhục.

Những gì không xả được cần phải xả ? Lúc Phật tu hành tại nhân địa, thì lóc thịt của mình bố thí cho chim ưng, xả thân cứu hổ đói.

Một ngày nọ, chim ưng hung ác rượt bắt chim cáp. Chim cáp kinh sợ bay đến chỗ đức Phật, cầu Phật bảo hộ. Chim ưng bay đến nói với Phật rằng : “Ngài là người tu đạo, đều có tâm từ bi, ông cứu sinh mạng chim cáp, nhưng tôi phải chết đói, làm sao đây ?” Do đó, Phật bèn cắt thịt thân mình để cho chim ưng, cắt hết thịt mới ngừng. Đó là hành Bồ Tát Đạo.

Một ngày nọ, Phật tu hành ở trong núi Tuyết, trời tuyết rơi quá nhiều, khắp nơi đều biến thành màu

trắng, động vật chẳng có thức ăn, khổ sở khó tả được. Phật thấy một con cọp mẹ, dẫn con cọp con đi tìm thức ăn. Cọp mẹ đói quá thể lực kiệt sức, cọp con kiệt lực cũng đi không muốn nổi. Phật thấy thảm trạng như vậy bèn sinh tâm từ bi : “Ta xả thân của ta, có thể cứu sống hai sinh mạng này.” Do đó, hy sinh thân mạng cứu sống cọp mẹ cọp con. Đó là tinh thần thật là vĩ đại !

Chúng ta là người tu đạo, ít nhất phải có tâm từ bi, ban bố cho chúng sinh phương tiện. Do đó, người xuất gia, lấy từ bi làm hoài bảo, phương tiện làm gốc, tiến thêm bước nữa, phải đạt được sự hy sinh tiểu ngã để hoàn thành đại ngã.

Phải nhường những gì không thể nhường ? Phật trong quá khứ làm thái tử nước Diệp Ba tên là Tu Đại Noa. Thái tử rộng tu bố thí, sau đó bị vua cha Thấp Ba đuổi ra khỏi hoàng cung. Thái tử dẫn vợ là Man Viên và hai đứa con trai và gái vào rừng sâu sinh sống. Thái tử công con trai, vợ bồng con gái, trải qua nhiều ngày mới đến thâm sơn làm am mà ở. Sau đó, có vị Bà La Môn từ xa đến xin hai đứa con, thái tử đều bố thí. Trời Đế Thích biết cũng hiện ra thân khác đến xin vợ, thái tử cũng bố thí, nhưng gửi chỗ thái tử, thái tử thấy lạ bèn hỏi : “Tại sao ?” Trời Đế Thích biết tâm thái tử kiên cố, vì bố thí mà hy sinh tất cả, mới hiện ra thân trời nói với thái tử : “Tôi là Thích Đề Hoàn Nhân, đặc biệt đến đây để thử tâm của Ngài phải chăng trước sau như một ? Nay mới thấy, quyết thật như thế, đáng kính đáng phục !”

Việc không thể nhường mà nhường được, Phật cũng làm được. Do đó :

“Trong thì xả bỏ đầu mắt tủy não

Ngoài thì xả bỏ đất nước vợ con.”

Sự khổ hạnh khó làm mà làm được, đó là pháp phương tiện, cho nên nói “Vô lượng biển kiếp tu phương tiện.”

“Tịnh khắp cõi nước trong mười phương.” Phật dùng trí huệ quang minh để chiếu soi, để thanh tịnh, để trang nghiêm cõi nước chư Phật trong mười phương. Do đó, quang minh của Phật chiếu khắp tận hư không biến pháp giới. Tóm lại, không có chỗ nào mà chẳng tịnh, chẳng chỗ nào mà chẳng trang nghiêm.

“ Pháp giới như như thường bất động.” Pháp giới chẳng có biến đổi, như như bất động.

“Tịch Tĩnh Đức Thiên ngộ môn này.” Đạo lý này, vị Thiên Vương Tịch Tĩnh Đức thấy được.

## **Chúng sinh ngu si bị chướng che Mù tối thường ở trong sinh tử Như Lai mở bày đạo thanh tịnh Giải thoát này của Tu Di Âm.**

“ Chúng sinh ngu si bị chướng che.” Chúng sinh là do chúng duyên giả hợp mà sinh. Chúng sinh thông minh thì đi trên con đường chánh, chúng sinh ngu si thì đi theo con đường tà. Người ngu si, vì họ mà nói chánh pháp thì họ không tin. Tại sao ? Vì họ ngu si ! Tại sao ngu si ? Vì không tin Phật pháp, cho nên càng ngày càng ngu si. Phải học Phật pháp thì càng ngày càng thông minh.



Người thông minh chẳng có nghiệp chướng che đây, kẻ ngu si thì có nghiệp chướng che đây.

Che đây là gì ? Tức là bị một vật che đây, chẳng được giải thoát. Giống như La Hầu La con của Đức Phật. La Hầu La dịch là che đây. Vì nghiệp chướng quá nặng, ở trong thai mẹ sáu năm mới sinh ra, tại sao ? Vì trong quá khứ La Hầu La là một đứa trẻ nghịch ngợm. Một ngày nọ, thấy một con chuột chạy vào hang động, La Hầu La lấy đá lấp hang động sáu ngày, tạo ra ác nghiệp này, do đó mới thọ quả báo che đây ở trong thai mẹ sáu năm.

Có thuyết nói rằng Phật Thích Ca lúc mười bảy tuổi thì kết hôn với Gia Du Đà La. Kết hôn rồi, Gia Du Đà La muốn có con, Phật dùng tay chỉ vào bụng thì phu nhân thọ thai. Phật xuất gia rồi, tu hành ở trong núi Tuyết sáu năm, La Hầu La mới sinh ra. Lúc đó, hoàng tộc Thích Ca nói Gia Du Đà La không giữ đạo làm vợ. Không có chồng mà sinh con ? Bèn dùng lửa để thiêu sống Gia Du Đà La để

bảo tồn danh dự dòng họ Thích Ca, Gia Du Đà La vì muốn chứng minh sự thanh bạch của mình mới phát thệ rằng : “Nếu tôi giữ đạo làm vợ, thì lửa đỏ biến thành hoa sen, nếu tôi không giữ đạo làm vợ, thì lửa sẽ thiêu hủy thân của tôi, không một lời oán trách.” Nói xong, bồng con là La Hầu La nhảy vào trong đồng lửa cháy dữ dội, quả nhiên lửa biến thành hoa sen màu đỏ, do đó có câu : “Hoa sen trong lửa,” là để chứng minh quyết thực không phải là không giữ quy cụ.

“Mù tối thường ở trong sinh tử.” Người mù tối thì vừa điếc vừa câm. Nghĩa là sinh thì hồ đồ mà đến, chết thì hồ đồ mà đi, luôn luôn ở trong biển sinh tử, vĩnh viễn không được giải thoát.

“Như Lai mở bày đạo thanh tịnh.” Vì người mù tối, không biết đạo lý sinh tử, luôn luôn sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh. Cho nên Phật từ bi thương xót chúng sinh, hướng dẫn chỉ dạy họ tu thanh

tịnh đạo. Thanh tịnh đạo là gì ? Tức là chẳng có tư tưởng ô nhiễm. Tóm lại, tức là chẳng có quan hệ tình dục nam nữ. Ai ai cũng đoạn dục khổ ái, thì thức thứ tám tự nhiên có chủng tử, nhưng chẳng có duyên cha mẹ thì cũng chẳng sinh ra. Cho nên đoạn dục khổ ái là phương pháp cơ bản giải quyết vấn đề sinh tử, chẳng có gì là huyền diệu. Ai ai cũng biết nhưng chẳng làm được. Tại sao ? Vì ngu si che đây. Vua Đường Thái Tông có nói câu này : “Xuất gia mới là việc đại trượng phu.” Xuất gia thật là như thế, ném vứt năm dục lên chín tầng mây, thứ nhất là không tham tài, thứ hai là không cưới vợ, thứ ba là không cầu danh, thứ tư là không ăn thịt, thứ năm là không ngủ nhiều. Tại sao phải khổ như thế ? Là vì muốn chấm dứt sinh tử, cầu tự tại, cầu giải thoát.

“Giải thoát này của Tu Di Âm.” Vị Tu Di Âm Thiên Vương, đắc được cảnh giới môn giải thoát này. (còn tiếp)

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch : Pháp sư Cừ Ma La Thập  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**V**ì người cầu Thanh Văn thì nói pháp bốn diệu đế, độ : Sinh, già, bệnh, chết, đắc được cứu kính Niết Bàn. Vì người cầu Bích Chi Phật, thì nói pháp mười hai nhân duyên.

Thanh Văn, Duyên Giác là pháp tiểu thừa, tức là bậc sơ học của Phật giáo. Thanh Văn tức là nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo. Sau khi Phật thành đạo rồi, đầu tiên độ năm vị Tỳ Kheo, nói về pháp bốn Thánh Đế, thì có thể độ : sinh, già, bệnh, chết, đắc được cứu kính Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, cứu kính thoát khỏi khổ quả trong tam giới. Đức Phật vì hàng Thanh Văn đệ tử nói pháp bốn Diệu Đế, Phương Đẳng cho đến Kinh Niết Bàn, từ cạn vào sâu, từ nhỏ đến lớn, thú tự nhập vào pháp



môn đại thừa diệu nghĩa.

Giới thiệu chư Tôn Đức trước khi khoá lễ bắt đầu

Mười hai nhân duyên lại gọi là mười hai chi, tức cũng bao hàm nghĩa lý bốn Thánh Đế.

- ◇ Vô minh, hành là chi năng dẫn;
- ◇ Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là chi sơ dẫn;
- ◇ Ái, thủ, hữu là chi năng sinh;

- ◇ Sinh, lão tử là chi sở sinh.
- ◇ Sở dẫn, sở sinh tức khổ đế,
- ◇ Năng dẫn, năng sinh tức tập đế,
- ◇ Vô minh diệt rồi, đến lão tử diệt là diệt đế,
- ◇ Quán nhân duyên trí thức là đạo đế.

Thanh Văn căn cơ chậm lụt, cho nên tổng tướng nói pháp bốn đế, còn Bích Chi Phật căn cơ lanh lợi hơn, cho nên nói pháp nhân duyên. Người tu Bích Chi Phật, sinh vào lúc có Phật tại thế, thì gọi là Duyên Giác. Nếu người tu hành vào lúc chẳng có Phật tại thế, quán mười hai nhân duyên mà ngộ đạo gọi là Độc Giác. Do đó :

Vạn vật tinh quán  
giai tự đắc,  
Tứ thời giai khánh  
dĩ nhân đồng.

Những người này tu hành ở trong thâm sơn cùng cốc, tinh tâm quán sát, thấy mùa xuân vạn vật đều tươi tốt, biết thế sự vô thường, một ngày trôi qua mạng cũng giảm dần, cho nên càng

tinh tấn, như cứu đầu lửa cháy. Do khéo tu

duy pháp mười hai Nhân Duyên, khéo khai ngộ, biết thân thể này là chín lỗ thường chảy ra vật nhơ nhớp, cuối cùng quy về lão hủ, lúc đó ngộ :

Các hành vô thường,  
Là pháp sinh diệt,

Sinh diệt rồi,  
Tịch diệt là vui !

**Vì các Bồ Tát thì nói sáu Ba la mật, khiến cho đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thành Nhất thiết chủng trí.**

Hành Bồ Tát đạo tức tự lợi lợi tha, xả mình vì người. Vì cứu độ giáo hóa chúng sinh, mà nguyện vào địa ngục, khiến cho chúng sinh tội khổ, phát bồ đề tâm mà thoát khỏi tam đồ. Chúng sinh khó độ, cho nên Bồ Tát luôn luôn lặn lội bôn ba, không từ khổ nhọc ứng thân vô lượng, cứu độ tất cả chúng sinh khó điều khó phục, từ biển khổ sinh tử đến bờ bờ đề Niết Bàn. Hành lục độ hạnh môn này, lập công lập đức, như cứu tự tánh chúng sinh, do đó : "Chúng sinh độ tận mới chúng bồ đề". "Thành nhất thiết chủng trí" : Nói về trí có ba : Nhất thiết trí, là không trí vậy; Đạo chủng trí, là giả trí vậy; Nhất thiết chủng trí, là không giả chẳng hai, trung đạo liễu nghĩa, ba trí viên dung. Sáu Ba La Mật nghĩa là đến bờ kia, tức là tu : Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, sáu phạm hạnh.

**Lại có vị Phật, cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Lại có vị Phật nữa, cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thế gồm có hai vị Phật, đều đồng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, và đồng một họ là Phả La Đa.**

Vị Phật đầu tiên cho đến hai vị Phật đều đồng danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, họ là Phả La Đa, nghĩa là "tiệp tập", "lợi căn" hoặc "mãn ngữ" ba nghĩa:

1. Tiệp tập : Rất mau thành Phật.
2. Lợi căn : Có đại trí huệ vì tu đủ thứ hạnh môn, học tập Kinh điển, đọc tụng pháp đại thừa.
3. Mãn ngữ : Pháp nói ra đều viên mãn vô ngại.

**Ngài Di Lặc nên biết ! Đức Phật đầu tiên, Đức Phật sau cùng, đều đồng danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng**

**Minh, đầy đủ mười hiệu, pháp nói ra trước giữa sau đều lành. Vị Phật cuối cùng khi chưa xuất gia, có tám vị vương tử. Vị thứ nhất tên là Hữu Ý, vị thứ hai tên là Thiện Ý, vị thứ ba tên là Vô Lượng Ý, vị thứ tư tên là Bảo Ý, vị thứ năm tên là Tăng Ý, vị thứ sáu tên là Trừ Nghi Ý, vị thứ bảy tên là Tưởng Ý, vị thứ tám tên là Pháp Ý. Tám vị vương tử này, đều có oai đức tự tại, mỗi vị đều thống lãnh bốn thiên hạ. Khi nghe vua cha xuất gia đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thấy đều xả bỏ ngôi vua, cũng theo xuất gia, phát tâm đại thừa, thường tu phạm hạnh, đều làm pháp sư, đều đã trồng gốc căn lành nói ngàn vạn vị Phật.**

Bồ Tát Văn Thù nói với Bồ Tát Vô Năng Thắng, hai vị Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh này, diển nói pháp trước giữa sau đều lành. Vị Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cuối cùng khi chưa xuất gia đã từng làm vua, có tám vị vương tử.

1. Tên Hữu Ý : Nghĩa là có tư tưởng đại thừa.
2. Tên Thiện Ý : Khéo phát tâm bồ đề đại đạo.
3. Tên Vô Lượng Ý : Có đại trí huệ, hiểu vô lượng nghĩa.
4. Tên Bảo Ý : Thật phát tính minh, cầu của báu bên trong vốn có.
5. Tên Tăng Ý : Tăng tu vô thượng bồ đề đại đạo.
6. Tên Trừ Nghi Ý : Người tu đạo chớ nghi ngờ, nếu khởi tâm nghi ngờ thì sẽ mê mờ, do đó trừ nghi hoặc thì khiến cho trí huệ tăng trưởng.
7. Tên Tưởng Ý : Tu pháp đại thừa biết pháp tính không, như không cốc dùng truyền thanh.
8. Tên Pháp Ý : Hiểu pháp vi diệu thâm sâu vô thượng.

Tám vị vương tử này, đều có oai nghi đức hạnh, mỗi vị thống lãnh bốn thiên hạ, khi nghe tin vua cha bỏ ngôi vua đi xuất gia, đặc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì cũng bỏ nước, bỏ vợ con xuất gia làm pháp sư đại thừa, phát bồ đề tâm, tu tập đủ thứ hạnh môn. Đây là nhân duyên căn lành đã từng cúng dường ngàn vạn vị Phật trong quá khứ. Phật thuở xưa có tám người con, hiện tại Phật Thích Ca có một người con, số tuy khác, nhưng đều có con, một người con là biểu thị một đạo thanh tịnh, tám người con là biểu thị Bát Chánh Đạo vậy.

**Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đẳng Minh, nói Kinh đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm. Nói Kinh này rồi, liền ngồi kiết già, ở trong đại chúng nhập vào Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, thân tâm đều bất động.**

**Lúc đó, trời mưa hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa, rải khắp ở trên đức Phật và các đại chúng. Khắp các thế giới của chư Phật, đều có sáu thứ chấn động.**

**Lúc đó, ở trong chúng hội, hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cử sĩ nam, cử sĩ nữ, trời, rồng, Dạ xoa, Càn thác bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, và các ông vua nhỏ, Chuyển luân thánh vương .v.v... các đại chúng đều được chưa từng có, vui mừng chấp tay một lòng nhìn Phật.**

**Bấy giờ, đức Như Lai phóng tướng luồng hào quang trắng giữa lông mày, chiếu khắp phương đông, một vạn tám ngàn cõi Phật, như những gì nay thấy là các cõi nước của chư Phật.**

Thuở xưa Phật cũng có bốn chúng, trời, rồng, tám bộ chúng, người, chẳng phải người, các ông vua nhỏ, Chuyển luân thánh vương .v.v... nói pháp đại thừa Bồ Tát vô lượng nghĩa. Nói Kinh xong rồi bèn ngồi kiết già, nhập vào Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, hiện sáu tướng diễm lành nói pháp :

1. Diễm lành nói pháp.
2. Diễm lành nhập định.
3. Diễm lành mưa hoa.
4. Diễm lành chấn động.
5. Diễm lành chúng vui mừng.
6. Diễm lành phóng quang.

Đại Chúng thấy tướng diễm lành này đều đặc được chưa từng có, cho nên đều vui mừng, chấp tay lại một lòng chiêm ngưỡng Đức Phật.  
(còn tiếp)

## TÌNH MẪU TỬ

Mẹ ơi !  
Con luôn mến những vần thơ Tình Mẫu Tử  
Nhưng chưa một giòng cho Mẹ thân yêu  
Dạ thưa con thương nhớ Mẹ nhiều  
Công việc bận nên có chần chờ đôi chút.  
Thôi thì rảnh hôm nay con đặt bút  
Thơ vài hàng viết kính Mẹ thân yêu  
Mẹ biết không lòng con đượm buồn thiu  
Mỗi khi nghĩ không còn dịp đền ơn sanh dưỡng.  
Ơn Mẹ Cha cao sâu như trời biển  
Biết nói sao cho hết được bằng lời  
Và thế gian ngôn ngữ loài người  
Đành bất lực để diễn tả về tấm lòng của Mẹ !

Nguyễn Phước Huệ

# Chú lạng nghiêm

## giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định  
Tiếp theo kỳ trước

### 81. NAM MÔ BÀ GIÀ BÀ ĐẾ.

Kê : Bạt Già lục nghĩa cổ bất phiên  
Diệu Giác Như Lai biến tam thiên  
Tự tại cát tường du pháp giới  
Kiến tướng văn danh tận siêu phàm.

Tạm dịch :

Bạt Già sáu nghĩa nên không dịch  
Diệu giác Như Lai khắp các cõi  
Tự tại cát tường du pháp giới  
Thấy tướng nghe danh tận siêu phàm.

Giảng giải: Bạt Già Phạm có sáu nghĩa nên không dịch, vì người dịch không có danh từ thích đáng, cho nên lưu giữ tiếng Phạn.

“Diệu giác Như Lai khắp các cõi.” Diệu giác, Như Lai đều là danh từ chỉ cho đức Phật.

“Biến tam thiên.” Ngài đi khắp cùng pháp giới, vô tại vô bất tại, nơi nào có chúng sinh, thì nơi đó có Phật, nơi nào có Phật, thì nơi đó có chúng sinh. Phật thì khắp cùng tất cả mọi nơi, cho nên nói là khắp tam thiên. Tam thiên tức là tam thiên đại thiên thế giới. Một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng, và bốn đại châu, gọi là một thế giới, một ngàn thế giới hợp lại gọi là tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới hợp lại gọi là trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới hợp lại gọi là đại thiên thế giới, đây gọi là tam thiên đại thiên thế giới, cho nên tam thiên đại thiên thế giới vẫn còn có số mục, phải nói lại thế giới là vô lượng vô biên vô cùng vô tận, cho nên gọi là khắp tam thiên.

“Tự tại cát tường du pháp giới.” Cùng đi khắp cùng pháp giới.

“Thấy tướng nghe danh tận siêu phàm.” Thấy được tướng của Phật, hoặc nghe được danh hiệu

của Phật, đều gieo trồng căn lành, tương lai nhất định sẽ siêu phàm nhập Thánh, Bồ Tát bất thoái làm bạn lữ của bạn.

### 82. XÁ KÊ DÃ MẪU NA DUỆ.

Kê Vạn mộc tùng trung đại thụ lâm  
Đồng lương chi điệp âm chúng trần  
Lương tài kham năng kinh cự hạ  
Xư lịch kinh cực phó bính đình.

Tạm dịch :

Vạn đại thụ trong đại tùng lâm  
Rừng cột cành lá che bóng mát  
Lương tài dùng làm ngôi nhà lớn  
Xư lịch kinh cực phó bính đình.

Giảng giải: Xá Kê dịch là "rừng cây thẳng" hoặc là "rừng cây lớn". Có rừng cây này chăng ? Có thể nói có, khắp nơi đều có rừng cây, đều có rừng cây lớn. Cũng có thể nói không có, khắp nơi đều không có, đây là ví dụ. Ví dụ Phật Thích Ca Mâu Ni đem theo những vị đệ tử cũng giống như rừng đại thụ, vậy cứu kính có chăng, cũng có thể nói có, cũng có thể nói không.

“Vạn đại thụ trong đại tùng lâm.” Vạn là một số mục nhiều, nhiều không cách chi hình dung được, không nhất định là một vạn, hai vạn, nói không chừng chín ngàn chín trăm, nói không chừng là một vạn một trăm, rất nhiều cây cối, không rõ lắm do đó nói là vạn. Cây gì cũng đều bao quát trong đó, có cây rừng, có cây bách, có cây cứng, có cây mềm, có cây thẳng, có cây cong, nói tóm lại đủ loại cây. Cho nên dùng chữ vạn để hình dung nhiều loại cây. Tùng lâm hình dung rất nhiều cây cối sống với nhau. Rừng đại thụ cũng biểu thị chỗ của Phật ở, cho nên đạo tràng gọi là tùng lâm, tức là rất nhiều người xuất gia đều tụ hội lại một chỗ, người xuất gia bốn

phương tám hướng đều tụ hội với nhau, đây tức là đồng như vạn cây.

“Lương tài kham năng kinh cự hạ.” Lương tài tức là tài đồng lương, tài liệu tốt nhất, tức là nói phải có tài liệu tốt, có thiện trí thức thì Phật pháp tự nhiên sẽ tồn tại lâu trên đời. Phật giáo cũng giống như một ngôi nhà lớn. Ngôi nhà thì vĩnh viễn không mục nát hư hoại, thường tồn tại đứng sừng sững bất động, nhưng phải có lương tài, nhân tài tốt tức là người tu đạo chân chính, thiện trí thức chân chính.

Thiện trí thức chân chính phải làm cho Phật giáo phát dương quang đại, chớ chẳng phải ai cho người đó nhiệm vụ, gọi vị đó đến làm cho Phật giáo phát dương quang đại, mà là thấy rằng Phật giáo quang đại là trách nhiệm của chính mình, lấy Phật giáo làm nhiệm vụ của mình. Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới thành lập ra, làm hết thầy mọi việc đều là tự ý hoan hỷ làm, chớ không có ai bức bách họ đi làm, mà là tự ý phát tâm làm. Ai muốn phiên dịch Kinh điển, biên văn chương, tam bộ nhất bá, muốn làm gì thì làm, tờ hào cũng không thêm miễn cưỡng, đều tự ý cảm thấy nên làm thì tận lực đi làm, bất tất đợi người nói bạn nên làm gì mới đi làm, tức là một phần tử của đại học pháp giới, thì nên tận hết khả năng của mình, làm gì được thì làm cái đó, làm không được cũng không miễn cưỡng. Không nên sợ cái này, sợ cái kia, sợ làm sai. Nếu bạn muốn làm đúng thì làm gì có sai, trừ khi bạn muốn làm sai.

“Xử lịch kinh cúc phó bính đĩnh.” "Xử lịch" tuy là cây gỗ nhưng cong vạy, dùng làm củi đốt nhưng cũng chẳng tốt lành gì. "Kinh cúc" có bản sự rất lớn, giống như trong một đoàn thể chuyên khuấy phá tạo ra sự bức dọc, gặp được thứ cây này không dễ gì đối phó, đó là thú ngựa hại bầy, bất cứ trong trường hợp nào đều có lời để nói, không nói thì nói phi, đâm da người làm cho chảy máu. Thú cây này phải làm thế nào, phó cho Bính Đĩnh. Bính Đĩnh tức là lửa.

### 83. ĐA THA GIÀ ĐA GIA.

Kê Khán Phật kính Tăng bồi tín căn  
Tôn trọng đệ tử báo ân  
Hiếu thuận nãi thị vụ đức bản

Nhân thiện quả lương đạo tự sinh.

Tạm dịch :

Kính Phật trọng Tăng thêm niềm tin  
Tôn trọng đệ tử báo ân sư  
Hiếu thuận mới là gốc công đức  
Nhân lành quả tốt đạo tự sinh.

Giải : Chúng ta không chỉ quy y Phật, còn phải quy y tất cả đại đệ tử của Phật. Người xuất gia là ruộng phước Tăng thanh tịnh, thanh tịnh tức không có tiền, không có vật gì hết, gì cũng không cần, tất cả đều buông xả, thậm chí vọng tưởng cũng không có. Tăng là người truyền Phật pháp, là người đảm đương gia nghiệp của Như Lai, khiến cho Phật giáo phát dương quang đại. Nếu muốn học Phật pháp, thì phải học với người xuất gia. Pháp là nhờ Tăng truyền. Do đó tin Phật thì phải cung kính đệ tử của Phật. Đây là bồi đắp tín căn. Tin là nguồn đạo mẹ công đức, nhất định trước phải có tín tâm, nếu không có tín tâm, thì dù Phật pháp có nói tốt như thế nào cũng không thể tiếp thọ.

“Tôn trọng đệ tử báo ân sư.” Tôn trọng đệ tử của Phật tức là báo ân thầy, tức là báo ân Phật.

“Hiếu thuận mới là gốc công đức.” Hiếu thuận là hiếu thuận cha mẹ, sư trưởng, đừng có ở chỗ sư phụ nói gì thì trước mặt không dám nói, nhưng khi ở chỗ khác thì nói sư phụ cứ nói người, sư phụ nóng quá. Sư phụ vốn không nóng giận. Tôi nói pháp thì chân tục đều dụng, có lúc thì nói chút chân đế, có lúc thì nói tục đế. Có vẻ làm người bức mình, thực ra thì không phải vậy, tôi dùng phương pháp này giáo hóa người, chỉ cần nhân không được bạn nên nhân, nhường không được bạn nên nhường. Bạn đi chỗ khác nói đâm thọc, nói sư phụ hôm nay nóng giận khiến cho tôi chịu không được, lời của tôi nói là vô tâm, là đối cơ thuyết pháp. Các pháp từ duyên sinh, các pháp từ duyên diệt, bạn muốn tạo nghiệp thì tạo nghiệp, muốn tu phước thì tu phước, muốn bồi tín căn thì bồi tín căn, muốn tín căn vút đi thì vút đi.

“Nhân lành quả tốt đạo tự sinh.” Trồng nhân tốt thì kết quả tốt, tu đạo tự nhiên sẽ thành công. (còn tiếp)

# Kinh bát nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

"*Mộng huyền phao ảnh như thị hồ, (bọt ảnh huyền mộng như thế đấy)*".

Tất cả tướng đẹp đều là mộng cả. Ai ai cũng biết mộng mị, đều nằm mộng, nhưng hỏi nằm mộng như thế nào, thấy mộng ra sao? Chỉ tự trả lời cho chính mình thôi. Có mà không phải thật, không chính xác nhất định. Hoặc nói: "Ban ngày nghĩ tưởng như thế nào thì đến tối mơ như thế ấy."

Hoặc nói: "Trước kia tôi đã thấy những cảnh giới này, nên gọi đó là mộng".

Lại có khi không nghĩ đến việc đó, nhưng đến tối thì mơ thấy, vậy giảng giải làm sao? Có lúc không thấy qua cảnh giới mà lại nằm mơ thấy, thì giải thích thế nào? Giải thích không được. Có phải tỉnh từ trong giấc mộng không? Cũng rất mơ hồ. Thậm chí nằm mộng rồi mà quên, không nhớ gì cả. Chư vị hãy suy nghĩ xem, khoảng mười tiếng sau khi mơ mộng, chúng ta đều quên hết những gì xảy ra trong mộng, huống chi những sự việc trong đời quá khứ, lại nói không tin có đời trước. Tất cả việc đời quá khứ chúng ta

đều quên cả. Chỉ sau mười giờ là chúng ta hoàn toàn quên hết những gì xảy ra trong mộng, nói chi tất cả sự việc trong đời quá khứ.

Một người đang lúc mộng mị, giả như có người bảo: "Đạo hữu nay phát tài, làm quan lớn, có nhiều vợ con, nhiều tài sản, nhưng chúng đều không thật, chỉ là mộng thôi."

Nhưng người đang mộng mị đó, không tin tưởng cho rằng lời kia là thật. "A! Cái gì! Hiện tại tôi

đang phát tài, làm quan lớn, vợ con nhiều, tài sản to tát, sao lại nói là mộng?"

Họ không tin tưởng chính họ đang mơ mộng. Đợi khi thức giấc, không ai bảo cho mà chính tự họ biết rằng họ vừa trải qua cơn mộng mị, thấy mình phát tài làm quan lớn, vợ con nhiều, tài sản giàu có. Chúng vốn không thật; không nói cũng tự biết vì đã tỉnh giấc mộng.

Chư vị phải biết rằng chúng ta hiện đang mơ mộng! Tôi bảo: "Chư vị đang nằm mộng, nếu không tin, đợi khi tu đạo đắc quả thì mới biết rõ. A! Xưa kia, bất cứ những việc gì mà tôi làm đều là ảo mộng hết, vì mình vốn chưa tự làm chủ chính mình. Bây giờ mới biết là những việc xưa kia mình làm xác thật chỉ nằm mơ thôi.



Chư Tăng Ni đã quang lâm Chánh Điện

"Huyền", sao gọi là huyền? Huyền tức là xuất phát từ huyền hóa. Nhà ảo thuật từ không mà tự hóa thành có, tự có mà hóa thành không, biến hóa không lường, khiến trẻ con cho pháp huyền thuật là thật, mà người lớn khi nhìn xem thì biết đó là không vọng, giả tạo

ché ra. Đó là huyền.

"Phao" tức là bọt nước, không lâu bền, không thường hằng. Ảnh tức là bóng ảnh. Bóng ảnh là thật hay giả? Chư vị nói nó giả, nhưng nó thật có tồn tại. Chư vị nhìn thấy, nói nó là thật, nhưng lại không thể nắm bắt lấy. Vậy, chư vị nói nó là thật hay giả? Những bóng ảnh này phát sanh từ đâu? Nghiêng về phía dương thì không có bóng. Ngã về phía âm thì có bóng. Chư vị đi nơi đâu thì nó đi theo đến đó. Bóng ví như ma. Nó luôn đi theo chư vị mãi. Thế nên, người nhút nhát sợ ma, thấy bóng ma liền sợ hãi, chạy lánh xa,

nhưng ma đó chính là bóng dáng của người thật. Nhưng bóng ảnh này, khi sống thì hiện bóng, khi chết không còn thân thể thì bóng biến thành ma. nếu không có bóng thì biến thành thân, nhưng thân và ma không hai, mà là một. Nếu khí dương sung túc thì lúc đi không có bóng ngã theo. Khí âm nếu đầy đủ thì khi đi liền có bóng chạy theo. Thế nên, chúng ta thường nghiêng về bên có khí lực mạnh. Nếu chư vị tạo công đức nhiều thì được sanh lên trời. Nếu chư vị tạo tội ác nhiều thì phải bị đọa xuống địa ngục. Vì vậy bảo rằng bọt nước, bóng ảnh huyền mộng như thế.

*"Thận vật ngoại cầu trì trung đạo, (chớ tìm cầu ngoài, trì trung đạo)".*

Chư vị chẳng nên hướng ngoại tìm cầu. Tự trong thân tâm đã có đầy đủ.

*"Phóng hạ nhiễm duyên tức lai như, (xả bỏ duyên nhiễm tức Lai Như)".*

Sao gọi là duyên nhiễm? Nhiễm tức là nhiễm ô. Duyên tức là nhân duyên. Chư vị phải nên phóng xả. Sao gọi là duyên nhiễm? Duyên tức là tâm tham, sân, si, giết hại, uống rượu, dùng nha phiến. Chư vị phải xa rời duyên nhiễm thì đồng vào nhà Như Lai. Lai Như tức là từ nay cho đến ngày thành Phật không xa. Khi thành Phật thì gọi là Như Lai. Chúng ta chưa thành Phật nên gọi là Lai Như. Lai thì năng Như. Không lai thì không như. Lai đến nơi nào? Lai đến nơi thành Phật. Những duyên nhiễm này phải nên xả bỏ hết thì mới là Lai Như. Như nghĩa là mọi việc đều hợp lý, không có việc gì chướng ngại. Nếu mọi việc còn chướng ngại thì không gọi là Lai Như.

Không này chính là chân không. Sắc cũng là diệu hữu. Diệu hữu phi hữu cũng là chân không. Chân không này xuất sanh từ đâu? Xuất sanh từ nhất như, cũng từ sắc pháp phát khởi ra. Nơi nào cũng có sắc pháp. Từ hư không cũng hiện ra sắc pháp, nên nói sắc không khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, cũng là thuyết chân không mà chẳng phải không, diệu hữu mà chẳng phải hữu. Tại nơi chẳng không chẳng có, chư vị nên hiểu kỹ. Đây là chân chánh hiểu rõ Phật pháp. Giống như bên trên bàn về mộng. Chư vị mộng đến mộng lui mà không biết. Mộng rồi tỉnh, tỉnh rồi mộng cũng thế. Vì vậy chúng ta sanh ra như thế nào, chết đi ra sao, vẫn không biết. Trong cái không biết mà hiểu rõ đó là giác ngộ. Do đó, bảo rằng sắc tức là cội nguồn của chân không. Hiểu rõ chân lý không tức là sắc thì dòng vọng tưởng khô cạn. Vọng tưởng đoạn hết, không còn nữa. Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý

không và sắc, và cũng phải lãnh hội đạo lý phi không, phi sắc. Ngài Lục Tổ nói: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy, cái gì là bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh?"

Không nghĩ thiện là không phải không, không nghĩ ác, cũng là không phải sắc. Nơi chẳng phải sắc, chẳng phải không đó, chư vị hãy nghiên cứu kỹ, đó chính là giác ngộ được cảnh giới vừa là không mà vừa là sắc. Do đó, chư vị phải hiểu rõ sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Trong chân không có chân sắc; trong chân sắc có chân không, tức là tại sắc pháp cũng có bản thể của chân không, và tại pháp không cũng là sắc. Như núi là sắc pháp. Chư vị san bằng thì thành không. Trước lúc san bằng núi thì có không chẳng? Cũng tại chỗ đó. Khi có không rồi thì sắc còn hay mất? Sắc cũng còn nơi đó. Hãy xem coi chỗ nào là không? Sắc cũng tại nơi đó. Không cùng sắc là một như băng với nước. Sao không biến thành sắc? Như trời lạnh thì nước biến thành đá. Sao sắc biến thành không? Trời nóng khiến nước đá tan thành không. Lại có thể nói rằng trong không trung, nhiều hạt bụi hợp lại thành một sắc tướng, nhân duyên tán thì biến thành không. Thế nên, không cũng là sắc, sắc cũng là không. Bảo rằng hạt bụi đó không thể chuyển hóa, cũng là một ví dụ, lại không bảo hạt bụi là nước đá được. Sợ chư vị chưa hiểu rõ nên lấy ví dụ nước đá và nước lỏng. Chư vị đừng hiểu lầm là hạt bụi và không biến thành nước và nước đá. Chư vị hãy suy nghĩ, giống như đầu đặt lên đầu, lại biến thành chấp trước. Gốc vốn không chấp trước. Tôi không có phương cách khiến chư vị hiểu rõ đạo lý sắc không chẳng khác. Từ từ thì chư vị sẽ tham ngộ đạo lý này hoặc sẽ minh bạch rõ ràng. (còn tiếp)

## TỰ MÌNH NỖ LỰC

Đức Thế Tôn rõ ràng đã dạy  
Ngài là Thầy khai Đạo chỉ đường  
Chúng sinh theo lời Phật trong kinh  
Sáng suốt tu học để tìm Giải Thoát.  
Đừng cầu nguyện xin điều gì khác  
Phước họa khô vui nghiệp quả tạo do mình  
Phật thương đời nhưng nào phải Thần Linh  
Dùng phép màu cứu chúng sinh hết khổ.  
Lời Chánh Pháp là tình thương Phật độ  
Mình không tu ai tu giúp cho mình  
Đã có rồi thầy chỉ phá Vô Minh  
Phản giải thoát phải Tự Mình Nỗ Lực!

Nguyễn Phước Huệ

# Đại trí độ luận

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

**KINH.** Từ A-tăng-kỳ kiếp lại đây phát thệ nguyện lớn.

**LUẬN.** Trong phẩm A-tăng-kỳ nghĩa, Bồ Tát nghĩa đã nói nghĩa của kiếp. Phật nói thí dụ : Một quả núi đá dài bốn mươi dặm, có người sống lâu trăm tuổi đi qua, cầm áo mềm mỏng mỗi lần lại đem áo ấy quét qua khiến núi đá lớn ấy hết mà kiếp vẫn chưa hết. Một cái thành lớn rộng bốn mươi dặm ở trong chứa đầy hạt cải không gọt phẳng. Có người sống lâu trăm tuổi đi qua, mỗi lần nhặt lấy một hạt, hết chỗ hạt cải, kiếp vẫn chưa hết. Bồ Tát như thế vô số kiếp phát đại chính nguyện độ thoát chúng sinh. Nguyện gọi là lời thệ cốt yếu của đại tâm, tất độ hết chúng sinh, dứt trừ kết sử, thành vô thượng bồ-đề.

**KINH.** Sắc mặt hòa vui, thường hỏi han trước.

**LUẬN.** Sân khuê vốn đã trừ hết, ghen ghét đã bỏ, thường tu đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, bốn thứ tà ngữ đã dứt, được sắc mặt vui hòa, như kệ nói :

Nếu thấy đạo nhân xin  
Hay lấy bốn thứ chờ :  
Mới thấy mặt vui nhìn  
Nghinh đón, kính thăm hỏi.  
Giường tòa cúng dàng tốt  
Cho đầy đủ ý muốn  
Bồ thí tâm như thế  
Phật đạo như ở tay.  
Nếu hay trừ bốn tà

Miệng lồi nói dối độc  
Hai lưỡi, nói ác đặt  
Được quả báo rất đẹp.  
Người hiền lành cầu đạo  
Muốn độ các chúng sinh  
Trừ bốn tà nghiệp khẩu  
Ví như ngựa có dàm.

**KINH.** Trong đại chúng, được vô sở úy.

**LUẬN.** Thực là đại-đức, thực có công đức trí tuệ, được tối thượng biện đà-la-ni, nên ở trong đại chúng được vô sở úy. Kệ nói :

Trong tâm trí tuệ kém  
Ngoài lấy lời nói khéo  
Ví như trúc rỗng bụng

Nhưng chỉ có ở ngoài.

Trong tâm trí tuệ đầy

Ngoài lấy lời nói pháp

Ví như diệu kim cương

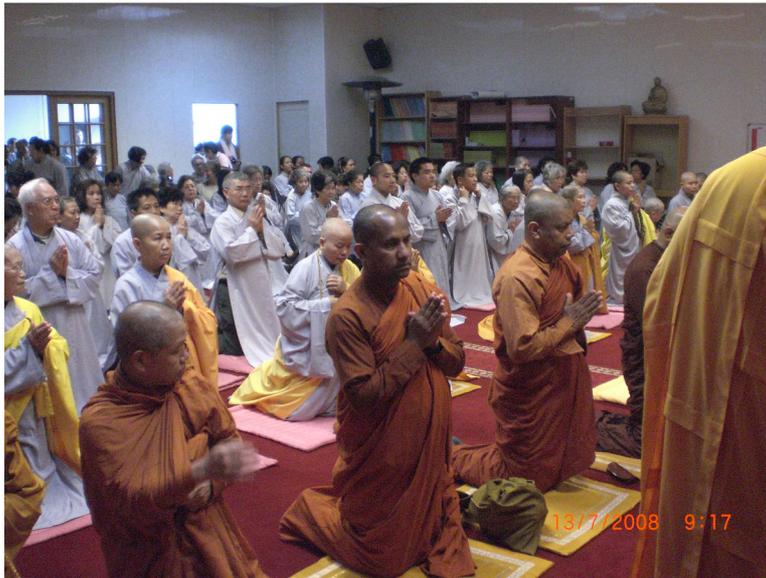
Trong, ngoài lực đầy đủ.

Lại nữa, pháp vô úy thành tựu, đoạn chính, quý tộc, đại lực, trì giới, thiền định, trí-tuệ, lời nói luận bàn đều thành

tựu, nên vô sở úy. Thế nên, ở trong

đại chúng không sợ sệt, như kệ nói :

Ít đức không trí-tuệ  
Không nên ngồi tòa cao  
Như báo thấy sư tử  
Chuột rúc chẳng dám ra.  
Đại trí không có sợ  
Nên ngồi tòa sư tử  
Ví như sư tử rống  
Các thú đều sợ hãi !



Tứ chúng trong Chánh Điện thành kính làm Lễ An Vị Phật

Vô lượng, vô biên phúc đức trí-tuệ lực tập, nên không sợ, như kệ nói :

Nếu người diệt mọi ác  
Cho đến không tội nhỏ  
Như thế người đại đức  
Không nguyện gì chẳng trọn.  
Người ấy đại trí-tuệ  
Trong thế giới không nào  
Cho nên con người ấy  
Sinh tử, Niết Bàn: một.

KINH. Vô số ức kiếp nói pháp sảo xuất.

LUẬN. Không buông lung các căn lành, tự thân khéo tu, các Bồ Tát chẳng phải một đời, hai ba đời, cho đến vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tập công đức trí tuệ. Kệ nói:

Vì chúng sinh nên phát đại tâm  
Nếu có bất kính, khinh mạn ấy  
Thì tội rất lớn không thể nói  
Phương chi mà lại thêm ác ấy.

Lại nữa, Bồ Tát trong vô lượng, vô số kiếp tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ; trong sinh diệt ràng buộc giải thoát, tự biết rành rẽ các pháp thật tướng. Có ba thứ giải: văn giải, nghĩa giải và đắc giải. Trong hết thảy môn nói pháp không có trở ngại, đều được phương tiện nói pháp, trí tuệ ba-la-mật. Các vị Bồ Tát nói như thánh nhân nói, đều nên tin nhận. Kệ nói:

Có tuệ, không đa văn  
Là chẳng biết thật tướng  
Ví như trong chốn tối  
Có mắt không thấy gì.  
Đa văn, không trí-tuệ  
Cũng chẳng biết thật tướng  
Ví như trong chỗ sáng  
Có đèn mà không mắt.  
Đa văn trí tuệ lợi  
Khi nói nên tin nhận  
Không nghe, cũng vô trí  
Ấy là thân người trâu.

HỎI : Đã nói vô số ức kiếp khéo nói pháp, tại sao lại nói xuất ?

ĐÁP : Đối với người vô trí và trong đệ tử mà nói pháp thì dễ, nếu với những người đa văn, lợi trí, giỏi luận nghị mà nói pháp thì khó. Nếu pháp sư trí cạn thì lui sụt, nếu học rộng nghe nhiều thì bị vạy hỏi không e sợ gì cứ ung dung, ở trong đại

chúng có oai đức, như trong kinh Thiên Hội, kệ nói :

Mặt, mắt, răng quang sáng,  
Phổ chiếu khắp đại hội.  
Ánh đoạt cả thiên quang,  
Hết thảy đều không hiện.

## LUẬN ĐẠI TRÍ-ĐỘ

### Quyển sáu

#### GIẢI THÍCH MƯỜI THÍ DỤ

KINH. Giải rõ các pháp : Như huyễn, như hóa, như vệt sáng (diệm), như trăng dưới nước, như hư không, như tiếng vang, như thành Càn-thát-bà, như mộng, như ảnh, như hình trong gương.

LUẬN. Đó là mười thí dụ để chỉ rõ sự vật không thực có.

HỎI : Nếu tất cả các pháp không có như dối, tại sao lại thấy có : Có nghe, có ngửi, có nếm, có đụng chạm, có biết ? Nếu thực không có gì, tất nhiên không thấy, cho đến không biết. Lại nữa, nếu không có mà thấy dối, tại sao không thấy sắc của tiếng nghe ? Nếu hết thảy không, tại sao cái thấy được, cái không thấy được, như trong một ngón tay móng thứ nhứt không, móng thứ hai cũng không, sao chỉ thấy móng thứ nhứt mà không thấy móng thứ hai, thế nên biết móng thứ nhứt thật có, móng thứ hai không có, nên không thấy.

ĐÁP : Hình tướng của sự vật tuy không, cũng có phân biệt mà thấy và không thấy. Như voi, ngựa và tất cả các vật tuy huyễn hóa không thật, song sắc có thể thấy, tiếng có thể nghe, với sáu tình tương đối, không thác loạn. Như kinh Đức-nữ nói : Đức nữ bạch Phật rằng :

- Lạy đức Thế-Tôn ! Như vô minh ở trong có không ?
  - Không !
  - Ngoài có không ?
  - Không !
  - Lạy đức Thế-Tôn ! Vô minh từ đời trước lại không ?
  - Không !
  - Từ đời nay đến đời sau không ?
  - Không !
  - Vô minh có sinh, có diệt không ?
  - Không !
  - Có một định thực tính đó là vô minh không ?
  - Không !
- (còn tiếp)

# pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

"Lại như một tuồng kịch, đời người vốn là mộng huyễn".

**P**hải tự tin tâm mình vốn là Phật. Tất cả phiền não, tất cả tướng, tất cả chướng ngại, đều là vọng tưởng điên đảo. Do đó, người tu đạo chớ nên chấp trước mà phải xả bỏ hết tất cả. Vì thế bảo rằng muôn pháp đều là không, nên chẳng thể chứng đắc một pháp gì. Kinh Kim Cang thuyết:

*"Tất cả pháp hữu vi,  
Như mộng huyễn, như bong bóng nước  
Như sương mai, như điện chớp  
Phải nên quán sát như thế".*

Tại sao tất cả pháp hữu vi trên thế gian đều như mộng huyễn không thật? Lấy một ví dụ để hiểu rõ ràng. Như trong một tuồng kịch cải lương, khi đánh trống khởi nhạc lên, các nghệ sĩ nam nữ già trẻ y theo vai tuồng của mình mà lên sân khấu diễn xuất. Trong khi diễn xuất, có bao tình tiết vui buồn, nóng giận, ghen ghét, v.v... Có người đóng vai làm Hoàng Đế oai phong lẫm liệt, nhưng khi xuống sân khấu thì trở lại làm người dân bình thường. Khi lên sân khấu thì diễn xuất bao cảnh giết người phạm pháp, hung ác, cùng bao cảnh tượng kinh hoàng khủng khiếp, hay ưu sầu buồn bã. Tuy nhiên, khi xuống sân khấu thì cười bảo:

- Chỉ đóng tuồng thôi.

"Phải nên hiểu rõ, vì sao có khổ đau sung sướng?"

Khi diễn tuồng thì những tình tiết trên sân khấu trông giống như thật, nhưng lúc hạ màn thì chẳng có một tình tiết nào là thật cả. Chúng sanh cũng như thế. Lúc chưa cắt đứt hết phiền não thì vinh hoa phú quý, vui buồn giận tức, xuất hiện rõ ràng. Ai ai cũng vốn là Phật, giống như người đóng kịch. Lúc lưu chuyển theo phiền não, cũng giống như đang đóng tuồng trên sân khấu. Phải nên hiểu rõ cảnh tượng thế gian giống như kịch trường sân

khấu. Được lên tận thiên đường chưa phải là vui. Bị đọa xuống địa ngục chẳng phải là khổ. Người nam vốn chẳng phải nam. Người nữ vốn chẳng phải nữ. Phật tánh đồng một thể. Người thế gian không biết, trong mộng tự phân biệt rằng đây là mình, đây là người, đây là thân, đây là oán, nên mê muội không ngừng nghỉ. Người xuất gia tuy xả bỏ thân bằng quyến thuộc, nhưng vẫn phân biệt chấp trước mê muội rằng đây là chùa viện, là thầy, là đệ tử, là pháp hữu, và là bạn thân của tôi.

"Bỏ vọng xoay về chân. Tự lợi chính mình và làm lợi ích cho người".

Người tại gia bị ái dục thế tình làm mê mờ. Người xuất gia cũng bị pháp hữu, và pháp quyến thuộc làm mê hoặc. Những người như thế, vẫn chưa đắc được giác ngộ chân thật. Nếu cố gắng thoát ly hết tất cả mê hoặc, bỏ vọng xoay về chân thì mới thành Phật. Do đó, Lục Tổ đại sư khi nghe đến đoạn "ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" trong kinh Kim Cang liền đột nhiên đốn ngộ. Tám chữ này, nếu dùng ngôn từ để giải thích thì không thể được mà nội tâm phải lãnh hội. Chân lý Phật giáo tuy không thể dùng ngôn ngữ để biểu thị, nhưng nếu phế bỏ hoàn toàn thì không thể được. Phải y theo văn tự mới có thể hiểu rõ nghĩa lý. Ngày nay, người học Phật phải nghiên cứu tất cả giáo lý, nhưng vẫn lấy sự hành trì làm căn bản, rồi hoằng dương Phật pháp, khiến ngọn đuốc chánh pháp mãi mãi tiếp tục lan truyền.

"Tương thử thâm tâm phụng trần sát. Thị tác danh vi báo Phật ân", tức là dùng thâm tâm này để phụng sự chúng sanh như số cát vi trần. Đây gọi là báo ân chư Phật".

Hy vọng tất cả người học Phật, nên lấy hai câu này làm tiêu chuẩn cho việc tự lợi và lợi người.

*X.Khai thị tại Áo Môn, hý viện Bình An vào 1-8-1947*

Do sự yêu cầu của hội Phật giáo tại hý viện Bình An, Hư Vân tôi nay đến đây để cùng quý vị đàm luận.

"Pháp" tức là tâm chúng sanh. Tâm chúng sanh cùng tâm Phật vốn không khác biệt. Tâm này đầy đủ tất cả pháp. Pháp tức là tâm, và tâm tức là pháp. Luận Khởi Tín viết: "Gọi là pháp, tức tâm chúng sanh. Tâm này vốn đầy đủ tất cả pháp thế gian và xuất thế gian".

"Pháp thế gian" tức là trời, người, A Tu La, địa ngục ngạ quỷ, súc sanh. Hết thấy loài hữu tình và

vô tình hoặc những pháp y báo hay chánh báo, v.v... đều thuộc về sáu pháp giới của phàm phu.

"Pháp xuất thế gian" tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cũng được gọi là bốn pháp giới Thánh Hiền. Gộp chung bốn pháp giới của Thánh Hiền và sáu pháp giới của phàm phu, thành mười pháp giới. Mười pháp giới này chẳng ngoài một tâm niệm tạo nên. Nếu chạy theo duyên điên đảo ô nhiễm mê mờ thì sanh ra sáu pháp giới của phàm phu. Nếu không chạy theo duyên điên đảo ô nhiễm mê mờ mà tịnh tâm giác ngộ thì sẽ nhập vào bốn pháp giới của Thánh Hiền. Quán sát như thế, thấy rằng Thánh Hiền hay phàm phu đều do tâm cấu uế hay thanh tịnh mà hiện hiện. Tâm cấu uế của sáu loài phàm phu khiến hiện ra tướng của sáu đường thiện ác, tội phước. Bốn pháp giới Thánh Hiền, do tâm tịnh nên hiện oai đức tự tại, quang minh sáng chói, đức tướng dung mạo từ bi. Kinh nói: "Bồ Tát như vàng trắng sáng thanh tịnh mát lành, thường đi khắp hư không. Trong tâm thanh tịnh và cấu uế của chúng sanh, Bồ Đề thường ảnh hiện".

Thế nên khổ đau hay an lạc đều do tâm. Nóng lạnh do mình. Tự tâm tạo nghiệp, rồi tự thân thọ quả báo. Cảnh Thánh cùng phàm hãy hỏi lại tự tâm thì sẽ rõ!

Phàm phu ngu muội hôn ám chẳng biết yếu chỉ tất cả đều do tâm tạo, nên vọng khởi nghi hoặc. Nếu gặp nghịch cảnh thì oán trời hận người. Nếu gặp thuận cảnh thì kiêu căng tự thị. Hoặc cả đời làm việc thiện nhưng lại bị quả báo ác, hoặc làm ác nhưng hưởng quả báo lành, nên hủy báng nhân quả. Phải biết rằng lý nhân quả rất thâm sâu; ví như sau khi gieo giống trồng cây, quả nào chín trước thì rụng trước. Đời nay, tuy mình luôn làm nghiệp lành, nhưng lại chiêu quả báo xấu; phải biết đó là do nghiệp ác trong đời quá khứ đã thành thực chín mùi, nên đầu tiên phải thọ quả báo xấu. Nghiệp lành làm trong đời nay, vì chưa thành thực, nên hiện tại không thể thọ quả báo lành. Nếu tin lý này thì không nghi hoặc gì hết. Từ đời vô thủy, làm đường lạc lối, tạo bao nghiệp chướng thâm trọng. Ngày nay quả báo chín mùi, nên phải thọ biết bao đắng cay khổ nhọc, không có lối thoát. Muốn thoát khổ thì phải làm sao? Kinh Lăng Nghiêm nói: "Tất cả chúng sanh, bị sanh tử liên tục, đều do không biết chân tâm thường trụ, tánh tịnh thể sáng. Vì sống với vọng tưởng không chân thật, nên mới bị luân hồi".

Nếu muốn không bị thọ quả báo trong vòng sanh tử thì phải thường thanh tịnh hóa các vọng tưởng. Vọng tưởng nếu được thanh tịnh thì dòng luân hồi sẽ ngưng ngay. Do đó, tâm mê thì gọi là chúng sanh. Tâm giác gọi là Phật. Vì vậy, Phật và chúng sanh chỉ khác nhau ở mê và ngộ. Nên biết tâm giác tri linh minh sáng suốt này tức là Phật tánh tự nhiên mà ai ai cũng có đầy đủ, mỗi mỗi hiện thành. Phàm phu tuy có đủ Phật tánh, như vàng thật trong mỏ vàng, nhưng chỉ vì đất cát phiền não che lấp, nên trước mắt không thể dùng được. Đức Như Lai bao kiếp tu hành, đã đào thải cát đá hoặc nghiệp. Ngày nay, Ngài đã được một khối vàng tinh khiết, không lẫn lộn với cát đá, nên đại dụng hoàn toàn hiện rõ, và được gọi là bậc vượt khỏi chướng ngại, bậc viên minh, bậc Thế Tôn đại giác.

Hiện tại, chúng ta nếu muốn tu hành thành Phật, đầu tiên phải xem thử nhân địa phát tâm tu hành của mình như thế nào. Phải trừ khử cội gốc phiền não. Gốc khổ của phiền não nếu diệt thì Phật tánh hiển hiện tròn đầy. Nếu nhân địa tu hành không chân chánh, thì sẽ chịu quả báo công vay.

Luận về phương pháp tu hành, có ba thành phần: Thượng, trung, hạ khác nhau. Pháp cũng có ba thừa. Pháp môn tu học của loài người và loài trời đều không đồng. Đối với người căn cơ bậc thượng thì thuyết giảng pháp môn Đại Thừa vi diệu. Người căn cơ bậc trung thì thuyết giảng các pháp môn giải thoát xuất thế gian. Đối với những kẻ căn cơ bậc kém, thì thuyết pháp môn giải thoát khiến họ thoát khỏi những đường khổ nhọc của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Phật tuy thuyết bao pháp môn, như giới luật Đại Thừa và Tiểu Thừa, nhưng đều dùng tam quy ngũ giới làm căn bản, khiến người thọ những giới luật này, thường không làm các việc ác, và luôn hành các điều lành. Phải y theo những lời bên trên mà lập thân, tề gia, trị quốc, thì đó mới là điều rốt ráo của chủ nghĩa nhân đạo. Nếu ngừng gieo nhân khổ thì quả khổ sẽ tự diệt mất. Thoát khỏi ba đường khổ và sanh trong cõi trời người thì dễ dàng nhập vào Phật thừa. Đó là nền tảng căn bản học Phật. Tam quy ngũ giới là bờ bến của thế gian, và là diệu pháp an lạc cứu khổ. Đầu tiên giải nghĩa tam quy y, sau đó nói rõ về ngũ giới. (còn tiếp)

Người nói ra lỗi của chúng ta tức là bậc Thiện-tri-thức của chúng ta; vì thế, chúng ta phải nên cảm ơn, chớ sanh tâm oán thù.

# Hám Sơn Đại Ni

## Tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

### Tiếp theo kỳ trước

Mùa đông năm đó (1564), khi nghe pháp sư Vô Cực giảng "Hoa Nghiêm Huyền Đàm" (do quốc sư Thanh Lương, tổ sư đời thứ tư của tông Hoa Nghiêm chú giải), Ngài thu thập hiểu rõ rất nhiều. Lúc pháp sư Vô Cực giảng đến thập huyền môn, hải ántam muội, Ngài chợt liễu ngộ pháp giới viên dung vô ngại. Vì ngưỡng mộ đức hạnh tu hành của quốc sư Thanh Lương, vị Bồ Tát suốt đời giảng kinh Hoa Nghiêm, nên Ngài tự đặt tên mình là Trùng Ân. Vì ngài Thanh Lương thường giảng kinh Hoa Nghiêm tại núi Ngũ Đài, nên người sau thường gọi núi đó là Thanh Lương. Nơi đó, mùa đông, tuyết đóng băng dày đặc. Mùa hè, tuyết vẫn còn rơi lớt phớt. Khí hậu khi ấm áp. Ngài rất mong muốn tương lai sẽ có dịp tham tâm đến vùng lạnh lẽo đó để tu hành. Pháp sư Vô Cực nghe Ngài lấy hiệu là Trùng Ân, liền hỏi: "Con đã quyết chí đi vào cửa Phật. Thật rất vui mừng. Từ đây về sau phải nên tu hành trichô giới."

Theo Phước Chung, đệ tử thị giả của Ngài, thì Ngài được cho pháp hiệu là Đức Thanh ngay sau khi xuất gia. "Đức Thanh" nghĩa là dùng "Thanh" để tạo đức. Chữ Thanh đây là nói về cảnh giới Thanh Lương ở núi Ngũ Đài, hay pháp giới lưu ly thanh tịnh.

Cuối năm, đến đêm giao thừa Ngài chính thức xuất gia được một năm. Tiếng pháo nổ giòn giã dưới chân núi, báo hiệu năm mới lại đến. Bình thường, chùa viện rất thanh tịnh trầm lặng.

**Báo Phât Pháp/Bouddhadharma số 31-08/2008**

Nhưng vào đêm đó, sau khi cúng lễ giao thừa xong, chư thiện nam tín nữ nhộn nhịp kéo nhau lên núi lễ Phật, hái lộc đầu năm. Chánh điện ngập tràn khói hương, hoa quả. Ngài cùng các huynh đệ bận bịu lo việc sắp đặt, đón tiếp tín chúng trong vùng đến chùa lễ Phật. Đột nhiên, một chú tiểu vội chạy đến gọi Ngài: " Sư Phụ muốn gặp sư huynh gấp!"

Nghe thế, tâm Ngài cảm giác bất an như có điều gì không may sẽ xảy đến, nên vội chạy đến phòng phương trượng. Đến nơi, Ngài thấy hòa thượng Tây Lâm an tường nằm trên giường thiền, chung quanh có đầy đủ các huynh đệ. Thấy Ngài vừa đến, hòa thượng Tây Lâm liền bảo: "Hôm nay, Ta gọi các con đến đây, vậy có biết vì việc gì không?"

Ngài cùng các huynh đệ nhìn nhau, lắc đầu. Một thầy thưa: " Bạch Sư Phụ! Có phải chúng con đã phạm lỗi gì chăng?"

Hòa thượng Tây Lâm lắc đầu đáp: " Chẳng phải thế! Các con có biết năm nay Ta đã được bao nhiêu tuổi không?"

Khi ấy, ai ai cũng im lặng, không biết ý của thầy mình muốn gì, nên không dám mở miệng. Phòng phương trượng im lặng phăng phắt. Ngược nhìn tất cả đệ tử xong, hòa thượng Tây Lâm bảo:

"Năm nay Ta đã được tám mươi ba tuổi. Chắc chẳng bao lâu sẽ về cõi Tây Phương gặp Phật A Di Đà."

Một vị tăng trẻ liền khóc lóc, thưa: "Sư phụ uyên thâm Phật pháp, thân thể vẫn còn mạnh khỏe, sao lại bảo sắp viên tịch?"

Một thầy khác nói thêm: " Tỏi nay là đêm giao thừa. Có

phải Sư Phụ không vui chăng?"

Hòa thượng Tây Lâm khoát tay bảo: " Uổng cho các con làm người xuất gia, vẫn chưa hiểu rõ lý có sanh tức có tử. Ta sống tám mươi ba năm, thế độ hơn tám mươi người, đến nay thì ngừng."



Hoà thượng chủ lễ sám tịnh

Trong số các con, không ai có thể kế thừa y bát của ta cả."

Ngung giây lát, hòa thượng Tây Lâm vẫy tay gọi Ngài đến gần, xoa lưng bảo: "Thằng bé này là niềm hy vọng kế thừa sự nghiệp của ta. Hiện tại, Ta không thể chờ đợi nhìn xem nó thành tựu đạo nghiệp được."

Ngài liền thưa: " Sư Phụ chờ vợ đi quá sớm. Sư Phụ không muốn nhìn xem con xiển dương Phật pháp sao?"

Hòa thượng Tây Lâm đáp: " Thằng ngu! Sư Phụ chỉ dẫn con vào cửa đạo thôi. Từ đây về sau, con phải tự quyết tâm tu hành."

Nói xong, hòa thượng Tây Lâm xoay đầu lại bảo đại chúng: " Thằng bé này tuy còn nhỏ, nhưng huệ căn thâm sâu, ý chí tu hành kiên cố, có trí kiến như các bậc lão thành. Sau khi Ta mất, mọi việc lớn nhỏ trong chùa đều phải để cho nó tự quyết định. Chớ khinh thường tuổi nhỏ mà không nghe lời của nó."

Các huynh đệ đều gật đầu vâng lời, rồi từ từ bước ra khỏi phòng phương trượng, duy chỉ còn Ngài ở lại hầu thầy mình cho đến sáng hôm sau. Tuy năm mới đến, nhưng thời thời khắc khắc Ngài luôn lo lắng ưu sầu về sức khỏe của thầy mình. Hòa thượng Tây Lâm nhận thấy tâm tánh của Ngài rất bình thản, an lạc hơn những sư huynh đệ khác. Phần nhiều, những người trẻ tuổi thường sợ hãi ưu sầu khi đối diện với sanh tử. Đối với hòa thượng Tây Lâm, trong tám mươi ba tuổi đời, những khổ vui gian nan an lạc đều xem như mây khói trôi qua trước mắt, vì đã liễu ngộ lý sanh tử. Mồng bảy tháng giêng, từ trên giường thiền hòa thượng Tây Lâm chợt ngồi dậy, đến các phòng ốc tìm chư đệ tử để cáo biệt. Các đệ tử, thấy hòa thượng Tây Lâm đến đều kinh ngạc, thưa: " Sư Phụ hãy bảo trọng sức khỏe, xin chớ quá lao nhọc lo lắng vì chúng con."

Hòa thượng Tây Lâm chỉ mỉm cười, không đối đáp chi, rồi trở về phòng phương trượng. Trụ trì chùa Báo Ân đã hơn ba mươi năm, hòa thượng Tây Lâm biết rõ các ngôi điện đường, tôn tượng Phật và Bồ Tát, bức tranh đối liễn, cây mai cây tùng, bồn hoa vườn tược. Hòa thượng Tây Lâm thông thả bách bộ, ngắm xem từng vật rõ ràng. Ngày kế, hòa thượng Tây Lâm gọi từng người đệ tử vào phòng phương trượng, phó chúc hậu sự. Ba ngày sau, hòa thượng Tây Lâm bị bệnh nặng.

Ngài nấu thuốc, tự tay đem đến giường thiền dâng cho thầy mình. Thấy Ngài đem thuốc đến, hòa thượng Tây Lâm lắc đầu bảo: "Đại hạn của Ta sắp đến, dùng thuốc có lợi ích gì? Chớ làm phiền đại chúng. Hãy nhờ họ lên chánh điện tụng kinh."

Nói xong, hòa thượng Tây Lâm liền nhắm mắt, tiếp tục cầm khâu chuỗi niệm Phật, không đoái hoài đến ai. Thấy thế, tâm Ngài rất bi thương, nhưng không dám làm trái lời dạy cuối cùng của thầy mình, nên gọi các huynh đệ, đến phòng phương trượng đồng thanh niệm Phật. Đến ngày thứ năm, vì không dùng thuốc thang, bệnh trạng của hòa thượng Tây Lâm càng thêm trầm trọng, sức khỏe yếu nhược, không thể ngồi dậy được, nhưng tay vẫn lần tràng chuỗi liên tục, miệng vẫn mấp máy niệm: "...Tất cả pháp hữu vi, đều như mộng ảo, như sương như sấm chớp, phải quán sát như thế. Phật thuyết kinh này xong, trưởng lão Tu Bồ Đề, cùng các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, ưu bà tắc ưu bà di, tất cả thế gian, trời người A Tu La, đều vui mừng hơn hở, tin thọ phụng hành..."

Âm thanh tụng niệm của hòa thượng Tây Lâm càng lúc càng nhỏ và yếu ớt, cho đến lúc không còn nghe tiếng, nhưng tay vẫn còn lần tràng chuỗi.

Sau khi hòa thượng Tây Lâm viên tịch, Ngài đóng cửa phòng cả ba tháng, không tiếp xúc với các huynh đệ, không đoái hoài đến chức vụ, chỉ nhất tâm nhất chí tu hành thiền định. Đại chúng biết Ngài rất thương mến hòa thượng Tây Lâm, nên không dám làm phiền lụy.

Tháng mười, thiền sư Vân Cốc thỉnh năm mươi sáu vị cao tăng danh tiếng trong toàn quốc đến chùa Thiên Quốc, khai mở thiền thất. Tuy Ngài mới hai mươi tuổi, nhưng cũng được mời đến tham dự thiền thất cùng các vị cao tăng. Lúc thiền sư Vân Cốc đề bạt tên Ngài, vị tân trụ trì chùa Báo Ân cũng đồng ý cho phép tham gia. Được cơ hội gặp các vị cao tăng danh sư, Ngài rất vui mừng. Vừa vào thiền thất, vì quá cao hứng và quá trẻ tuổi, Ngài chẳng đủ định lực nên chưa an được tâm. Do đó, Ngài cầm hương, đi đến phòng thiền sư Vân Cốc, cung thỉnh được chỉ dạy. Thiền sư Vân Cốc bảo Ngài hãy nên tham khán công án "Ai đang niệm Phật". Ba tháng liền, tâm Ngài không khởi một niệm, như sống trong mộng không thấy đại chúng xung quanh, lại cũng không biết đến thời khóa công việc hằng ngày.

Đại chúng ai ai cũng tán thán ý chí tu hành của Ngài. Trong những ngày đầu, vì dụng tâm quá mạnh, nên lưng bị đau nhức, có thể vì không quen ngồi xếp bằng trong thời gian dài. Một mụn nhọt nổi lên sau lưng. Ngài đáp y ca sa, thiết tha cầu khẩn Bồ Tát Vi Đà: "Bệnh này chắc chắn là do oan nghiệp đời trước. Tôi nguyện sẽ tụng kinh Hoa Nghiêm mười lần. Xin gia hộ cho tôi được khỏe mạnh trong ba tháng thiền thất này, rồi sau đó sẽ tụng kinh đền bù."

Đêm ấy, vì quá mệt nhọc Ngài nằm lãn trên giường thiền mà ngủ, không biết giờ thiền định đã chấm dứt tự bao giờ. Thức dậy, trời đã sáng, Ngài quên đi mụn nhọt sau lưng. Khi thiền sư Vân Cốc hỏi han bệnh tình, Ngài xem lại thì mụn nhọt sau lưng đã tan mất, sức khỏe được bình phục. Đại chúng rất lấy làm lạ. Thế nên, Ngài tham gia thiền thất hoàn toàn trong ba tháng liền. Thiền thất ảnh hưởng tâm linh Ngài rõ rệt. Sau khi ra khỏi thiền thất, Ngài cũng vẫn cảm giác như còn đang tọa thiền. Đi trên đường phố nhộn nhịp, nhưng Ngài cảm giác như chẳng thấy ai cả. Khi ấy, ai nấy cũng lấy làm lạ. (còn tiếp)



Các Phật tử thọ Bồ Tát giới

Hễ mình miễn cưỡng làm việc gì, thì việc đó không tương ứng với Đạo. Vì vậy, làm việc gì, mình cũng nên nhậm vận tự nhiên, chớ gò ép giả tạo. Nhiều người cả đời học Phật Pháp, song lòng tham của họ thì vĩ đại hơn hết. Thật tôi không biết họ học thứ Phật Pháp gì nữa ! Đã theo gót Phật, thì lúc nào, chỗ nào, và việc gì, mình cũng phải ung dung tự tại, chớ miễn cưỡng giả dối. Cũng chớ nên tham lam, tranh giành. Chớ nên vừa tu Thánh đạo, vừa đeo đuổi chuyện trần tục. Hãy ngừng đi lòng ích kỷ, chấm dứt tánh tự lợi. Quan

trọng nhất là mình đừng nói dối. Một khi lòng gian dối ngừng bật, lúc ấy tánh chân thật mới bắt rễ trong tâm ta.

Nếu bạn còn song thân thì hãy hiếu thảo với họ. Đối với anh em trong nhà, mình hãy thương yêu, đùm bọc, chớ cãi và đập lộn. Hễ cãi và thì không khí

êm đềm ấm cúng sẽ tiêu tan mất. Các bạn hãy quán sát xem : Biết bao gia đình trên thế giới này đổ vỡ nát tan ! Phân gia ly tán. Chẳng còn mấy ai biết sống chung trong tình thương và hòa thuận. Dù rằng :

Vợ chồng chung sống

Đó là quan hệ căn bản của loài người.

Mình phải hài lòng với cuộc sống gia đình, chớ để mất hòa khí. Nếu không thì lúc nào mình cũng dễ sanh sự, cãi vả. Khi ấy cả nhà chẳng còn chi vui thú, ấm cúng nữa. Nhiều nhà, ai nấy lòng cũng bất mãn, oán ghét nhau, chẳng biết tri túc chi cả. Có kẻ còn nói : "Khốn nạn cho tôi sinh vào nhà này !" Đầy thù hận, oán độc. Bởi người này đổ lỗi người kia. Kết quả là vợ chồng ly dị. Đấy chẳng là qua là :

Cha không ra cha,

Con không như con,

Vợ chẳng ra vợ.

## Vì sao thế giới sụp đổ ?

H.T Tuyên Hoá giảng ngày 22 tháng 8 năm 1993, tại Burlingame.

Là người học Phật, mình chớ nên hiếu kỳ, ham thích những thú cao xa diệu vợi. Bởi vì :

"Tâm bình thường là đạo".

Mà hơn nữa :

Con người noi theo Đất,

Đất noi theo Trời,

Trời theo Đạo,

Đạo theo Tự Nhiên.

Và rồi cả nhà chẳng một phút êm ấm, cú cãi và suốt ngày. Nếu sống mà cú mất lòng nhau (ly tâm), chẳng chịu nghe nhau (ly đức), thì chắc chắn cuối cùng sẽ bỏ nhau (ly hôn). Thời này các bạn biết bao nhiêu gia đình ly hôn chẳng? Kể ly hôn thì nhiều hơn kể kết hôn. Ly hôn tuy tệ hại, song kết quả của nó còn tệ hại hơn, bởi vì nó phá huỷ cơ cấu quốc gia khắp mọi nơi. Nguyên nhân khiến thế giới sụp đổ thật là bắt nguồn từ nơi gia đình bất hòa, vợ chồng ly dị. Và cũng từ đó tai họa trong trời đất phát sanh.

Thiên tai, nhân họa vì đâu mà có? Vì con người ly hôn nhiều quá. Khi cha mẹ ly hôn, gia đình tan nát, thì con cái dễ biến thành những trẻ hư hỏng. Thiếu cha mẹ, chúng không thể nên người và thành kẻ hữu dụng ở đời được. Trẻ mồ côi, hay trẻ sống một mình cha, hoặc mẹ nó, thì đầy dẫy khắp thế giới. Khi thiếu giáo dục đàng hoàng, thì các em ấy khi lớn lên, chẳng hề biết câu thúc gì cả. Các em có thể giết người, đốt nhà, hút sách .v.v... đủ mọi chuyện xấu.

Bấy giờ quốc gia thì không còn là quốc gia, thế giới không còn là thế giới nữa. Tra xét cho kỹ nguyên nhân họa hoạn, thì rõ ràng là từ việc cha mẹ không biết giáo dục con cái, trị lý gia đình cho tốt; họ cứ luôn ích kỷ nghĩ đến cá nhân mình, do đó mới tìm giải pháp ly hôn. Một khi ly hôn thì đủ thứ vấn đề nảy khởi. Những thứ tai họa như động đất, cuồng phong, hỏa hoạn, tật dịch, sẽ thường xuyên hoành hành. Không biết bao nhiêu người sẽ mất mạng trong đủ loại tai nạn như máy bay rớt, xe lửa lật, tàu chìm .v.v... Và nguyên nhân đó thì thật giản dị: Vợ chồng ly hôn. Bởi vì ly hôn là làm đảo lộn Âm Dương. Khi Âm Dương đảo lộn, thì mọi sự mọi việc không còn thuận lợi êm xuôi nữa. Mọi thứ trên thế giới sẽ chịu ảnh hưởng và rối cuộc đều bị đảo lộn hết.

Bởi vậy, muốn rõ vì sao thế giới suy sụp, mình phải xét tận nguồn gốc. Nguồn gốc ấy là do vợ chồng bất hòa. Do họ không còn biết tôn trọng nhau, quên bỏ đi lễ tiết giữa vợ chồng. Thời này ai cũng nói tới tự do, song càng nói tự do thì họ càng đánh mất giá trị nhân bản. Tới độ con người chẳng hơn gì súc vật. Thật là thời đại đã đến chỗ sụp đổ. Các bạn hãy thấu triệt điểm này! Chẳng

lẽ học Phật Pháp cả chục năm rồi, mà mình chẳng rõ gốc nguồn khiến thế giới sụp đổ sao?

Sở dĩ cha mẹ thường bất hòa là vì họ không biết đạo hiếu. Hễ mình tranh cãi, đập lộn nhau hoài, mình không sao có hiếu với song thân, cũng không sao tận trung với đất nước được. Hậu quả là con mình sẽ thành hư hỏng, đầy nan đề. Khi chúng lớn lên lập gia đình, chúng sẽ tiếp tục bước đi sụp đổ của cha mẹ chúng. Thế là tác hại này di truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, lần quản không dứt.

Các vị đạo hữu! Để thấu triệt gốc nguồn khiến thế giới suy đồi, ta phải thấy rằng: Mặt ngoài chính là do cha mẹ bê bối, mặt trong chính là do lòng người hư thối. Khi lòng người vốn thối nát thì ngoại cảnh sẽ trở nên hỗn loạn, mất khuôn phép. Các bạn hãy nhìn xem điều này có đúng chẳng? Khi gia đình rối ren, đầy dẫy tranh chấp thì hẳn là xã hội không sao êm thấm được. Và đất nước chắc chắn sẽ không xuất hiện bậc hiền tài. Các bạn nghĩ sao? Chẳng biết các bạn có cảm tưởng gì về lời tôi nói?

## Mười điều cát tường phát sinh khi Bồ Tát Văn Thù ra đời

1. **Quang minh đầy phòng**: Quang minh này sáng hơn bất cứ ánh sáng đèn gì, đại biểu đại trí huệ của Bồ Tát.

2. **Cam lồ đầy sân**: Cam lồ là một thứ nước bất khả tư nghi, có thể trị lành đủ thứ bệnh, nếu ai uống được nước đó, thì chẳng bị uy hiếp về khổ sinh, già, bệnh, chết.

3. **Đất vọt lên bảy báu**: Bảy báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Tại sao bảy báu vọt lên? Vì Bồ Tát Văn Thù đã tu lục độ vạn hạnh hết sức cứu kính viên mãn, cho nên Ngài đến đâu cũng đều cảm ứng châu báu từ dưới đất xuất hiện.

4. **Thần thông khai mở bảo tàng**: Sức đại thần thông của Bồ Tát Văn Thù, khiến cho đất nứt ra mà lộ ra bảo tàng ẩn náu ở dưới đất, đây chẳng

giống đất vọt lên bảy báu như điều thứ ba ở trên, ở đây đất nứt xé ra mà hiển lộ ra bảo tàng.

5. **Gà sinh phụng hoàng** : Điem này càng chẳng tầm thường so với diem vừa rồi ở trên. Kỳ thật thì gà chỉ sinh gà, nhưng vì Bồ Tát Văn Thù ra đòi là việc phi thường đặc thù, cho nên trứng gà nở ra phụng hoàng (phụng hoàng là thần của loài chim).

6. **Heo sinh rồng con** : Điem cát tường này càng lạ kỳ ít thấy hơn gà sinh phụng hoàng. Nếu bạn đã cảm thấy quá bất khả tư nghì, thì hãy xem mấy diem dưới đây nữa.

7. **Ngựa sinh kì lân** : Kì lân, thân nai đuôi bò, một sừng. Ngựa mà sinh kì lân là điều hiếm có trên đời.

8. **Bò sinh bạch trạch** : Bạch trạch là tên của loài thần thú, biết nói. Là một loài thần thú hiếm có vô cùng mà cát tường, chẳng giống bò cũng chẳng giống ngựa.

9. **Thóc biến thành vàng**. Các bạn nghĩ có kì dị chẳng ? Có những người cho rằng thật là quá kì dị, cho nên không tin. Nếu bạn không tin là vì bạn chẳng minh bạch. Nếu bạn minh bạch thì chẳng có nghi vấn gì, trước kia chắc chắn bạn chưa nghe qua những việc này, cho nên làm sao bạn tin được. Bất quá thế giới này quá rộng lớn, mà những gì chúng ta thấy nghe đều có hạn, vì chúng ta chưa nghe qua những hiện tượng kì dị này, khi thóc chuyển biến thành thóc bằng vàng rồi, thì không thể làm vật ăn nữa, nhưng đó chỉ là số ít.

10. **Voi đủ sáu ngà** : Thông thường chúng ta chỉ biết voi có hai ngà. Nhưng khi Bồ Tát Văn Thù ra đòi thì voi đều mọc ra sáu cái ngà, bạn nói đó có kì lạ chẳng ?

# Đạo

Hoà thượng Tuyên Hoá

**Đ**ạo thì vô cùng vô tận, ngũ hành bát quái đều do đạo mà diễn biến ra. Gạch kế dưới là chữ nhất (一). Gốc là số 0. Số 0 là gốc của vạn hữu. Nó không có số mục, nhưng nó là bản thể của tất cả số mục, không lớn không nhỏ không trong ngoài, tuần hoàn vô đoan. Bên cạnh số 0 thêm số 1 thì thành 10. 10 thêm số 0 thì thành

100. 100 thêm số 0 thì thành 1000. 1000 thêm số 0 thì thành 10000. Nếu cứ thêm mãi thì vô cùng vô tận. Cho nên :

"Một gốc tán làm vạn thù,

Vạn thù lại quy về một gốc".

Nếu không thêm nữa thì trở về bản

hữu số 0. Tức là một số mục cũng

chẳng có. Số 0 này tức là vô cực, từ vô cực sinh thái cực, từ thái cực tiếp tục sinh trời đất vạn vật.

Số 0 này nếu triển khai ra thì thành chữ nhất (一). Cho nên :

"Trời được một là thanh,

Đất được một là yên,

Người được một là Thánh".

Làm thế nào để được chữ nhất (一) ?

1. **Cách vật** : Đầu tiên phải cách vật, từ cách vật mới có thể tu thành nhất (一), lại từ nhất (一) biến trở lại số 0. Số 0 này trong Phật giáo gọi là đại quang minh tạng. Cách vật tức là cách trừ vật dục, như tài sắc danh ăn ngủ năm dục, đều phải cách trừ, mới có thể khôi phục linh minh giác tính vốn có, trở về cội nguồn.



Phật tử các nơi về dự lễ An Vị Phật

2. **Chí tri** : Vật dục hết sạch thì trí huệ hiện tiền ; có thể xúc loại bằng thông, cũng giống như tấm gương, vật đến thì ứng, vật đi thì lặng.

3. **Thành ý** : Đối người tiếp vật phải chí kính tôn thành, khân thiết thành thực.

4. **Chánh tâm** : Không tồn tại tà niệm. Cho nên :

"Chánh niệm thì Phật tại nhà,

Tà niệm thì ma tại đường".

Người tu đạo không nên nói cười cầu thả, không nên coi thường cử chỉ hành động, phải giữ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, không thể đồng lưu hợp ô.

5. **Tu thân** : Phải thương tiếc thân thể của mình, tôn trọng nhân cách, từ vua cho đến dân, phải lấy việc tu thân làm gốc.

6. **Tề gia** : Tu thân rồi mới hòa mục gia đình, thuận nghĩa vợ chồng, cha từ con hiếu, huynh hữu đệ kính.

7. **Trị quốc** : Gia đình là đơn vị cơ bản của quốc gia, gia đình hòa mục thì tự nhiên quốc thái dân an.

8. **Bình thiên hạ** : Từ trị quốc rồi mới đến bình thiên hạ. Đây là tám điều mục phân minh, là con đường làm người xử thế phải tu. Nhất định phải tại chỗ này mà hạ thủ công phu, cho nên đừng hướng ngoại truy cầu, phải cung hành thực tiễn. Cho nên :

"Nghĩ muốn thiên hạ tốt,

Trước phải tự làm gương".

Tôi là một phần tử của nhân loại, tự mình chưa làm tốt, làm sao khiến cho toàn nhân loại đều tốt ? Mọi người đừng giống như máy giặt đồ, chỉ biết giặt đồ cho người khác, trong khi đồ của mình dơ mà chẳng chịu giặt. Cũng đừng giống như máy nhiếp ảnh, ánh sáng chỉ chiếu bên ngoài mà không chiếu được bên trong của chính mình. Đó là máy móc, nhưng con người là thứ linh trong vạn vật, phải dung thân làm khuôn phép.

Nhan Hồi hỏi chữ nhân, Không Tử đáp : "Khắc kỷ phục lễ là nhân". Khắc kỷ tức là luật kỷ, tức là tâm không còn tà niệm, thân không làm việc tà, miệng không nói lời gạt người. Tất phải luật kỷ, mới có thể phục người. Cho nên "thân chánh trực,

không bảo mà làm ; thân bất chánh tuy bảo mà không theo". Phải chánh mình rồi sau mới dạy người, giáo hóa người, giúp người.

"Nhân, nghĩa, lễ, trí, là gốc nơi tâm, từ đó mới sinh ra sắc tướng, mặt mày sáng sủa, vai nở rộng giúp cho tứ thể, tứ thể không nói mà bảo rõ". Nhân nghĩa lễ trí là gốc tự nhiên, thiên tính của con người, bạn phải phát dương từ trong nội tâm thì tự nhiên sẽ hiển lộ thứ quang trạch, đây mới là đức quang phổ chiếu, có duyên với mọi người, tùy thời tùy lúc, từ hình thái, nghị biểu trong lời nói, tịch mặc động tĩnh đều hiển lộ thứ đức quang này. Cho nên có câu :

"Hữu đức nhân nhân thân,

Hữu đạo người người kính ;

Đạo cao long hổ phục,

Đức trọng quỷ thần khâm".

Thứ đức tính này hợp với đức của trời đất, hợp với ánh sáng của mặt trời mặt trăng, hợp thuận với bốn mùa, hợp cát hung của quỷ thần. Lại rằng : "Đầy thật gọi là đẹp". Cái đẹp này chẳng phải là tô son đánh phấn mà là đạo đức tràn đầy mới gọi là thật đẹp của con người. "Đầy thật mà có quang chiếu gọi là đại, đại mà hóa gọi là Thánh, Thánh mà bất khả tri chi gọi là thần". Tại sao bạn có kẻ địch ? Vì đức hạnh của bạn chưa sung mãn, trong Phật giáo không có kẻ địch. Người đánh ta, ta không đánh người ; người mắng ta, ta không mắng người. Cho nên :

"Không tham, không tranh, phước lộc vô biên ;

Tranh tham quá nhiều, tội nghiệp liên thành".

Lại xem chữ "Đạo", phía dưới là chữ "Tự", tức là đạo tại chính mình, chẳng phải hướng ngoại truy cầu, cũng chẳng phải bằng vàng bạc hoặc thủ đoạn làm được, mà phải tự mình hạ công phu. Sai một ly đi ngàn dặm. Hai phẩy ( ' ' ), chữ "Nhất" và chữ "Tự" hợp lại là chữ "Thủ", cũng là đầu. Tu đạo là một việc đại sự đầu tiên, nhưng tiếc thay, người đều quên mất bỏ gốc tìm ngọn.

"Danh lợi việc nhỏ người người ham,

Sinh tử việc lớn chẳng ai màng ;

Thanh tịnh là phước chẳng ai hưởng,

Phiền não là tội ai cũng tham".

Bên trái chữ "Đạo" là bộ "Sước" (đi). Ý nghĩa chữ "Đạo" là tự mình đi.

"Đạo thì phải hành, không hành sao có đạo,

Đức thì phải làm, không làm sao có đức?"

Do đó mọi người phải tự mình tạo đức hạnh. Không phải gọi người làm còn mình thì không làm, đây gọi là "xả mình vì người". Lại nữa, không hại người là "Đạo", giúp người là "Đức". Nếu tôn người lợi mình thì thiếu đạo khuyết đức.

Đạo quý tại cung hành thực tiễn. "Giàu nhuận phòng, đức nhuận thân". Bạn có tu hành thì quang diệu mỹ đại Thánh thần, có thể phát ra bên ngoài. Tôi không hiểu cao đàm khoát luận, chỉ giảng những lời lão lão thực thực này.

## tay bỏ nhất bài

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

Ngày 30 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Chúng tôi hiện đang trên xa lộ nhỏ hẹp, cong ngoằn dẫn trở ra bờ biển và bị một hoạn nạn. Nguyên là còn gần một dặm nữa mới đến quận vùng biển ở Bodega Bay, tôi bỗng cảm thấy có lệnh đòi đi cầu. Khỏi phải nói cũng biết là ở đây làm gì có nhà vệ sinh, bởi vậy tôi đành phải tuốt xuống khỏi xa lộ và lúi đại vào bụi rậm để làm tròn bổn phận hằng ngày. Rủi thay lại không có giấy để chùi, nên tôi vói tay quơ đại mớ lá vàng tươi gần bên. Đó chính là một lầm lỗi thật đáng giá, vì sau đó tôi mới nhận ra những chiếc lá xanh xấn này lại là lá cây Sồi Độc, poison oak (tôi cứ nghĩ lá Sồi Độc màu xanh). Nhưng nghĩ gì đi nữa cũng không giúp ích chi trong lúc này. Chúng tôi lại tiếp tục lể lạy, nhưng đến tối toàn thân tôi ngứa ngáy dữ dội. Hầu như suốt cả đêm tôi không chợp mắt được một phút nào. Tuy nhiên, nhờ nhớ niệm hồng danh Bồ Tát Quán Thế Âm nên đã giúp tôi quên đi cơn đau nhức.

Sáng hôm sau, khi tôi di chuyển còn thấy khó khăn hướng chi là quỳ lạy! Thế nên tôi và Thầy Hằng Do chỉ còn cách là ngồi xuống trên gò đất bên vệ đường. Cả hai chúng tôi hoàn toàn tuyệt vọng. Một lần nữa, lòng tôi tràn ngập những mối

ngại ngại về việc làm không thực tế, khó thành công của chúng tôi. Vì hiện tại còn phải lạy thêm phân nửa vùng California; cả vùng Oregon và Washington, lại thêm vấn đề là tôi tự mình chùi móng còn không xong.

Chúng tôi ngồi đó cả mấy tiếng đồng hồ. Không thể nào trở về, (mà có thể chăng?) nhưng nhất định là chúng tôi không thể nào tiếp tục được nữa. Cho nên chúng tôi vẫn cứ ngồi nhìn xe cộ qua lại. Vấn đề này coi như vô phương giải quyết. Đột nhiên như có cảm ứng nhiệm mầu đến cứu giúp chúng tôi. Đó là hai chiếc xe Van quen thuộc đang ngừng trước mặt. Thì ra là cả nhóm người thân thuộc từ Kim Sơn! Có cả Sư Phụ nữa! Chúng tôi bèn di chuyển đến bãi đậu xe trống của công xưởng đồ hộp bỏ hoang. Họ đem đến nào là thức ăn, quần áo, thuốc men, tất cả những thứ mà chúng tôi cần dùng. Có cả giấy vệ sinh nữa! Tôi có cảm giác sung sướng đến tận mây xanh.

Mọi người ngồi thành vòng tròn, rộng khoảng mười lăm bước. Trước hết tôi và Thầy Hằng Do báo cáo những diễn biến trong mấy ngày qua. Sau đó mấy vị Tăng Ni lần lượt thuyết những bài pháp ngắn. Trong lúc họ nói, Sư Phụ nắm lấy bàn tay phải của tôi và bắt đầu xoa xoa. Ngài vừa nhẹ xoa bóp vừa đọc chú. Tôi cảm thấy cái căng thẳng đau nhức dần dần như rời khỏi thân mình, còn tai như không còn nghe gì cả, chỉ cảm nhận được sự ấm áp của buổi nắng chiều. Ngoài ra không có gì đáng để cho tôi bận tâm đến.

Buổi họp mặt kéo dài khoảng một tiếng, sau đó mọi người lên xe ra về. Sư Phụ dạy chúng tôi nên nỗ lực chú tâm thêm vào việc lể lạy. Ngài bảo trong hoàn cảnh này, cách tốt nhất là niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Sư Phụ lại nói: Với thần lực của Ngài Quán Thế Âm, không những chỉ cứu giúp riêng từng cá nhân, mà Ngài còn hỗ trợ rất nhiều trong việc đem lại hòa bình cho thế giới bằng nhiều phương pháp thật không thể nghĩ bàn.

Trước khi chia tay, tôi có hỏi Sư Phụ rằng: "Tối hôm qua con đã cầu đức Bồ Tát Quán Thế Âm cứu con, và hôm nay Sư Phụ cùng mọi người từ Kim Sơn đã đến để cứu giúp. Như vậy có phải là chuyện trùng hợp không?"

Sư Phụ liền trả lời: "Đây chỉ là chuyện nhỏ thôi! Bất cứ lúc nào con muốn, chỉ cần gọi điện thoại là ta đến ngay."

Hôm nay tôi đã học được rất nhiều. Có một việc là cho đến hết cuộc đời này tôi sẽ không bao giờ quên được cái hình dáng của cây Sồi Độc, và tôi sẽ cố giúp những người khác đừng bị cái cảnh đau ngứa như tôi. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là tôi đã hiểu thêm được cái gọi là trung điểm triết lý của Sư Phụ:

"Mọi sự đều O.K!" (Everything is OK!).

Đây là những lời dạy thiết yếu của Sư Phụ mà tôi cũng đã từng nghe mọi người lập đi lập lại hàng trăm lần. "Mọi sự đều O.K ." không có nghĩa là muốn làm gì thì làm theo sở thích của mình. Không phải thế đâu! "Mọi sự đều O.K," là tâm trí của một người ở vào giai đoạn đã được luyện tập thuần thục, có thể quán sát thấu triệt những sự thăng trầm của các pháp mà tâm hoàn toàn vô chấp không bị vướng mắc, vì đó là nơi không chỗ trụ. Không xa lìa sự vô chấp này, người đó có thể hoàn toàn sống một cuộc đời có trách nhiệm, chín chắn, trưởng thành.



Các Phật tử kết duyên lành với chư Tăng Ni

Đây là điều ai cũng có thể theo đuổi để đạt được. Ở thế gian này dù cho ở hoàn cảnh nào, có xấu tệ gì đi chăng nữa, cuối cùng thì "Mọi sự đều o.k."

Trước khi trở về Kim Sơn, Sư Phụ đã cho mỗi chúng tôi những lời dạy dỗ như sau:

"Khuyến tiền Thiên sinh Hằng Cù,

Phát nguyện Tam Bộ Nhất Bái,

Cầu cho thế giới hòa bình:

Tăng đoàn tại thiền viện Kim Sơn ở xứ Mỹ này rất đông và trẻ tuổi. Tất cả đều chú trọng vào việc duy trì, bảo hộ nền chánh pháp. Riêng mỗi cá nhân đều có những ưu điểm riêng biệt. Hiện nay con đã lập lời nguyện mà trước đây con chưa từng nguyện, hành theo hạnh Thánh Nhân mà con đã chưa từng hành, là mỗi ba bước lạy một lạy

hướng về mười phương Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

Vì lòng thành đầy nhiệt huyết của con cho việc cầu nguyện thế giới hòa bình là chân thật, chắc chắn con sẽ được sự cảm ứng nhiệm mầu. Mặc dầu sự phát tâm lúc ban đầu thì dễ dàng, tuy nhiên nó cũng có thể rất khó đạt được trọn ý nguyện của con. Đừng bỏ cuộc, hãy giữ vững sự kiên trì, thành tâm và cần mẫn lên. Một ngàn dặm mà con sẽ đi qua chỉ là một bước nhỏ trong pháp giới. Hãy quyết tâm, đừng bao giờ ngừng thôi cho đến khi đạt đến mục đích của con. Hãy phấn chấn tinh thần lên nhé con! Ta để lại cho con bài thơ tu giả này:

Nan hành năng  
hành thị Thánh  
hạnh

Nan nhẫn năng  
nhẫn cập chân  
nhân

Thập phương  
chư Phật từng  
thứ xuất

Bát vạn Bồ Tát  
tiếp chúng lai

Xuy đại pháp

loa thí hiệu lệnh

Chấn bảo tích  
trượng hóa kiên tham

Công viên quả mãn khả triển nhật

Nạp vi ngô đồ tổng bính xan.

Nghĩa là:

Hay làm việc khó là hạnh Thánh

Hay nhẫn việc khó tức thật nhân

Mười phương chư Phật từng như thế

Tám vạn Bồ Tát tiếp truyền lai

Thôi đại pháp loa ra hiệu lệnh

Khua bảo tích trượng tiêu tham xên

Ngày thành công trong khúc khả hoàn

Tặng đệ tử bữa ăn bằng bánh (berry pie).

Lời dặn dò thiền sinh Hằng Do,

Người hộ pháp cho Hằng Cụ.

Vì chúng sanh phát nguyện lễ Phật,

Thỉnh cầu thế giới hòa bình:

Từ lúc bắt đầu cho đến khi viên mãn, đừng ngộp ngừng. Khi gặp khó khăn chớ chuyển lòng. Hành động như người bảo vệ, giúp Hằng Cụ tự cảm nhận được sức mạnh của lời nguyện. Những bậc quân tử tài đức thời xưa đáng được kính mến, nhân vì các Ngài có lòng quên mình để bảo hộ người khác. Nhưng thời bây giờ những bậc đáng kính đó rất hiếm hoi. Và đây là phương pháp thực hành theo hạnh Bồ Tát, cũng là một trong các cửa đưa đến giải thoát. Đừng bao giờ, dù chỉ trong chốc lát mà quên đi chí nguyện dũng mãnh thuở ban đầu, phải luôn luôn nhất tâm giữ vững lập trường cho đến cuối cùng. Hãy dũng mãnh tinh tấn đánh tan bọn quỷ ma. Dù cho Thiên Long có đến tỏ lòng kính phục, cũng chớ vui mừng. Dù có gặp hoàn cảnh chướng ngại, cũng chớ sân giận. Tâm không phân biệt, cũng không có sự thành đạt. Sự lễ bái tuyệt diệu này sẽ là những khó nhọc gian nan, có thể đưa đến sự kiệt sức. Nhưng khi con biết áp dụng những điều đã học thì con sẽ được viên minh châu quý. Ráng ghi nhớ những lời chỉ dạy này và đừng phụ lòng ta nhé! Ta để lại cho con bài thơ từ giả:

Giai hành lệ chí tiến chinh đồ

Quả Đạo, Hằng Do tác hộ phù

Du kinh tam thiên túc hoa lý

Cụ việt tám vạn bộ đang xe

Khoa học thời đại thượng cổ lão

Phật giáo cảm ứng tinh chúng mê

Nỗ lực nỗ lực cánh nỗ lực

Bất hưu bất hưu thường bất hưu.

Nghĩa là:

Cùng nhau tiến bước trên đường xa

Quả Đạo Hằng Do chuyên hộ trì

Quả Du qua đủ ba ngàn dặm

Hằng Cụ vượt tám vạn bước xe

Tuy thời đại nhưng hành theo xưa

Phật giáo cảnh tỉnh chúng mê lầm

Cố gắng cố gắng càng cố gắng

Đừng ngừng đừng ngừng thường đừng ngừng."

(còn tiếp)

## CÂN NHẮC

Ai ơi lắng lặng mà nghe  
Giữ răn việc trước lần dè thân sau\*  
Câu thơ của người xưa để lại  
Khuyên chúng ta trong cuộc sống thường ngày.  
Làm việc gì nhớ còn quả hậu lai  
Phải cân nhắc đắn đo sau trước  
Lấy đạo đức làm hành trang tiến bước  
Đôi với đời giữ tròn chữ nghĩa nhân.  
Thà nghèo hèn lòng trong sạch hiền lương  
Sống cam phận hơn bất nhơn thất đức  
Phú quý trần gian dầu tiền muôn vạn ức  
Nghĩ cho cùng nuôi thân giả ai ơi.  
Một mai khi nhắm mắt qua đời  
Thân tứ đại cũng trả về tứ đại  
Của cải bạc tiền lợi danh đành để lại  
Mang theo mình nghiệp thức đã vay.  
Luật của trời nhân quả xưa nay  
Ác gặp ác hiền phước gặp lành  
Vui hay khổ tự mình làm mình lãnh.

Nguyễn Phước Huệ

\*Hai câu trên trong thơ Lục Vân Tiên  
Của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

## Cuộc đời của h.t Tuyên Hoá

### Phần I: Tu Hành Tại Trung Quốc

#### 1. Thừa nguyện trở lại.

Hòa Thượng, Thượng Tuyên Hạ Hóa sanh vào Ngày 16 tháng 3 năm Mậu Ngọ (1918), một Thôn nhỏ Huyện Song Thành Tỉnh Mãn Châu, Trung Hoa; Thân phụ là cụ Ông Bạch Phú Hải vốn là một nông phu chất phát; Thân mẫu là cụ Bà Hồ Thị là một Phật tử thuần thành cả đời ăn chay niệm Phật. Ông Bà đã có bốn trai ba gái nay lại được thêm một út trai thật đúng như ý nguyện.

Điểm khác lạ là vừa mới sơ sinh Ngài đã khóc trong ba ngày liên tiếp. Cụ Ông châu mày bồn chồn lo lắng, cả nhà thì bối rối không yên. Cụ Bà cảm giác rằng đứa bé vừa hạ sanh tất không phải người thường, nhân trong đêm chuyển dạ lâm bồn Bà có một giấc mộng diệu kỳ. Bà mơ thấy Phật A Di Đà hiện thân, từ đôi mắt phóng hào quang vàng soi sáng cùng khắp thế giới và làm cho trời đất chuyển động, mục kích cảnh tượng này bà cảm thấy thân tâm tĩnh lặng, và chợt giật mình thức giấc xoay nhìn khắp bốn phía vách nhà mới biết đó chỉ là giấc mộng khiến bà không khỏi luyến tiếc, nhưng khi ngẫm lại thì cũng không phải là mộng vì cảm thấy có hương thơm phảng phất căn phòng hồi lâu mới hết; cho nên Bà lại niệm Phật càng rõ tiếng hơn. Sau đó không lâu Bà hạ sanh một bé trai, tức là Pháp sư An Từ tự Độ Luân và cũng là Hòa Thượng Tuyên Hóa sau này.

## 2. Lập chí tu hành.

Hòa Thượng được nuôi dưỡng trong gia đình hiền đức và lớn lên trong một ngôi làng yên tĩnh ở miền quê. Nhiều người trong làng đã dời đi nơi khác để tầm danh cầu lợi nên cửa nhà thưa thớt, đường xá vắng bóng người, dân làng sống trong cảnh tĩnh lặng, an nhàn. Vì thế khi lên mười một tuổi Ngài chưa từng thấy qua người chết. Cho đến một hôm đang lúc cùng các bạn trẻ trong thôn vui đùa chạy ra ngoài đồng hoang vắng Ngài chợt thấy một đứa bé bọc trong manh chiếu bị bỏ trong bụi rậm, miệng nó ngậm và mắt thì nhắm nghiền. Bạn trẻ liền chạy tới lay gọi nó nhưng đứa bé không động đậy, Ngài không biết em bé này tại sao như thế liền hỏi một người lớn thì được cho biết rằng:

- Nó đã chết!

Ngài vẫn chưa hiểu nghĩa chữ CHẾT là gì? nên vội chạy về nhà hỏi mẹ, Mẹ Ngài bảo:

- Phàm là người ai cũng phải chết, có người chết già có người chết vì bệnh có người chết vì tai nạn, bất luận người giàu cũng như người nghèo hoặc người làm quan kẻ đi buôn người làm ruộng hay nhân công dầu có quyền uy chức phận chi nữa mọi người rồi cũng phải chết.



Chư Tăng Ni là ruộng phước thù thắng của thế gian

Càng lầy lịm lạ Ngài lại hỏi:

- Nhưng thưa mẹ! vậy có cách nào để khỏi phải chết không?

Lúc đó có một vị Tu đạo đang viếng thăm gia đình Ngài, nghe Ngài hỏi liền đỡ lời:

- Có chứ con phải tu đạo, đó là cách duy nhất; con phải hiểu thấu bốn tâm, giác ngộ bản

tánh của mình thì mới mong vĩnh viễn

thoát ly luân hồi sanh tử.

Câu trả lời này đa số người nghe đều ít hiểu đạt, mặc dầu tuy chỉ mười một tuổi Ngài không những nghe xong liền hiểu mà còn lãnh ngộ ngay đạo lý thâm sâu này. Lời người khách đã in sâu vào tâm khảm Ngài. Sau đó Ngài quyết tâm xuất gia tu đạo. Khi Ngài trình ý định xuất thế của mình lên Mẹ thì Mẹ Ngài bảo rằng:

- Xuất gia là việc bố thí cao thượng cũng là việc khó làm nhất nếu con có căn lành cùng sự quyết chí thì con sẽ đạt được đạo quả. Mẹ rất vui mừng vì lời nguyện và ý chí của con đã ấn chứng cho giấc mơ kỳ diệu của mẹ thuở xưa, nhưng nay mẹ đã già, hẳn không còn sống bao lâu. Bốn người anh và ba người chị con đều đã lập gia đình, Mẹ hy vọng con ở lại để phụng dưỡng cha mẹ đến lúc cha mẹ qua đời thì con xuất gia cũng không muộn.

Ngài đã tôn trọng lòng mong ước của mẹ tạm gác lại ý nguyện xuất gia và thường theo mẹ Lễ Phật, tụng Kinh. Từ đó hạt giống Bồ đề trong tâm Ngài càng tăng trưởng. (còn tiếp)

# le Sutra du merveilleux Dharma du lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

## TOUTS LES SYSTÈMES MONDIAUX DU BOUDDHA TREMBLAIENT DE SIX MANIÈRES.

Parlons du quatrième miracle, le miracle du tremblement de terre. Les six types de tremblements de terre représentent l'entrée des six organes des sens. Les six organes des sens (œil, oreille, nez, langue, corps et esprit) réagissent les uns à l'aide des autres. On pourrait dire qu'ils constituent ainsi une sorte d'association, comme le lang et le pei. Ces deux animaux, le lang et le pei doivent s'unir ensemble pour pouvoir marcher.

Séparés, ils ne peuvent pas marcher. Pourquoi ? Parce que le lang et le pei sont différents des loups ordinaires. Le lang possède seulement les pattes de devant et le pei seulement celles de derrière. Les deux doivent s'unir pour marcher. D'où le dicton: Unis comme le lang et le pei. L'œil, l'oreille, le nez, la langue, le

corps et l'esprit : les six organes des sens se comportent aussi de

cette façon. Ensemble, ils peuvent être responsables de nombreux méfaits mais peuvent aussi accomplir de bonnes actions. Lorsqu'ils tombent, ils traînent dans leur chute votre corps du Dharma dans l'enfer ou peut-être dans le monde des esprits affamés ou encore dans le monde animal. Ceci se produit parce que l'œil, l'oreille,

le nez, la langue, le corps et l'esprit vous y emmènent.

Lorsqu'on réalise l'état de Bouddha, c'est aussi grâce à nos six organes des sens qui coopèrent entre eux. Comme le lang et le pei, dépendant les uns des autres et fonctionnent comme une organisation coopérative. Vous les aidez et ils vous aident. Par exemple, comme j'ai dit la semaine dernière, quand le mérite du nez augmente, les afflictions des yeux disparaissent. Lorsque le mérite des yeux augmente, les afflictions du nez disparaissent.



Bienvenue les moines pour faire cénémonie  
consecration la statue de Bouddha Sakyamuni.

Que voulait-on dire les afflictions des yeux et afflictions du nez ? Lorsque vous apercevez des choses que vous aimez mais que vous ne pouvez pas obtenir, alors vous vous affligez. Cette vision fait naître en vous

l'attachement. Vos yeux les aperçoivent et

vos yeux engendrent l'attachement donc cette affliction s'est produite à cause des yeux.

Que voulait-on dire par : Mérite des yeux ?

En lisant les Sutras, vous découvrirez qu'ils contiennent des doctrines vraiment merveilleuses et en poursuivant votre lecture vos yeux aident votre esprit à les comprendre.

De même lorsque vos yeux tombent sur des images du Bouddha, qui font naître en vous le désir de l'honorer. Pourquoi désirez-vous honorer le Bouddha ? Quand l'image du Bouddha apparaît devant vos yeux, vous éprouvez alors le désir de le vénérer et de lui faire des offrandes. Il s'agit donc de l'aspect bénéfique de la vision. Vos yeux peuvent vous aider ainsi que votre nez, vos oreilles, votre langue, votre corps et votre esprit. Vos six organes des sens fonctionnent de la même manière avec le même pouvoir. Ils peuvent vous aider mais ils peuvent aussi vous détruire. Tout dépend de votre choix.

Si vous dirigez vos actions sur le mérite et la vertu, l'œil, l'oreille, le nez, la langue, le corps et l'esprit vous aideront à faire des actes de mérite et de vertu. Mais si vous choisissez d'agir sur la base de la transgression, de l'offense et de l'erreur, vos yeux, vos oreilles, votre nez, votre langue, votre corps et votre esprit vous apporteront aussi leur aide pour accomplir de mauvaises actions. Pour cette raison, le Sutra Shurangama dit : si vous tombez dans l'enfer, c'est à cause de vos six organes des sens, si vous réalisez l'état de Bouddha, c'est aussi grâce à vos six organes des sens.

Ainsi lorsque je dis que la stupidité est simplement la sagesse, le principe est le même que celui de l'utilisation des six organes des sens. Après avoir entendu l'explication du Sutra pendant un certain temps, vous atteindrez le stade où la compréhension d'un point vous permet de comprendre l'unité et la connaissance de l'unité vous ouvre la connaissance absolue. L'éveil d'un point vous éveille à tout.

La nature du moi est comme l'espace vide ; elle contient à la fois le vrai et le faux. La nature des êtres humains est juste comme l'espace vide. Contenus dans l'espace vide, il y a à la fois le vrai et le faux.

Eveillez et pénétrez la matière fondamentale. En une pénétration, pénétrez tout. Une fois que vous avez compris la doctrine de la nature du moi, alors quand vous comprenez une chose, vous comprenez tout. Prenez par exemple le manger. Pourquoi mangeons-nous ?

Pour satisfaire la faim dans notre estomac. Tout aliment ou boisson que nous prenons, qu'il soit bon ou mauvais, sert uniquement à apaiser notre estomac affamé. Ils contribuent tous au même but.

Pourquoi nous habillons-nous ?

Pour nous mettre à l'abri du froid. Quel que soit le genre d'habits que vous portez, l'objectif est de vous protéger du froid.

Tout être humain a besoin de manger, de s'habiller et de dormir. Ces trois choses sont primordiales à nos yeux. Pourquoi ? Parce que sans elles, notre chère vie serait en danger. Nous devons maintenant considérer notre étude du Bouddhadharma aussi vitale que le fait de manger, dormir ou s'habiller. Car sans le Bouddhadharma, notre nature du moi serait en danger. Nous devons employer nos six organes des sens dans la quête de la voie suprême de l'Eveil et ainsi on peut dire que la terre tremblait de six manières.

Ceux qui n'ont pas pratiqué la méditation du Dhyâna ne sauront pas ceci, mais ceux qui l'ont fait ont pu éprouver une secousse soudaine au niveau d'une de leurs mains ou peut-être de leur nez, leurs yeux ou leurs oreilles. C'est la manifestation de ce qui est appelé le tremblement des six racines.

A ce stade de la tranquillité totale,

La lumière y pénètre,

Et un autre ciel apparaît.

Quand vous travaillez avec intensité, quand vos efforts atteignent la phase ultime, un état différent se manifeste.

L'été dernier, pendant les sessions du Sutra Shurangama, une personne a pu faire cette expérience. Alors qu'elle était assise parmi l'auditoire, tout à coup sa main s'est mise à secouer involontairement et à se lever en l'air. C'était une transformation subie par le corps. Quand il y a mouvement, il y a changement et quand il y a changement vient la transformation. Ceux qui ont fourni beaucoup d'efforts et qui ont atteint une telle habileté doivent toujours recevoir l'instruction d'un véritable maître pour éviter de suivre la mauvaise voie. Sans les conseils avisés d'un véritable maître, d'un bon ami spirituel, il est très facile de prendre la mauvaise direction, d'éprouver de la peur et ensuite de ne plus oser poursuivre ses efforts. Quiconque éprouve ce genre d'états ne doit pas avoir peur car il s'agit juste d'un des six types de tremblements de terre. (à suivre)

# le Sutra shurangama

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

**Sutra : Ananda dit au Bouddha : Je vis les trente deux traits divins du Tathagatha si suprêmement merveilleux, si incomparables d'autant plus que son corps entier avait une transparence illuminante exactement comme du cristal.**

Commentaire : "Répondez immédiatement !" Dit le Bouddha. "Ne réfléchissez pas, dites-moi franchement qu'est-ce qui vous a poussé à décider de devenir moine."

Puisqu'il était censé à parler franchement, Ananda dit : "Je vis les trente deux traits divins du Tathagatha." De la couronne invisible au sommet de sa tête jusqu'à ses pieds, des pieds bien proportionnés, je vis trente deux traits divins et quatre-vingt aspects sublimes complémentaires embellissant le corps du Bouddha.

De ma vie, je n'ai jamais vu de traits aussi divinement merveilleux, aussi beaux, aussi incomparables. C'est la raison qui m'a poussé à me convertir, dit Ananda. Rien en ce monde ne peut se comparer aux merveilleux ornements de votre apparence, Bouddha."

Le corps de récompense du Bouddha, son corps entier, avait une transparence juste comme du cristal.

**Sutra : "J'ai souvent pense moi-même que ces traits divins ne peuvent pas être nés du désir et de l'amour. Pourquoi ? Les épanchements du désir sont vulgaires et obscurs. A partir des mauvais et putrescents rapports survient un mélange abject**

**de pus et de sang. Donc, il n'est absolument pas possible d'en produire une aussi magnifique, aussi pure et aussi brillante lumière pourpre d'or. C'est pourquoi, je contemplais avidement, poursuivais le Bouddha et c'est ainsi que mes cheveux tombèrent de ma tête."**

Commentaire : Quand Ananda pensait que ces traits divins ne peuvent pas être nés du désir et de l'amour, il se servait de la conscience ordinaire, d'un profane capable de juger, sujet à la production et à l'extinction. Comment les trente deux traits divins du Bouddha pouvaient ils être produits par des pensées émotionnelles ? Les rapports sexuels des êtres humains sont impurs dégageant des épanchements abjects, des mélanges de pus et de sang qui sentent la rance, il est absolument impossible qu'ils produisent aussi magnifique, aussi pure et aussi brillante auréole de lumière pourpre d'or, couleur des montagnes éloignées, illuminant entièrement le corps du Bouddha.

Plongé dans ses pensées, Ananda contemplait passionnément le Bouddha, le suivait machinalement, et ce fut ainsi que ses cheveux tombèrent de la tête. Ananda renonçait à son amour familial pour un autre amour: Il tomba amoureux de l'apparence physique du Bouddha. Et c'est la raison pour laquelle Ananda quittait la vie de famille.

Au début, il ne quittait pas la famille pour le véritable désir de pratiquer la voie, mais après avoir quitté la maison il se consacrait entièrement à l'étude des Sutras. Vous aussi, vous devriez changer l'amour conjugal en amour

pour la doctrine du Bouddha. Néanmoins cela ne veut pas dire simplement que seul par l'amour vous pouvez mettre fin à la naissance et la mort.

"Alors, qu'est-ce que je dois faire ?" Vous demandez-vous.

Vous devez pratiquer authentiquement la voie. Soyez vigilants dans tous vos faits et gestes à chaque instant, surveillez chacune de vos paroles. N'oubliez jamais, ne serait-ce qu'un instant. Vous ne devez jamais oublier pendant même un moment pour la pratiquer et soutenir d'observer et de pratiquer la doctrine du Bouddha. Investissez-vous entièrement dans l'étude du Sutra Shurangama, en faisant la méditation et en écoutant les explications du Sutra. Pour ne pas tomber dans la réflexion erronée et ne vous lancez pas dans des discussions inutiles, puisque rien ni personne ne peut vous aider dans votre étude du Sutra ou dans méditation. Vous devriez vous consacrer entièrement sacrifier tout pour étudier le Bouddhisme. Alors la compréhension que vous aurez acquise vous permettra d'être sage et intelligent.

Comptant sur l'autorité et l'affection du Bouddha, qui était aussi son cousin, Ananda ne pratiquait pas le Samadhi. Il se disait (comme il a avoué dans le texte) : "Le Bouddha est mon cousin aîné, quand arrive le bon moment, le Bouddha me donnera le pouvoir de Samadhi." Il ne se rendit pas compte que personne ne pouvait le remplacer en corps ou en esprit. Ananda était très intelligent, probablement plus intelligent que nous, mais il concentrait sur l'étude des Sutras et négligeait la pratique du Samadhi, croyant pour autant plus malin. Il maîtrisait les mots mais pas la substance. Il pouvait se souvenir de toutes les doctrines que le Bouddha avait enseignées sans oublier un mot, mais sans le pouvoir du Samadhi, il tomba sous le charme ensorcelé du mantra du Ciel Brahma de la fille de Matangi.

Au lieu d'apprendre la sagesse du Bouddha, son illumination et sa voie vertueuse, Ananda prenait seulement exemple sur l'apparence physique du Bouddha. Probablement dans les vies antérieures, il s'était attaché aux apparences, avoir porté toute son attention sur l'aspect physique superficiel des choses. Bien qu'il se souvînt de tous les Sutras que le Bouddha avait enseignés, il ne prêtait guère attention sur leur contenu. Il était tellement obsédé par l'apparence physique du Bouddha que rien qu'en le voyant, il se sentait heureux.

Quiconque veut obtenir le véritable pouvoir de Samadhi doit d'abord se défaire de l'amour, mais remplacer l'amour par la haine est une autre erreur. "Je n'aime rien. Dites-vous. Je méprise toute personne que je vois. Eloignez-vous de moi ! Je veux rester seul. Je veux pratiquer par moi-même." Avec cette attitude, vous n'obtiendrez jamais le Samadhi. Vous ne devez ni haïr, ni aimer. Enlevez la barrière qui vous sépare des autres, on est égaux. Tout le monde est égal. Vous aimez les autres ? Qui aimez-vous ? Qui détestez-vous ? Personne.

"Je n'y arriverai jamais ! C'est extrêmement dur » ! Dites-vous.

Si vous pouvez pratiquer dur, vous y arriverez vous obtiendrez la vraie réalité. Sinon, vous ne l'obtiendrez pas. Suivez les enseignements et n'écoutez pas vos propres réflexions à propos de cela. Pratiquez simplement la voie.

Obsédé par la belle apparence physique du Bouddha, Ananda oublia sa profonde compassion pour l'humanité et accepta de laisser les cheveux tomber de sa tête. Quand le Bouddha était en ce monde, ceux qui voulaient devenir moine ne devaient pas raser la tête. Le Bouddha disait simplement : "Bon homme, vous quittez votre famille, quittez la vie mondaine pour entrer dans la vie extra-mondaine. Laissez tomber votre barbe et vos cheveux pour revêtir la robe Kashaya." Dès que le Bouddha eut prononcé ces paroles les cheveux et la barbe du Bhikshu tombèrent, parce que le Bouddha utilisait ses pouvoirs spirituels pour les faire tomber. Maintenant que le Bouddha est entré dans le Nirvana, pour entrer dans la vie monastique nous devons recevoir les préceptes lors d'une cérémonie de transmission de préceptes. Mais quand le Bouddha était en ce monde, on devait observer la substance des préceptes et porter la robe dès que le Bouddha eut prononcé ces paroles. (à suivre)

Pour quelle raison l'on éprouve des soucis, de l'affliction, de la peur ? Parce qu'on est sous l'emprise du Désir d'aimer. Quand disparaître ce désir, il n'y aura plus de tristesse ni crainte.

# le mantra shurangama

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français: Bhikshuni Dam Nhu

## La suite

Quand votre esprit et votre réflexion cessent de fonctionner, c'est la véritable richesse et le vrai honneur.

Quand les désirs d'égoïstes n'existent plus d'être, c'est le vrai champ de bénédictions.

Quand vous arrivez vraiment comprendre ces lignes, vous pourrez en tirer d'infinis services. Vous n'épuiserez jamais leurs bénéfiques durant toute votre vie. Vous parviendrez au niveau où vous ne serez plus avide de rien. Vous n'essaierez plus d'obtenir quoique ce soit, ni à l'extérieur, ni à l'intérieur. Car si vous recherchez quelque chose, que ce soit à l'extérieur, ou à l'intérieur et si vous ne l'obtiendrez pas, vous souffrirez.

Les gens souffrent parce qu'ils sont pauvres, et qu'il leur manque : la richesse et l'honneur. Ce qui les rend malheureux, parce qu'ils en sont avides.

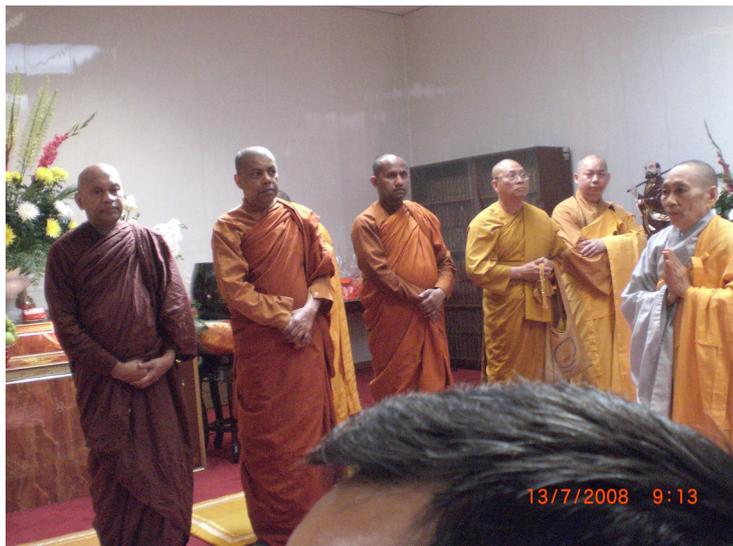
Quand vous atteignez le niveau de la non-recherche, alors vous n'aurez plus de soucis.

La raison pour laquelle les gens s'inquiètent c'est parce qu'ils sont avides. Si vous recherchez la renommée dans vos actes, alors vous serez comme un arbre qui fleurit mais qui ne porte pas de fruits. Votre rétribution sera que vous finirez en deuxième place. Vous ne serez jamais en première position, mais vous serez toujours à côté du but. Soyez très prudents vis-à-vis de ce fait. Ne soyez pas mous. Sinon, vous serez toujours la deuxième femme. Ceci ne s'applique pas en Amérique, mais dans beaucoup de pays, les gens prennent plusieurs femmes à la fois. Dans le harem d'un homme, la deuxième

femme est la concubine, non-égale, qu'il a prise sans le mariage. Il ne s'agit pas de la deuxième femme légale qu'un homme épouse après son divorce avec la première. C'est que vous n'êtes pas la femme légale. Ceci est la rétribution de la recherche d'un faux nom et d'un faux titre.

Quand on se présente devant le Roi Yama après la mort en maintenant un faux nom, à ce moment on se rend compte que c'est totalement inutile. Soyez authentique et ne recherchez pas

la renommée alors la renommée viendra. Vous ne pouvez pas non plus l'espérer. Vous ne pouvez pas vous dire : « Je ne rechercherai pas la renommée et la renommée viendra pour elle-même ». Vous péchez encore si vous avez cette pensée.



Présentation des moines

Comment devrions-nous penser ? Tout ce que

nous faisons, nous devrions le faire de notre mieux, nous devrions faire ce que nous sommes supposés de faire et ne pas prêter attention à ce que les autres gens peuvent en penser. Simplement pensez : Je vais faire ce qui est juste. Si vous agissez de cette manière, ce que vous obtiendrez sera authentique et juste.

## **5. Heureux.**

Si vous voulez avoir du bonheur, ne commencez pas vous mettre en colère. Car si vous vous mettez en colère, tous les bonheurs se volatiliseront. Les gens coléreux ne sont pas heureux. En réalité, seuls les Bodhisattvas sont heureux. Car, ils sont constamment très compatissants et aimables, toujours très heureux

jamais en colère. Ils ne perdent jamais leur sang froid à l'égard d'autrui. Voilà le vrai bonheur.

## 6. Honoré et noble.

Ceci veut dire que tous nos actes doivent être authentiques. Ne faites pas des actes inutiles, sans valeur. Que veut dire : actes sans valeur ? Cela veut dire : Actes non authentiques faites des actes authentiques, loyaux et faites les authentiques. A ce moment vos actes seront véritablement nobles et honorés.

Le terme : Bhagavan possède les mêmes significations. Elles ne sont pas ésotériques, ni inaccessibles. Bhagavan signifie simplement être fiable, accomplir des actes noblement sans jamais tromper les gens. C'est une explication générale des six significations du terme Bhagavan. Quels que soient les enseignements contenus dans les Sutras, ils doivent être appliqués. Vous devez les mettre en pratique dans vos activités quotidiennes dans vos faits et gestes : Que ce soit en restant assis ou debout ou en marchant ou en vous couchant. Les six significations du terme Bhagavan sont une application des activités de tous les jours. Ne vous lancez pas dans la recherche des actions par orgueil. Ne dites pas qu'un ouvrage de littérature est bon juste parce qu'il est bien écrit. Vous devriez examiner les principes contenus dans cet ouvrage. Il s'agit d'un passage des Sutras ou d'une ligne d'un Mantra, une fois que vous l'avez compris, vous devriez l'appliquer dans vos pratiques. Peu importe s'il est bien ou mal écrit, si vous ne pouvez pas l'appliquer dans votre vie quotidienne, cela ne servira à rien.

La première ligne du verset depuis la ligne trente du Mantra dit : Prenez refuge en le Seul Honoré du Monde, le Bhagavan. Le Seul Honoré désigne le Bouddha c'est la traduction du terme Bhagavan. Ceci désigne le Joyau du Bouddha.

Prenez refuge en l'inépuisable Joyau du Dharma qui est merveilleusement profond et paisible. Ceci désigne la prise de refuge auprès du Joyau du Dharma. Le Dharma du Bouddha est très calme et paisible. Il n'a pas de nature en soi. C'est juste une méthode. Une méthode n'a pas une existence inhérente ni une nature en soi. Néanmoins si vous pouvez le comprendre et l'utiliser, vous obtiendrez la sagesse. Mais si vous ne pouvez pas l'utiliser ou la comprendre alors vous restez dans l'ignorance. C'est pourquoi on dit qu'elle est merveilleusement profonde et paisible. Elle est inconcevable. Elle est

profonde, paisible et calme. Elle n'a pas de forme ou de caractéristique en soi. Elle est très pure et claire.

Prenez refuge auprès des arya des dix directions qui se rassemblent pour former : Le joyau du Sangha. Les arya des dix directions désignent les membres grandement vertueux de rang élevé du Sangha. Ils viennent tous ensemble, des dix directions dans la même assemblée pour se prosterner aux pieds du Bouddha, le Dieu parmi des Dieux d'un commun esprit respectueux et fervent.

Mantra :

## 35. NWO LA YE.

Poème :

Commandant les créatures aquatiques, il  
demeure dans le palais des Nagas.  
Dans l'immense étendue de l'océan, il domine  
les vagues houleuses.  
Il mouille et arrose d'innombrables choses,  
Quand il y a trop d'eau, elle se répand en un  
énorme déluge, grondant et écrasant

Commentaire : Commandant les créatures aquatiques, il demeure dans le palais des Nagas. L'esprit de l'eau fixe du regard toutes les créatures aquatiques dans l'océan. Il les surveille.

Dans l'immense étendue de l'océan, il domine les vagues houleuses. Dans l'océan, où d'innombrables vagues s'élèvent et grossissent, il s'amuse. De même, observez le poisson dans la mer. Qu'il cherche à se mourir ou non, il va et vient tourne en rond dans l'eau, de temps en temps, bondissant hors de l'eau. Ceux qui élèvent des poissons rouges ou tropicaux dans un aquarium passent leur temps à regarder ces bouffonneries. Ils prennent plaisir à regarder les activités du poisson.

Il mouille et arrose d'innombrables choses. Si vous avez des fleurs et si vous ne les arrosez pas, elles se dessèchent. Les arbres mourront aussi, s'ils ne sont pas arrosés. Ils doivent être arrosés au bon moment. Si vous cultivez des légumes, vous devez leur donner de l'eau à boire. C'est ainsi que d'innombrables choses sont nées. Elles dépendent toutes de l'eau pour vivre. (à suivre)

# Le Sutra du Vajra Prajna Paramita

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

“Seul Honoré du Monde, à présent, moi, Subhuti, j’écoute le Sutra du Vajra Prajna Paramita d’une foi pure je comprends le merveilleux Dharma du Prajna, je peux le recevoir avec mon cœur, le maintiens avec mon corps et ne l’oublie jamais. Je le sais sans problème. Pourquoi cela était-il si facile pour Subhuti ? Parce qu’il avait planté de bonnes racines depuis plusieurs Kalpas. S’il avait manqué de bonnes racines, alors en écoutant, le merveilleux Dharma de Prajna, sa foi aurait été défilés par les doutes et le scepticisme. Cependant dans le passé il avait fait offrandes à infinis Bouddhas et avait planté de bonnes racines telles que:

1. La foi.
  2. La honte.
  3. Le remords. Si vous éprouviez de la honte et du remords, en reconnaissant vos propres méfaits et en changeant le mal en bien. Dans cette voie, vous plantez de bonnes racines. Le manque de honte et de remords indique un manque de bonnes racines.
  4. Absence de cupidité.
  5. Absence d’hostilité.
  6. Absence de stupidité.
  7. La vigueur.
  8. La sérénité dans la position assise du Dhyana.
  9. Pas de relâchement, ni de soucis, ni de paresse, ni de débauche, ni trop d’événements imprévus. Pas de lâcheté respectez les règles.
  10. Ne (malfaisant) nuisant pas à d’autrui, ne blessant pas les autres créatures;
  11. La renonciation, autrement dit la donation sans attachement à la réalité de la donation.
- Ce sont les onze bonnes lois et une loi appartenant au cœur pour planter les bonnes causes.

Parce que Subhuti avait pratiqué des bonnes racines depuis d’innombrables Kalpas, il ne lui était pas difficile d’avoir une bonne foi, il se rendit compte néanmoins qu’à la fin de l’âge du Dharma, à l’époque où les gens aiment se battre, la personne qui arrive à croire, à comprendre, à recevoir et à

maintenir le Sutra, serait la plus avancée et la plus rarissime, elle n’aurait plus aucune réalité du soi donc plus de cupidité. Aucune réalité des autres, donc plus de colère, aucune réalité des êtres vivants donc plus de stupidités. Aucune réalité d’une vie, donc plus de désir. Il n’aurait donc plus d’avidité, plus de colère, plus de stupidité, plus de désir. Ces quatre sortes d’attachements. Or, ces quatre réalités sont sans réalité. Aucune réalité n’est pas la véritable réalité. La véritable réalité est la non réalité. Pourquoi ? Parce que la véritable réalité est aussi distincte de tout ce qui est non-réalités. Si vous pouvez obtenir la véritable réalité, vous obtiendrez la Substance principale de la nature du soi de tous les Bouddhas. Ceux qui ont renoncé à toutes les réalités sont appelés les Bouddhas. C’est pourquoi vous aussi vous pouvez certainement devenir un Bouddha.

**“Le Bouddha dit à Subhuti” : C’est bien ! C’est bien ! Celui qui écoute ce Sutra n’est pas effrayé, ou alarmé, ou terrifié, vous devriez savoir que cette personne est la plus rare. Pourquoi ? Subhuti, le premier Paramita parlé par le Tathagata est comme le non premier Paramita, c’est pourquoi il est appelé le premier Paramita.**

**“Subhuti, le Paramita de la patience parlé par le Tathagata est comme le non-Paramita de la patience. C’est pourquoi il est appelé le Paramita de la patience. Et pourquoi ? Subhuti, c’est comme par le passé quand le roi de**

**Kalinga démembrait mon corps. A ce moment je n'avais aucune réalité du Soi, aucune réalité des autres, aucune réalité des êtres vivants et aucune réalité d'une vie."**

**Après avoir entendu l'explication de Subhuti, Bouddha dit : "C'est bien cela ! C'est bien cela" ! Il faut penser et réfléchir de cette façon. La doctrine dont vous parlez est juste."**

**"Si celui qui écoute le Sutra Vajra Prajna Paramita n'est pas effrayé, ou alarmé, ou terrifié..." Pourquoi les effraierait-il? D'habitude, les gens s'attachent à la réalité du soi. Alors s'ils apprennent qu'il n'y a aucune réalité, ils sont effrayés. "Quoi!" S'exclament-ils, « Suis-je qui? Comment peut-il y avoir du non moi? Je suis toujours ici. Comment puis-je, moi-même, ne pas exister ? »**

Ceux des deux véhicules ont réalisé le vide du moi, mais n'ont pas tenu compte du vide des Dharmas. Quand ils apprennent que "même les lois devraient être abandonnées?" Si je me défais des lois, qu'utiliserai-je pour pratiquer ? Je n'aurai rien."

Bien que totalement accomplis, les Bodhisattvas ont réalisé le vide du Soi et le vide des lois, mais ils n'ont pas obtenu le vide du vide. Ils ne sont pas rendus compte que le vide doit être aussi vidé. Avec le vide encore restant, il y a toujours attachement. (Le Bouddhadharma) l'enseignement du Bouddha enseigne le détachement total du soi et des lois. Cependant, quand il n'y a pas de soi et pas de lois, le vide apparaît. La confusion avec ce vide peut le faire tomber dans un guet-apens tendu par lui-même. Entraîné dans le vide, baignant dans la tranquillité, on demeure dans le vide intérieur. Cela aussi est une erreur. Alors quand les gens entendent parler de la véritable réalité, la substance

principale du Prajna qui n'admet même pas le vide, ils deviennent effrayés et terrifiés.

Celui qui écoute le Sutra et qui n'est pas effrayé, ni alarmé, ni terrifié, comprend le vrai Dharma du Prajna Paramita.

Le Bouddha Sakyamuni dit, "Vous devriez savoir que cette personne est la plus rare."

Avec un peu de mérite et de vertu comme l'Empereur Wu de la dynastie de Liang, et pourtant toujours stupide, ce roi n'a pas compris la porte du Dharma du Prajna. Si vous restez attaché même à une petite partie, vous avez des obstructions. Le Sutra du Cœur dit,"... S'il n'y a pas d'obstructions, il n'y a pas de peur." Si vous semez le mérite et la vertu dans votre cœur, il y a abstraction. Si les pensées de rêve sont laissées loin derrière", vous n'avez pas d'obstructions" comme il n'y a pas d'obstructions, il n'y a pas de peur." "Peur" veut dire : Effrayé, alarmé ou terrifié. "Quand inversement des pensées de rêve sont laissées loin derrière... le Nirvana "apparaît enfin ». Cela est la doctrine extrêmement merveilleuse du Sutra du Cœur.

Le Bouddha Sakyamuni demanda à Subhuti, "Pourquoi est-elle rare la personne qui écoute le Sutra et qui n'en a pas peur ?" Puis, il expliqua que c'était parce que le premier Paramita parlé par le Bouddha est comme le non premier Paramita, c'est pourquoi il est appelé le premier Paramita. Le premier Paramita se reporte au principe parfait de la voie du milieu, considéré à la lumière de la vérité commune il est le premier Paramita. Mais au point de vue de la vérité réelle, il n'est pas le premier Paramita, parce que réellement il n'y a absolument rien, même pas un premier Paramita. Par conséquent il est appelé le premier Paramita, au du point de vue de la parfaite vérité, la voie du milieu, lui donne le nom "Le premier Paramita", et c'est tout. (à suivre)

En priant, si nous prononçons le nom de Bodhisattva AVALOKITESVARA, ne recherchons pas les erreurs des autres. Notre souffrance n'est pas encore éteinte tant que nous nous évertuons à trouver ce qui est mauvais chez nos semblables.

# le Bouddha parle du Sutra d'Amitabha

UNE EXPLICATION GÉNÉRALE PAR  
LE VÉNÉRABLE MAÎTRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

Devant ces extraordinaires pouvoirs spirituels et transformations, Kasyapa se rendit compte que sa propre vertu n'était pas aussi grande que celle du Bouddha. Il capitula et prit refuge auprès du Bouddha et a chargé ses cinq cents disciples de faire pareillement. Très tôt après avoir quitté la vie de famille, ils ont fait preuve de porter sagement les fruits.

Les deux frères de Kasyapa étaient aussi des adorateurs de feu, mais lorsqu'ils voyaient que leur frère était devenu un Bhiksu, ils se décidèrent aussi de le suivre et ensemble avec leurs cinq cents disciples ils font bientôt preuve de porter sagement les fruits.

Cela fait mille deux cent cinquante cinq disciples. Témoignant leur profonde gratitude à l'égard de la grande bonté du Bouddha et de son enseignement, ils le suivaient partout. N'importe où allait le Bouddha, ils l'accompagnèrent et protégeaient l'assemblée. Ils étaient les compagnons constants comme ici actuellement nous sommes en train de faire des conférences sur les Sutras et ceux qui sont venus écouter, protègent l'assemblée. Même s'ils ont déjà compris les doctrines, et malgré leur emploi du temps chargé, ils viennent pour les écouter.

**Tous les grands Arhats que le rassemblement connaissent et reconnaissent...**

ARHAT, un mot sanscrit, a trois significations qui correspondent aux trois significations du mot Bhiksu, car être un Bhiksu est la cause de l'obtention d'Arhatship et l'Arhatship est le résultat de la pratique d'un Bhiksu. C'est une raison de cause à effet.



Un Arhat est :

1. Digne d'offrandes. En tant que cause, un Bhiksu est un demandeur de l'aumône et au résultat il est digne des offrandes des dieux et des hommes.

2. Plus de renaissance. En tant que Bhiksu, il effraie Mara et

comme Arhat, il ne subit plus de re naissance.

3. Un assassin des voleurs. Sur le plan de la causalité, un Bhiksu détruit le mal et au résultat, comme Arhat, il tue les voleurs de l'ignorance et de l'affliction.

Sur le plan de la causalité, le Bhiksu effraie les démons des cinq Skandhas, les afflictions et le démon de la mort, eh oui ! La mort est aussi un démon. Malgré une pratique assidue, certains pratiquants, quand ils tombent malades et en face de la mort, ont peur. "Je vais mourir !" Crient-ils, tourmentés par le démon de la mort. Les véritables pratiquants ne craignent rien. Ils n'ont pas peur de la vie et ils n'ont pas peur de

la mort. Pour eux la vie et la mort sont identiques. La mort et la vie ne sont pas différentes. Il n'y a pas de différence entre elles. Si en vivant les pratiquants peuvent être considérés comme morts, ils n'auront plus de pensées du désir. Car étant mort, on n'aurait plus de désir, plus de cupidité, plus de haine, plus de stupidité, plus de fierté, plus de doute ? Résultat, à cet état on n'aurait plus d'afflictions, plus de problèmes. C'est le vrai bonheur.

Il n'est pas facile d'atteindre ce niveau, pourtant, il n'en est pas non plus difficile. Si vous voulez, vous pourrez y arriver.

Par exemple, quand un de mes disciples tambait gravement malade, il répétait sans arrêt, "Je souffre je souffre".

Je lui dis, "Plus vous supportez la souffrance, mieux vous sentirez. Plus vous souffrez, plus vous comprendrez".

Un jour, il se considérait comme étant mort, il se rendit dans un endroit plein de gens heureux "je veux voir mon Maître".

- "Qui est votre Maître ?" Demandèrent les gens.

Dès qu'ils entendirent le nom du Maître, ils étaient désolés. "Vous ne pouvez plus voir votre Maître ici", dirent-ils.

"Alors je m'en vais", dit-il et il rentra, l'idée de la mort ne l'affecte plus. Vous pouvez dire qu'il a conquis le démon de la mort. Plus tard, il a beaucoup progressé dans sa pratique de la voie.

... CELUI QUE LE RASSEMBLEMENT CONNAISSAIT ET RECONNAISSAIT ... Ces Arhats étaient tous très célèbres et leur vertu respectée par la population entière. Tout le monde connaissait leur nom et reconnaissait leur visage.

#### LA REUNION DES ARHATS

Sutra :

**Báo Phât Pháp/Bouddhadharma số/N 31-08/2008**

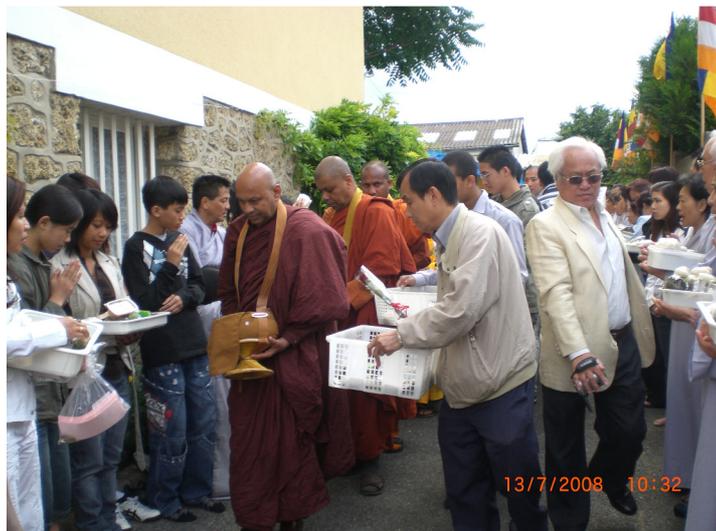
**... Les Aînés comme Sariputra, Mahamaudgalyayana, Mahakasyapa, Mahakatyayana, Mahakausthila, Revata, Suddhipanthaka, Nanda, Ananda, Rahula, Gavampati, Pindola Bharadaja, Kalodayin, Mahakapphina, Vakkula, Aniruddha, et les autres semblables à ceux-ci, tous des grands disciples.**

Commentaires :

AÎNE est un terme utilisé pour montrer le respect pour la position d'un autre. Il y a trois genres d'aînés :

1. Aînés en âge,
2. Aînés en nature du Dharma,
3. Aînés en bénédictions et vertu.

Un aîné en âge veut dire l'âge de vie d'une personne. Un aîné en nature du Dharma veut dire : Aîné dans la



Les fidèles sèment une bonne graine aux Sangha compréhension de la doctrine du

Bouddha, dans la sagesse et son intelligence. Cela n'a rien à voir avec son âge de vie. Il peut être très jeune et pourtant capable de faire des conférences sur les Sutras et le Dharma du Bouddha. Sa sagesse est illimitée et son éloquence fluide. Aîné en bénédictions et en vertu veut dire : accumulé de bénédictions, doté de la conduite vertueuse, les gens aiment lui faire offrandes, car il représente des champs de bénédictions, et en lui faisant offrandes, ils sèment des causes de leurs futures bénédictions. (à suivre)

# Le Bouddha parle du Sutra en Quarante Deux Chapitres

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

"Avant l'Arhat c'est l'Anagamin". A la fin de sa vie, l'esprit d'un Anagamin monte au dix-neuvième ciel et certifiera l'Arhatship." Un Arhat de la quatrième étape a certifié la position du sans étude, tandis qu'un Arhat."

Un Arhat de la troisième étape est encore en position d'études.

A la première réalisation (Srotappana), on doit encore étudier, six parties de la pensée illusoire dans le monde du désir sont détruites. Après que ces six parties soient coupées, on certifie, la deuxième étape, c'est le Sakridagamin.

Si on continue à pratiquer, on supprime les trois dernières parties de la pensée illusoire dans le monde du désir. Une fois que ces trois dernières parties sont supprimées, on certifie le fruit d'Anagamin et entre en procession vers l'Arhatship. Celui qui n'a pas fini de supprimer ces trois dernières parties, est en chemin vers la certification d'Anagaminship.

"L'esprit vital" dont on parlait dans ce texte est le corps Skandha intermédiaire entre le corps humain passé et futur. Quand on devient un fantôme après la mort, on est sensé être dans le corps intermédiaire Skandha; même si on appartient au yang, après la mort, on devient un esprit vital (l'âme). On montera au 19<sup>e</sup> ciel.

(A compter du Ciel des Quatre Rois Célestes, le 19<sup>e</sup> Ciel vient avant les cinq cieux).

Au 19<sup>e</sup> Ciel, l'Anagamin certifiera l'Arhatship, qui veut dire "Celui qui ne retournera jamais". Il ne reviendra jamais au monde humain.

Il est possible que certains d'entre vous se mettent à douter lorsqu'ils entendent dire que partout où demeure un Arhat, il n'y a pas de catastrophes. Je ne ferai aucun commentaire à ce propos, mais je parlerai à propos du Vieux Maître Hsu Yun et événements qui se sont produits pendant sa vie en Chine. Pendant la guerre Sino-japonaise, le Grand Maître vivait au Monastère Nan Hu, près de

Canton, les avions de guerre japonais lançaient des bombes dans cette région, mais aucune n'avait explosé.

Vous dites, "Eh bien, parce qu'elles étaient nulles, malfaites. Ou bien c'était seulement une exception."

Pourquoi en dehors, avaient-elles explosé sauf celles qui tombaient au monastère Nan Hua? Une autre fois lors d'une cérémonie de transmission de préceptes du Grand Maître au monastère Yun Chu à Yunan, les arbres fleurissaient de fleurs de Lotus. Pourquoi des fleurs de lotus dans les arbres? En plus sur les feuilles des arbres ainsi que sur toute végétation apparaissaient des images des Bouddhas?

Malgré le pouvoir de tels événements miraculeux, les gens refusaient de les reconnaître, les prenant à la légère. Les considéraient comme faisant partie de leur distraction. Un autre événement miraculeux au Monastère Nan Hua, un arbre mort depuis 500 ans revenait à la vie et bourgeonnait.

Un autre événement aussi miraculeux : L'histoire de la prise de refuge d'un renard blanc. Mais à ce moment, les gens n'ont pas encore réalisé clairement ce qui fut arrivé. Aujourd'hui, longtemps après sa mort, tout le monde lui fait des éloges. Ils disent tous que le Vénérable Yun était un sage qui avait certifié à la réalisation, qu'il était un Bodhisattva qui retournait à la terre.

Tout cela prouve que très souvent, les gens ne reconnaissent pas les choses quand celles-ci se présentent devant eux, ils les laissent passer sans réfléchir. Une fois qu'ils les ont perdues, ils les regrettent.

Aujourd'hui, je peux dire qu'en Amérique, je veux inventer des Bouddhas vivants, inventer des Bodhisattvas vivants, des Arhats, des Anagamins, créer des Sakridagamins et inventer des Srotaapanas.

N'importe qui peut se débarrasser de ses désirs et supprimer l'amour, partage cette opinion. Ceux qui ne peuvent se débarrasser de leurs désirs et leur amour, sont complètement faibles-il n'y a aucun moyen de les aider. Tout est fait à partir de la pensée seule. Si un individu veut être un fantôme, il peut devenir un fantôme; S'il veut devenir un Bouddha, il peut être un Bouddha. S'il veut devenir un animal, il peut devenir un animal.

Il reste à savoir quel chemin suivra sa pensée. Ceci est expliqué dans "les dix mondes du Dharma ne sont pas au-delà d'une unique pensée". Dans des milliers d'années qui viennent, il y aura peut-être beaucoup de gens qui deviendront illuminés en lisant ce livre. Ce sera un événement du futur. Maintenant, je ne sais pas qui d'entre-nous sera illuminé.

"Avant l'Anagamin c'est le Sakridagamin, celui-ci doit encore monter une fois, retourner encore une fois ici-bas avant d'atteindre l'Arhatship."

Le Sage de la deuxième (réalisation) de la sainte voie est appelé un Sakridagamin. Sakridagamin vient du Sanscrit et veut dire "Celui qui retourne une fois de plus." Au niveau de l'état de la sagesse, il est en position de la pratique.

Que signifie "Retourner une fois de plus." Le Sakridagamin doit monter une fois encore dans les cieux des désirs, et retourner une fois parmi les humains avant d'atteindre l'Arhatship.

Le Sakridagamin a supprimé six parties de la pensée-illusoire dans le monde du désir. Quelles sont les pensées illusoires? Pensée ici, veut dire considération ou discrimination. Tandis que la pensée sans illusion est pure, utilisant la sagesse pour faire les discriminations...

Les pensées illusoires provoquent des discriminations quand les principes sont confus, embrouillés, manquent de compréhension, c'est "la nature calculatrice et connectrice."

Par exemple, vous voyez un bout d'une corde pendant la nuit mais vous ne reconnaissez pas que c'est une corde; "Oh! C'est un serpent!" Pourquoi prenez-vous la corde pour un serpent? Eh bien! Parce que votre esprit de discrimination et de calcul ajouté à vos connaissances préconçues entrent en jeu. Mais après un examen plus approfondi, vous verrez que c'est une corde.

C'est "la nature illusoire qui domine en ayant confiance aux idées préconçues". Mais si vous examinez la corde elle-même, vous verrez que la corde est faite fondamentalement de chanvre. Vous êtes entraînés à utiliser "la vraie nature parfaitement achevée."

Parmi les pensées illusoires dans le Monde du désir, le Sakridagamin en a anéanti les trois dernières parties il atteint la troisième Sainte-voie,

d'Anagamin et entre dans la procession du jamais-retour d'Arhatship.

Pour atteindre la deuxième Sainte voie du Sakridagamin, le Srotaapanna rompt les six premières parties de la pensée illusion. Il certifie l'étape du Sakridagamin et entre en procession du retour une fois d'Anagaminship.

"Avant le Sakridagamin c'est le Srotaapanna, celui-ci doit encore mourir 7 fois et renaître 7 fois, avant de certifier l'Arhatship."

La première position de la Sainte voie de l'Arhatship c'est le Srotaapanna. Srotaapanna est du Sanscrit, veut dire "l'entrée du courant." ou "la jonction du courant" Il signifie aussi "opposition au courant.". Le Srotaapanna entre dans le courant de la nature du Dharma d'un Sage et s'oppose au courant des six organes des sens des êtres humains.

Les objets, sont les formes, les sons, les parfums, les goûts, les touchers et les Dharmas. Quand on certifie la première Sainte voie, on supprime la vue illusoire. Les vues illusoires et pensées illusoires nous empoignent et nous embrouillent. Si vous voulez sincèrement devenir illuminés, vous devez supprimer ces deux sortes d'illusions. Les vues illusoires suscitent la montée de la cupidité et l'amour se présente. (à suivre)

## le Sutra du sixième fondateur

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

### La suite

**P**LATEFORME. La plateforme est le lieu où l'on enseigne des Sutras. Le fauteuil du Dharma doit être élevé au-dessus du sol de trois, cinq ou neuf pieds, mais jamais plus de dix pieds. Devant le fauteuil, on place une petite table où sont mis des Sutras. Les Maîtres du Dharma expliquent le Dharma, administrent les Trois Refuges [On devient formellement un Bouddhiste seulement quand on a reçu les Trois Refuges,

transmis lors d'une cérémonie traditionnelle par un membre qualifié de Sangha. Et qui comprend : 1. Le Bouddha. 2. Le Dharma (les doctrines du Bouddha). 3. Le Sangha (communauté des moines Bouddhistes du passé, présent et futur).] et transmettent les préceptes à partir de ce fauteuil de Dharma, que les protecteurs de Dharma, les bons esprits et d'innombrables Bodhisattvas du trésor du diamant se relaient pour protéger le Dharma (Bodhisattva est un mot sanscrit. « Bodhi » veut dire « illumination » et « Sattva » un « être ». Les Bodhisattvas n'entrent pas dans le Nirvana mais préfèrent rester dans le monde et sauvent les êtres vivants. Ainsi les Bodhisattvas sont des êtres éveillés qui éveillent les autres êtres. « Le Trésor de Diamant » se réfère à une division de Bodhisattvas qui protège le Dharma).

LE SUTRA DU TRESOR DE DHARMA DU SIXIEME PATRIARCHE est le nom spécifique du Sutra, et le mot « Sutra » est un nom général. « Sutra » est un mot sanscrit qui veut dire « un pointage ». Au sens propre du terme, il correspond au vrai principe de tous les Bouddhas, et en dessous, il correspond aux circonstances favorables pour enseigner les êtres vivants. D'une part, il s'accorde avec la vraie vérité, avec le principe miraculeux de tous les Bouddhas et en d'autre part, il s'accorde avec les êtres vivants qui ont besoin être enseignés. Ainsi, un Sutra correspond à la fois au principe et aux circonstances.

Le mot Sutra réunit quatre significations complémentaires :

1. Enfillement. Les principes du Dharma de Bouddha sont liés ensemble comme les chapelets enfilés sur une ficelle.

2. L'attraction. En créant les occasions pour enseigner les êtres vivants, un Sutra attire les êtres vivants comme un aimant attire les limailles de fer. Tous les êtres vivants qui désirent étudier le Dharma du Bouddha seront attirés par les principes dans les Sutras, comme les limailles en fer vers un aimant.

3. PERMANENT. Depuis l'antiquité jusqu'à présent, un Sutra ne change pas. Pas un seul mot ne peut être changé, ni effacé; pas un sens ne peut être ajouté. Ni augmenté ni diminué, un Sutra est permanent, immuable.

4. LA METHODE : Un Sutra est une méthode respectée par les êtres vivants dans les trois périodes de temps. Dans le passé, les êtres vivants comptaient sur cette méthode pour pratiquer et atteindre la Bouddhité. Dans le présent, les êtres vivants dépendent d'elle pour passer de la position des profanes ignorants à celle du Bouddha. Dans le futur, les êtres vivants pratiqueront aussi suivant cette méthode. Un Sutra est une méthode, vénéré à travers les trois périodes de temps.

Le mot Sutra possède beaucoup d'autres significations. Par exemple, un Sutra est comme une source bouillonnante. Les principes qui s'en dégagent sont comme l'eau se dégageant de la terre. C'est aussi comme une ligne (un cordeau du charpentier), qui nous aide à tracer parfaitement droit. Si vous comprenez la première de ces quatre significations, vous en comprendrez les sens fondamentaux.

Pour expliquer un Sutra correctement, on doit d'abord le contourner suivant les cinq significations profondes de l'école T'ien T'ai :

1. EXPLIQUER LE NOM. Selon les sept titres du Sutra expliqués précédemment, un Sutra est établi par la référence à la personne, au Dharma, à l'analogie et au lieu.

2. DISTINGUER LA SUBSTANCE. Un Sutra prend le vrai signe pour sa substance, le vrai signe est sans un signe, et pourtant il n'y a rien qui ne soit remarqué par lui.

3. CLASSER LE PRINCIPE. Le principe du Sutra est la réalisation de la Bouddhité. Si vous pratiquez conformément à un Sutra, vous pourrez réaliser la position de la Bouddhité.

4. LA FONCTION. La fonction d'un Sutra c'est de vous guider à comprendre votre esprit et à voir votre propre nature. Si vous comprenez votre esprit, vous n'aurez plus de souci. Si vous voyez votre propre nature, vous n'aurez plus d'inquiétude. Si vous comprenez votre esprit et voyez votre propre nature, alors tout est facile.

5. DETERMINER LE MODE DE L'ENSEIGNEMENT. Le Sutra est comme la rosée, sucrée, l'élixir céleste de l'immortalité. Buvez-la et vous ne mourrirez jamais. Le Sutra est aussi comme une sorte de ghee, de beurre

alimenté d'une saveur délicate et miraculeuse. « Ghee » est utilisé aussi pour décrire le Sutra enseigné par Bouddha Sakyamuni pendant les périodes d'enseignement du Dharma du Lotus et celui du Nirvana.

## LES CINQ PATRIARCHES CHINOIS ANTERIEURS

Il n'était pas facile d'être le Sixième Patriarche. Beaucoup de gens même ses disciples désiraient le tuer. C'est pourquoi après avoir obtenu le Dharma, le Grand Maître allait se cacher dans la forêt au milieu des chasseurs pendant seize ans. Même après avoir établi son lieu de Dharma au temple NAN HUA les disciples des autres religions le poursuivirent et essayèrent de le tuer, alors le Grand Maître alla se cacher dans un grand rocher. Et là il s'asseyait et il méditait. Ils brûlèrent la montagne pour le tuer, pourtant, les flammes ne l'ont pas touché. Le rocher existe toujours.

Qui voulait le tuer ? Sûrement pas vous, ni moi non plus. Mais qui soit, dans nos vies antérieures, nous aurions pu commettre des erreurs, c'aurait pu être moi ou vous. En tout cas, dans cette vie, présente ce n'est pas vous, ni moi, donc il n'est pas nécessaire de se préoccuper des préceptes brisés dans ce cas.

Comme je vous ai dit, le Grand Maître était classé Sixième Patriarche depuis le premier Patriarche Bodhidharma, qui était aussi le vingt huitième Patriarche indien. « Bodhi » signifie l'illumination et « Dharma » veut dire La Loi. Lorsque Bodhidharma quittait l'Inde, il accomplissait la prédiction du Bouddha Sakyamuni qui n'était autre que l'enseignement Mahayana ou « Le grand véhicule » qui insistait sur le salut de tous les êtres, puisque tous les êtres possèdent la nature du Bouddha et peuvent réaliser la Bouddhité. On appelle « Grand » en comparaison avec le Hinayana ou « Le petit véhicule », dont les disciples poursuivent le salut personnel) serait transmis en Chine durant la période du vingt-huitième Patriarche, Bouddhadharma celui-ci était déjà en Chine, et pourtant comme s'il n'y était pas. Bien qu'il y ait des hommes qui étudiaient, il y en avait peu qui expliquaient ou récitaient les Sutras et les cérémonies de repentir étaient rarement pratiquées. La pratique était superficielle. Les savants discutaient et raisonnaient, mais aucun d'eux n'y comprenait réellement. ( à suivre)

## La récitation du nom du Bouddha

Il existait autrefois, un homme très fortuné et très croyant. Il faisait construire une pagode extrêmement splendide et grandiose.

Cet homme généreux était aussi très curieux. Après la construction de la pièce principale du Culte des Trois Joyaux, pour apporter une note originale à l'édifice, il a fait sculpter sur un magnifique panneau six caractères dorés suivants en Sanskrit « Nam Mo A Di Đà Phât » (Na Mô Amitabha Bouddha) et il l'accrocha devant la pièce principale du Culte des Trois Joyaux. Les lettrés et patriarches du village, ne sachant pas lire le Sanskrit, n'y comprenaient rien. Ils l'admiraient pour sa vaste érudition, connaissant même le Sanskrit. En réalité, il a demandé à un moine indien de lui rédiger ces lettres.

Plus augmentaient les éloges, plus sa fierté et sa curiosités étaient excitées. Un jour, il faisait écrire ces six lettres sur des panneaux en bois, accompagnés de quelques lignes suivantes écrites en langue originale du pays : « Si quelqu'un arrive à déchiffrer ces caractères, je lui donnerai ma fille comme épouse et lui laisserai la moitié de ma fortune ». Il faisait ensuite dresser ces panneaux partout dans le village et les faisait garder chacun par un de ses hommes.

Suite à la publication des panneaux, venaient de partout des lettrés, des écrivains, des poètes et des étudiants. Mais personne n'arrivait à lire ces lettres.

Un jour, un jeune marchand de nattes nommé Hoàng Kim Ân, passant par un endroit où était dressé un des panneaux, voyait beaucoup de gens se bousculer pour lire ces lettres avec évidemment un immense espoir dans le cœur de chacun. Poussé par la curiosité, il essaya avec beaucoup de difficultés de s'en approcher. Arrivé devant le panneau, il regarda sans rien comprendre ces lignes tortueuses comme des vers de terre, puis complètement déçu décida de s'en écarter. Mais en se retournant, malheureusement, le bout de sa palanche heurta le front d'un écrivain se trouvant juste à côté de lui. Pris de

panique, instinctivement, il s'écria : « Nam Mô A Di Đà Phật » (Na Mô Amitaba Bouddha). Tout de suite, le gardien du panneau le saisit par le cou et dit : « C'est celui-ci ». Sans rien comprendre de cette histoire, Hoàng Kim Ân continua de se prosterner, de supplier, de s'excuser pour se faire pardonner d'avoir, par mégarde, touché le front de l'écrivain du bout de sa palanche. Mais le gardien ne voulait rien entendre, rien savoir. Déterminé de ne pas le lâcher, il l'emmena directement chez le riche fortuné. Hoàng Kim Ân continuait toujours de se prosterner, de supplier, pour s'excuser. Finalement, le gardien disait :

- « Que vous êtes vraiment stupide ! Savez-vous que vous allez avoir une belle épouse et une grande fortune ? Et vous restez là à présenter vos excuses. Craignez-vous déjà votre épouse ? »

De plus en plus surpris et toujours sans rien comprendre, il suivit le gardien jusqu'à la maison du riche fortuné.

En réalité, Hoàng Kim Ân était un fils du Bouddha (un adepte du Bouddhisme) extrêmement croyant et pratiquant. Pauvre, peu instruit, peu de lecture des Sutras, mais il croyait fortement en Bouddha, tout ce qu'il savait faire c'était de réciter le nom du Bouddha. Et il pratiquait cette récitation de tout son cœur en pensant constamment à Bouddha, sans jamais oublier, que ce soit en marchant, en s'asseyant, en se couchant ou en restant debout. Pour lui, réciter le nom du Bouddha était devenu une habitude, un réflexe. Chaque fois qu'il se trouvait devant un danger ou un événement inattendu, indésirable, il se mit à réciter très fort : « Nam Mô A Di Đà Phật » (Na Mô Amitaba Bouddha). Ce fut pourquoi, lorsque, par mégarde, il heurta du bout de sa palanche, le front de l'écrivain, il s'est mis instinctivement à réciter le nom du Bouddha, dans le but d'atténuer sa faute et de prier que sa victime soit saine et sauve. Mais qui aurait pensé que les six mots qu'il récitait étaient les six mêmes caractères écrits en Sanskrit sur le panneau. Croyant qu'il connaissait le Sanskrit, le gardien l'a saisi et l'a amené chez le riche fortuné pour que celui-ci lui donnât sa fille en mariage. Pauvre marchand de nattes, toujours sans rien comprendre, pensait qu'on allait lui mettre la corde au cou pour avoir blessé le front de l'écrivain, continuait à supplier pour se faire pardonner !

Une fois arrivé chez le riche fortuné, il comprit qu'on l'avait élevé au rang des « érudits », digne de la fille du riche fortuné, avec qui il allait chanter ensemble la chanson de « l'union conjugale des phénix ». Le marchand de nattes reconnaissait que la main du destin arrangeait bien des choses extraordinairement merveilleuses. Inconsciemment, il se mit à fredonner deux sentences parallèles suivantes pour marquer un changement merveilleux et inattendu de son existence qu'il considérait comme extraordinairement mystérieux :

« Avec beaucoup de bénédictions et de veines, la réussite est certaine, sans avoir besoin d'être vertueux, ni consciencieux. De même, avoir une bouche chanceuse et une main parfumée ne nécessitent pas la sollicitude ni l'obéissance aux ordres pour réussir parfaitement. »

A partir de ce jour, Hoàng Kim Ân menait une vie luxueuse, néanmoins sans jamais oublier, ne serait-ce qu'un moment, de pratiquer la récitation du nom du Bouddha comme dans le temps où il était encore marchand de nattes.

Un jour, à cause du changement de température, son épouse attrapait une grippe. On croyait qu'il s'agissait d'un simple petit rhume mais son état s'empirait de plus en plus, la fièvre montait constamment, aucun médicament ne pouvait la guérir. Plein d'inquiétude, Hoàng Kim Ân restait constamment près du lit de sa femme à réciter sans interruption le nom du Bouddha. Tout en récitant, de sa main, il massait sa femme souffrante du pied jusqu'à la tête. Quel miracle merveilleux ! Partout où passait sa main, la malade s'y sentait soulagée, calmée. En très peu de temps, elle était complètement guérie. C'était vraiment, non seulement « une bouche chanceuse », mais en plus « une main parfumée ».

A partir de ce jour, Hoàng Kim Ân acquérait la réputation d'être « un grand médecin » dont la célébrité ne cessait de grandir et le bruit se répandait jusqu'à la cour impériale.

Il se produisit juste à ce moment une coïncidence extraordinaire. A la même époque des mauvais changements de température, la princesse tombait malade également. Aucun médecin, même les plus célèbres, n'arrivait à la guérir. Ayant appris la très bonne réputation de Hoàng Kim Ân, tout

de suite le roi établit un édit royal pour le convoquer sur le champ à la cour afin de soigner la princesse. L'édit royal dans la main, Hoàng Kim Ân se sentait troublé, embarrassé, inquiet, se demandant si sa bouche serait tout aussi « chanceuse », sa récitation du nom du Bouddha aussi miraculeuse comme par le passé pour guérir la princesse ? Malgré son immense inquiétude, il n'osait désobéir à l'ordre du roi, c'est pourquoi, se laissant guider par le destin, il ne lui restait qu'à réciter le nom du Bouddha en y mettant tout son cœur, toute sa croyance et toute sa sincérité, d'un esprit absolument calme, dépouillé de toute pensée.

Arrivé au palais royal, il fut introduit directement dans la chambre de la princesse souffrante. Après avoir fait sortir tout le monde, seul avec la princesse, il commença à la soigner à l'aide de son remède merveilleux : par la bouche, il récitait le nom du Bouddha et de la main, il massait le corps de la princesse. Celle-ci fut très surprise, car il ne lui donnait aucun médicament, mais elle se sentait soulagée au fur et à mesure que sa main passait sur son corps et enfin, comme grâce à une baguette magique, merveilleuse, elle se sentit complètement guérie. Extrêmement étonnée et gaie, la princesse courut apporter la nouvelle au roi et à la reine. Devant le rétablissement immédiat et spectaculaire de la princesse, le roi, extrêmement surpris, pensa que Hoàng Kim Ân était vraiment un « Saint de la Médecine ».

Le roi donna l'ordre d'organiser un grand banquet, où toutes les spécialités exquis étaient présentes, pour fêter le rétablissement de la princesse et honorer le « Saint de la Médecine ». Durant le festin, le roi, à moitié ivre et dans cette mi-conscience, regardait dans la cour la sculpture d'un grand dragon et dit à Hoàng Kim Ân :

- « Devinez ce qu'il y a dans la bouche de ce dragon. Si vous y arriviez, je vous donnerais ma fille en mariage, sinon, vous en seriez puni ! ».

- « Quel malheur ! Si cette fois-ci, ma bouche n'est pas aussi "chanceuse" qu'auparavant, j'irai "voyager directement en enfer" », se disait-il. Dans son esprit, tout était embrouillé comme un sac de copeaux de bambou. Il pensait : « Si je n'y arrive pas, j'en mourrai sûrement et si j'y arrive : que ferai-je de mon devoir conjugal ? ». Ne pouvant ni avancer, ni reculer, que ce soit juste ou faux, il en mourra ; l'esprit tourmenté, plein de soucis, d'inquiétude, pensant à son pauvre destin malheureux, à sa mort prochaine, inconsciemment, il s'est mis à crier : « Hoàng Kim Ân ! (Je te plains) ». Mais dès qu'il a prononcé Hoàng Kim Ân, le roi applaudit de joie et ordonna tout de suite à la princesse de lui présenter un verre de vin en guise de félicitation. N'y comprenant rien Hoàng Kim Ân ne sut que faire devant une telle situation. Mais tout de suite

le roi s'est mis à déclarer :

- « Absolument, vous avez deviné juste ! Vous êtes un véritable Saint. J'avais réellement caché "un sceau impérial doré" dans la bouche du dragon ». (Hoàng Kim Ân = sceau impérial en or). « Comme c'est merveilleux ! Croyant déjà mort, me plaignant de



ma malheureuse destinée, j'ai prononcé mon nom, sans jamais me douter de la coïncidence de mon nom avec celui du sceau en or du roi ». Echappé à la mort, il s'agit maintenant d'un autre problème, celui d'épouser la princesse. Il allait se prosterner devant le roi, le suppliant de lui épargner ce mariage, lui disant qu'il était marié et qu'il devait respecter son devoir de fidélité envers son épouse. Profondément touché devant une telle fidélité, une telle honnêteté, le roi, non seulement, ne l'y obligeait ni ne le punissait mais le récompensait généreusement et le fit raccompagner chez lui.

Qu'ils sont merveilleusement efficaces ces six mots : Nam Mô A Di Đà Phật ! Quand ils sont récités d'un cœur absolument sincère et croyant et

d'un esprit totalement serein dépourvu de toute pensée.

Même devant des milliers de douleurs amères  
Une seule récitation du nom du Bouddha les fait  
disparaître sur le champ  
Réciter le nom du Bouddha nous débarrasse de  
toute haine et toute vengeance  
Libre de toute méchanceté, toute cruauté, nous  
nous éloignons de la prison  
Réciter le nom du Bouddha agrandit notre cœur  
Développe notre esprit d'égalité, nous  
fermerons alors la porte à toute calamité !

## Les six harmonies

Le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

**N**ous autres, êtres vivants, si nous voulons retrouver notre sagesse originelle, nous devons nous décider de pratiquer les préceptes (règles), la méditation (Dhyâna) et la Sagesse. Les préceptes nous empêchent de commettre des actes malveillants et nous encouragent à accomplir de bonnes actions. Ne pas commettre de mauvaises actions nous pousse dans la méditation et accomplir de bonnes actions engendre des bénédictions. La Méditation demande beaucoup d'efforts physiques et spirituels.

Sur le plan matériel, nous devons pratiquer les six vertus cardinales (Paramita). La pratique de ces six vertus cardinales à un certain degré engendre la Sagesse. C'est la raison pour laquelle, nous devons nous servir des bénédictions du don, des préceptes, de la patience et de l'amélioration pour entrer dans la Méditation (Dhyâna). Lorsque la Méditation est suffisamment profonde, apparaîtra la Sagesse. Sans ces quatre bénédictions, il serait facile de s'égarer dans des mauvais chemins, par conséquent ces six Paramita sont les Dharmas les plus importants dans le Bouddhisme.

Un pratiquant Bouddhiste ne doit pas être cupide, mais doit être généreux. Sacrifiez ! Sacrifiez ! Car tout sacrifice sera récompensé. Pas de sacrifice, pas de récompense. C'est pourquoi, nous devons pratiquer la donation, les préceptes, la patience, l'amélioration. Toutes ces pratiques nous aident à parvenir à la Méditation, celle-ci engendra la Sagesse. Pour arriver à la Sagesse, la Méditation

doit être très profonde. Il en est de même pour la lecture, à force de lire, vous améliorez votre âme et votre esprit. Ainsi disait la phrase suivante :

« Une étude profonde engendre un esprit paisible »

Améliorer son âme c'est éloigner toute cupidité, toute colère, toute ignorance stupide et obscure. Quoique l'ignorance ne soit pas facile de s'en débarrasser, toutefois il nous est possible de la diminuer petit à petit jusqu'à ce qu'elle disparaisse complètement.

De quelle méthode nous servirons-nous pour diminuer notre ignorance ? C'est précisément le Dharma de la Sagesse du Prajna, le seul Dharma qui puisse anéantir l'obscurité de l'ignorance et ramener la clarté. Apprenant le Bouddhadharma, nous devons l'appliquer, ne serait-ce qu'une petite partie, pour que ce soit utile. Si l'étude ne s'accompagne pas de l'application, ce sera peine perdue. Nous écoutons les Dharmas, récitons les prières, nous devons également les mettre en pratique, les réaliser. N'ayez aucune crainte de ne pas avoir suffisamment étudié, l'essentiel c'est la pratique.

Beaucoup de connaissances mais sans la pratique, cela ne servira à rien. C'est pourquoi, une pratique assidue, sincère, nous permet de nous améliorer. Réunissez du sable, au fil des années, vous arriverez à édifier des châteaux ; de même, pratiquez patiemment, au fil du temps, vous parviendrez à l'Éveil.

Que vous soyez Bhiksu, Bhiksuni, Sadi, Sadini, Upasaka, Upasika (fidèles pratiquants ou pratiquantes) vous devriez être grandement vaillant, courageux, perfectionné dans l'étude et la pratique du BouddhaDharma pour ne pas perdre votre esprit Bouddhiste initial qui était toujours fervent. Regardez le monde actuel, la paix n'existe nulle part, tout le monde porte en son cœur l'immense inquiétude de la troisième guerre mondiale. La planète est en danger. On s'inquiète, on réfléchit, on cherche des moyens pour l'éviter. Si chacun d'entre nous converge son regard vers l'intérieur, améliore sa conduite, on aura peut-être une chance de la sauver.

Y-a-t-il des troubles dans le monde ? Absolument pas. Et l'être humain ? Non plus. Mais comme l'esprit humain est troublant, il trouble le monde

entier. Nous, qui apprenons le BouddhaDharma, devons réveiller notre responsabilité bienveillante, guérir notre esprit maladif plongé dans la cupidité, la colère et l'ignorance stupide et obscure. Si tout le monde se guérit de ces trois maladies empoisonneuses, la famille sera heureuse, la société paisible, le pays florissant et le monde serein, réunifié.

Le Bouddhisme actuel, en Asie, tombe en décadence, alors qu'aux Etats-Unis d'Amérique, il prospère de plus en plus. Pour que le Bouddhisme devienne florissant, chacun d'entre nous se doit de pratiquer d'un cœur absolument sincère. Que vous soyez moines ou simplement pratiquants à la pagode Kim Son, ne soyez pas fainéants, inactifs, ne vous laissez pas aller ; ensemble, nous pratiquons la Voie ; devant une tâche, investissons-nous, ensemble nous œuvrons, ensemble nous apprenons le Dharma, ne soyez pas jaloux, égoïstes, offensants. S'il n'en est pas ainsi, il vous sera inutile d'y vivre. Si nous acceptons de manger un seul repas par jour, de dormir dans la position assise, mais si nous refusons de pratiquer consciencieusement et sincèrement, toutes ces peines seraient perdues. Mes bons amis Bouddhistes ! Le temps est précieux, ne le laissez pas s'écouler inutilement, faites à chaque instant, votre examen de conscience, posez à vous même cette question : « Que fais-je dans ce monastère ? »

Nous autres, profanes, nous aimons de la bonne nourriture, mettre de beaux habits, vivre dans de belles demeures. Ancrés dans ces mauvaises habitudes, nous ne réussissons jamais à pratiquer la Voie extra-mondaine. Si nous nous penchons du côté mondain, le côté extra-mondain sera léger, inversement, si nous nous penchons du côté extra-mondain, le côté mondain sera léger. Cette doctrine est tout à fait simple, il suffit de lâcher les cinq passions, tous les problèmes seront résolus.

Le monde d'Avatamsaka Sutra est rempli de Dharmas. Ne parlons pas d'écouter le Sutra, le fait seulement d'entendre le son ou les lettres du Sutra suffit pour planter une infinité de bénédictions. Si, en plus, vous comprenez le sens de la doctrine contenue dans le Sutra, vous multipliez alors à l'infini vos bénédictions. C'est la raison pour laquelle on dit que le Dharma d'Avatamsaka est indescriptiblement merveilleux.

Pour éliminer toutes nos mauvaises habitudes, comme pour apprendre à éloigner toute pensée illusoire, à la pagode nous devons suivre un emploi-du-temps très strict. Le matin, très tôt, on se lève, on participe à la cérémonie matinale, puis on pratique la Méditation, on traduit les Sutras, après la cérémonie du soir, on écoute les Sutras. Pourquoi nous ne nous éveillons pas ? A cause de nos pensées illusoires. Il existe quatre-vingt-quatre mille Bouddhadharma, tous nous enseignent à éliminer nos pensées illusoires. Et pourtant, nous y restons toujours plongés. Sommes-nous donc pitoyables ?

Certains disent : « Le monde actuel est en train de se désagréger... » C'est une conception erronée. Le monde actuel ne se désagrège pas fondamentalement. D'autres disent : « Le monde ne se désagrège pas mais c'est l'être humain qui se détruit, se corrompt ». Ce jugement est aussi erroné, l'être humain ne se corrompt pas. Quelqu'un pose cette question : « Le monde ne se désagrège pas, l'être humain ne se corrompt pas et pourtant le monde n'est pas en paix, tout le monde se rivalise, je rivalise, vous rivalisez. Alors qu'est-ce qui se désagrège en fin de compte ? » C'est précisément l'esprit humain qui se désagrège. Comme l'esprit humain est tellement corrompu qu'il détruit le monde, détruit l'être humain. Une fois que l'esprit humain est corrompu, il crée de mauvais Karmas, dont il subit les mauvaises conséquences et en subissant ces mauvaises conséquences, il crée un monde insécurisant. Pour que l'être humain soit bon, que le monde soit sécurisant, tout dépend de l'esprit humain. Quand l'esprit humain est bon, naturellement, il n'y aura plus de guerre dans le monde.

Dans ce même esprit, à la pagode Kim Son, deux Bhiksus ont décidé de pratiquer une prosternation tous les trois pas, se dirigeant vers la plus haute montagne à Tây-Nhã-Đồ (Seattle, dans l'état de Washington en Amérique), l'endroit où se réunissaient les Bouddhas. Ces deux Bhiksus ne se prosternaient pas pour les Bouddhas, ni pour les Boddhisattvas, mais pour la paix mondiale, pour que l'esprit humain se réforme, pour que toute calamité mondiale soit détruite, afin que soit revenue au monde la paix et à l'humanité la sérénité.

Pourquoi le monde actuel n'est pas en paix ? Parce que tout le monde est cupide, ambitieux ; les grands ont de grandes ambitions, les petits ont de petites ambitions. Tout le monde est avide, avide de pouvoir, de fortune, de beauté, de gloire, de bonne gastronomie, de sommeil, avide de jouir de toutes ces cinq passions.

Les dirigeants d'un pays veulent que leur pays soit plus grand, leur économie plus florissante ; aussi cherchent-ils par tous les moyens à s'emparer des pays plus faibles, soit par la culture, soit par la politique, soit par l'économie, provoquant ainsi finalement la guerre. C'est pourquoi le monde n'est jamais en paix. Les gens désirent la fortune, la richesse, les jouissances. Possédant une voiture, ils veulent une grande maison, possédant une maison, ils désirent une belle femme, puis des maîtresses. Depuis la naissance jusqu'au dernier jour, ils ne cessent de vouloir beaucoup d'argent, car pour eux, l'argent possède dix mille pouvoirs. L'argent peut résoudre tous les problèmes, l'argent occupe la première place, créant des mœurs dépravées dans la société actuelle, faisant disparaître la morale vertueuse d'autrefois. Pourquoi en est-il ainsi ? A cause de l'influence matérialiste. L'esprit humain n'est plus le même que par le passé, il utilise toutes les ruses les plus ingénieuses, son intelligence et sans le moindre scrupule, pour atteindre ses buts. Avec un esprit aussi cupide, comment la société peut-elle trouver la paix ?

Un pratiquant Bouddhiste doit s'améliorer sur le plan spirituel mais pas s'adonner à des jouissances matérielles. C'est la raison pour laquelle, un moine n'a le droit de posséder que trois robes, de manger qu'un repas par jour dans le but d'anéantir toute cupidité. Parmi les six Paramitas, le premier c'est le don. Donner aux autres, non seulement, supprime la cupidité mais engendre la miséricorde. C'est pourquoi, vous devriez vous décider de pratiquer des dons, des offrandes, de développer votre esprit de miséricorde.

Apprendre le Dharma du Bouddha nécessite la connaissance parfaite de ce Dharma. Si vous ne le comprenez pas à fond, vous ne pourriez pas le pratiquer d'une façon consciencieuse, et sans la pratique consciencieuse, vous n'obtiendriez jamais la Sagesse.

Un sage est incapable de vivre dans un endroit obscur, de même un stupide ne peut pas vivre dans

un endroit éclairé. Pourquoi ? Parce qu'un stupide, à force de vivre dans l'obscurité, croit que c'est naturel et ne se sent pas gêné. Par contre, un sage, connaissant parfaitement les dangers de l'obscurité, l'évite et cherche un endroit bien éclairé pour vivre. La clarté éloigne toute idée de vengeance, de colère. Alors que l'obscurité nourrit l'idée de colère, de vengeance. C'est pourquoi, un endroit bien éclairé abrite toujours un esprit clair sans aucun obstacle obscur.

Un pratiquant de la Voie doit toujours faire son examen de conscience, c'est-à-dire converger son regard sur ce qu'il fait durant la journée pour voir s'il est conforme à la morale. S'il l'est, tant mieux, s'il ne l'est pas il devrait se corriger. Il devrait toujours se contrôler, veiller à ne pas prier en restant dans les ténèbres de l'ignorance mais prier pour atteindre la sagesse, car un Sage ne se met pas en colère, seuls les gens stupides le font. Celui qui pratique la Voie, ne se mettant jamais en colère, inspire chez les autres un certain respect. L'étude du BouddhaDharma améliore votre intelligence et non vous fait sombrer dans l'ignorance stupide. Retenez bien ce point, ne l'oubliez pas.

Essayer les insultes sans riposter, c'est cela la véritable patience, la véritable Contemplation (Dhyâna). Il faut être calme et bienveillant, non seulement avec ses amis mais aussi avec ses disciples, ses neveux. Ne jamais se mettre en colère. Ainsi disaient les Anciens : « Le feu de l'ignorance, l'esprit du tigre, sont les racines des fautes commises dans les vies antérieures ». Connaissant l'existence de ces souches, vous devriez les déraciner, les enlever, sinon elles se transformeraient en des obstacles qui gêneraient votre Voie et freineraient le développement de votre bonne nature.

En présence d'un obstacle ou d'une circonstance fâcheuse, un pratiquant de la Voie doit garder son sang-froid, ne soyez pas agressif, exaspéré. Dans le recueil *Chúng Đạo Ca*, le Vénérable *Vĩnh Gia* a déclaré :

« Quelqu'un vous insulte, considérez cela  
comme vos bénédictions,  
Qu'il est votre bon ami Bouddhiste,  
Devant ces insultes, ne vous mettez pas en  
colère,

Mais plutôt faites engendrer votre compassion. »

Cela veut dire : si quelqu'un vous insulte, considérez cela comme vos bénédictions. Considérez votre insulteur comme votre bon ami Bouddhiste, c'est lui qui vous aide à augmenter vos bénédictions, à vous progresser sur le chemin de la Voie. Ne vous mettez pas en colère devant ses calomnies, d'où le proverbe suivant : « Un moine se sert de la compassion comme racines et des moyens comme la porte ». Comment fait-on pour prouver qu'on a de la compassion ? Quelqu'un vous insulte, vous bat au point de vouloir vous tuer, ce ne sont que des épreuves pour voir si vous avez suffisamment de force de concentration. Si vous en aviez suffisamment vous n'en seriez pas troublé, vous ne vous mettriez pas en colère.

Je me rappelle quand j'étais à Tam Phan Thi (San Francisco), je vivais seul, aussi je voulais inviter un moine prêcheur venant de Pékin, espérant qu'il m'aiderait à propager le BouddhaDharma. J'ai demandé à un notaire de s'occuper de toutes les formalités pour l'héberger aux Etats-Unis. Ayant reçu le certificat d'hébergement ainsi que le visa, il allait demander de l'aumône dans plusieurs endroits, après avoir récolté beaucoup d'argent, il abandonna son projet d'aller en Amérique et jeta tous ces papiers. Un an après, il voulait de nouveau partir aux Etats-Unis. Une deuxième fois, j'ai demandé au notaire de refaire les papiers. Les frais s'élevaient à plus de huit cents dollars.

Arrivé aux Etats-Unis, au début il voulait sincèrement collaborer avec moi, car le BouddhaDharma nous procurait une part de nos ressources. Personne n'aurait pensé qu'il allait changer complètement, même pas un mois plus tard. Tous les jours, il se rendait dans une autre association Bouddhiste et signait en secret un contrat avec celle-ci laissant tomber ainsi mon Centre de cultes et de conférences.



A l'époque, j'étais déjà au courant de cette histoire. Un jour, après la cérémonie du soir, en présence de cinq ou six fidèles Bouddhistes, un groupe de gens l'emmena jusqu'à moi. Il se mettait dans une colère noire et tenant dans la main un sabre (qu'il a fait venir de Taiwan), il le pointait sur moi en disant : « Je veux vous tuer ». A ce moment-là, je fermais les yeux comme si je méditais et je pensais : « Si, dans ma vie antérieure, je vous ai tué, aujourd'hui vous allez certainement me tuer, c'est la loi des causes à effets ». Je restais calme, comme pour lui dire : « C'est sans importance, ne vous gênez pas ». Le moine prêcheur se mit à crier : « Ne fermez pas les yeux ! Pourquoi vous ne dites rien ? » Durant trois jours, il n'arrêtait pas de m'insulter, me calomnier en menaçant de me tuer avec son sabre. Au troisième jour, voyant que je n'avais aucune réaction, il emménageait à l'association Bouddhiste avec qui il a signé le contrat et il s'y installait. Moins d'un mois après, ne pouvant supporter les misères de la vie, il me suppliait de le laisser revenir. Je lui disais : « Non seulement j'accepte avec joie mais je vous laisse volontiers mon Centre sans condition, je m'installerai ailleurs ». Il n'osait pas accepter ma proposition et retournait à Taiwan. Il paraît qu'il est devenu sourd et souffre de nombreuses maladies.

Quand un pratiquant de la Voie se fait insulter, considérez cela comme une sorte d'épreuve pour tester votre puissance méditative. Celui qui possède la puissance méditative ne se réjouit pas devant les éloges, ni ne se contrarie devant les insultes, les huit vents n'arrivent pas à le faire bouger. Considérez ces insultes comme des chansons que vous écoutez avec plaisir, ou comme si vous écoutez une langue étrangère que vous ne comprenez pas. Arrivé à ce niveau, un sabre aussi pointu soit-il se transformerait en soie, en perle,

la présence des obstacles se transformerait en absence d'obstacles.

Un pratiquant de la Voie doit endurer même s'il est incapable d'endurer, supporter même s'il est incapable de supporter. S'il arrive à les surmonter, il obtiendra la puissance méditative, s'il n'y arrive pas il n'aura rien. Comment pratique-t-on pour avoir la puissance méditative ? Tout d'abord, vous devez observer les préceptes. Observer les préceptes signifie s'interdire toute mauvaise action, ou plus exactement « S'interdire toute mauvaise action et accomplir toute bonne action ». Observer les préceptes veut aussi dire : se contrôler constamment, accomplir toute bonne action, s'interdire toute mauvaise action. A l'égard du monde, si vous pouvez apporter quelques bienfaits, n'hésitez pas à continuer d'en faire et s'il vous arrive de commettre quelques fautes, dépêchez-vous de les réparer, ainsi vous acquérez la puissance méditative. Ayant la puissance méditative, il vous faut encore traverser beaucoup d'autres épreuves. Si on vous insulte ou vous bat, considérez cela comme si rien ne s'est passé, comme si rien n'existait : ni moi, ni vous, ni personne. Ainsi, vous atteindrez la puissance méditative, d'où la phrase suivante :

« Tous sont des épreuves pour vous tester,  
Si vous êtes incapable de voir clairement ce qui  
se présente devant vous,  
Recommencez depuis le début. »

Un pratiquant de la Voie n'empêche pas les autres d'engendrer l'esprit du Bodhi et surtout ne pousse pas les autres à régresser. S'il possède de telles pensées, il ne réussira jamais dans sa Voie. Il devrait aider n'importe qui voudrait faire engendrer l'esprit du Bodhi, il devrait les aider à réussir et non pas les faire régresser, sinon il est certain qu'il sombrera dans les enfers.

Observer les préceptes demande de la sérénité, de la compassion, du respect, du sens de l'harmonie du groupe, d'où il est nécessaire d'avoir l'esprit des six sentiments de concorde. Un pratiquant de la Voie, dans toutes ses actions, doit se baser sur ces six harmonies. Que signifient ces six harmonies :

**1) La cohabitation harmonieuse :** On vit ensemble, pratique la Voie ensemble, étudie ensemble. Ne dites pas que personne n'existe excepté vous ; du matin au soir ne rivalisez pas

avec vos amis Bouddhistes ou vos frères dans vos actes, vos paroles et vos pensées. De telles pensées ne doivent pas subsister. Si telle est la situation, il faut tout de suite vous corriger. Ne pensez pas que vous existez seul au monde, niant la présence des autres, n'utilisez pas non plus vos pouvoirs, votre position pour opprimer les autres, les obliger à vous obéir. Ce serait inadmissible. S'il en est ainsi, il sera absolument impossible de cohabiter harmonieusement.

**2) Discussion sans rivalisation :** N'utilisez pas les paroles, les débats, les discussions dans le but de chercher par tous les moyens à vous donner raison et à dire que les autres ont tort. C'est le signe d'un manque d'esprit d'harmonie. Un pratiquant de la Voie doit pratiquer jusqu'à l'extase (le Samadhi), sans rivalisation, sans discussion. Si tout le monde se met à pratiquer ainsi, il est certain que tout le monde se respectera mutuellement comme étant des invités.

**3) Harmonie dans les pensées :** Votre pensée doit être en harmonie avec celle des autres. N'ayez pas cet esprit dissident, discriminant, ainsi, tout le monde s'entendra certainement. Sachez que la salle de Cultes (BodhiMandala) n'appartient pas à une seule personne mais à tout le monde. Par conséquent, ne cherchez pas des artifices stratégiques pour forcer les autres à penser comme vous, créant ainsi de graves discordes désolantes dans le groupe. Ce faisant, vous semez les causes des trois mauvais sentiers.

**4) Harmonie dans les conceptions :** Ne dites pas que les conceptions des autres sont erronées et que seules les vôtres sont supérieures, de telles pensées sont inadmissibles. Une parfaite compréhension des conceptions des autres vous permet de progresser. Autrement dit, vous devriez vous soumettre à l'opinion de la majorité mais ne soyez jamais dictateur, ni arbitraire.

**5) Harmonie dans l'observation des préceptes :** Tout le monde doit respecter également les préceptes, comme dans un pays, tout le monde doit respecter les lois. Ne dites pas que les autres doivent respecter ce précepte mais pas vous. Celui qui nourrit ces pensées pourries au sein du Bouddhisme doit être écarté, pour que le groupe retrouve l'entente parfaite et le Bouddhisme retrouvera la sérénité.

**6) Harmonie dans les intérêts :** Toutes les offrandes ne doivent pas être attribuées à une seule personne mais elles doivent être partagées équitablement, ainsi disait l'ancien proverbe suivant :

« L'injustice provoque les protestations ; pas d'injustice, pas de protestations »

C'est pour cela qu'il y a aussi cette phrase :

« Une personne à l'esprit paisible ne parle pas, l'eau stable ne coule pas »

Telle est cette doctrine.

Un pratiquant de la Voie doit connaître parfaitement et clairement le principe de ces six harmonies pour ne pas gêner ni opprimer les autres pratiquants, ceci est très important, soyez en vigilant, ne le transgressez pas tout en le connaissant bien. Sachez que : « En observant les préceptes, vous acquérez la paix dans l'âme (le Dhyâna). Ayant un esprit serein, aucun démon n'ose s'approcher. Si votre cœur n'est pas serein, les démons viendront vous troubler ; un esprit serein pourra maîtriser tous les démons ». D'où le proverbe suivant :

« Un esprit  
Bouddhiste élevé  
impose le respect aux  
dragons et aux tigres,

Un esprit hautement vertueux impose le respect  
aux démons et aux génies. »

Si votre esprit Bouddhiste est très profond et élevé, chacune de vos paroles sera appréciée, protégée non seulement par les Bouddhas, les Boddhisattvas, mais aussi par toutes les catégories d'êtres mortels et immortels (Thiën long bát bô), à ce moment-là, même les dragons s'enrouleront par terre et les tigres s'aplatiront au sol. Si vous avez un esprit et une conduite vertueux, vos paroles seront efficaces. Les génies et les démons vous admirent, baissent leur tête devant vous, en guise de reconnaissance et de respect.

Si vous nourrissez des pensées illusoires, partout où vous irez, vous ne vous sentirez pas en sécurité, vous ne serez jamais satisfait. Celui qui nourrit des pensées illusoires ne se suffit jamais, il veut toujours davantage. C'est le signe de la cupidité humaine comme celle du paysan qui ne sème au printemps qu'une poignée de graines et pourtant espère récolter beaucoup à l'automne. Un homme de lettres ambitieux espère, après l'étude des livres classiques, obtenir plus tard un poste de haut mandarin. Un employé possède l'ambition d'un employé, un commerçant nourrit celle d'un commerçant. En somme, tous, sans exception, veulent amasser beaucoup d'argent pour en profiter. Tant que les passions ne s'arrêtent pas, on ne se sent jamais satisfait. Ainsi nous conseillons le poème suivant :

« Préoccupés toute la journée uniquement pour se  
procurer de quoi manger

Ayant de quoi manger, il faut ensuite de quoi  
s'habiller

Ayant ces deux choses en abondance

Il manque encore une  
belle femme dans la  
chambre

Ayant une belle  
femme et en plus une  
jolie concubine

Il manque un cheval  
et un palanquin pour  
se déplacer

Ayant un troupeau  
d'ânes, de chevaux et  
plusieurs palanquins  
Pour que les gens ne  
se moquent pas, il  
manque le prestige  
d'un mandarin

Les 5ème, 4ème grades sont trop bas

Les 3ème, 2ème pas assez hauts

La place du premier ministre ne suffit pas

On veut être roi

Assis sur le trône, on veut que les esprits et les  
immortels descendent du ciel pour jouer aux  
échecs avec nous. »

C'est l'illusion de la cupidité humaine, d'où le proverbe suivant : « Une personne cupide ne se contente jamais de ce qu'il possède comme un serpent qui essaye d'avaler un éléphant ». Cela veut dire : une personne cupide ne se suffit jamais, n'est jamais satisfait, désire toujours



davantage, il ressemble ainsi à un petit serpent qui essaye d'avaler un gros éléphant, un stupide ignorant qui discute à propos des rêves et des illusions.

Un pratiquant de la Voie doit attacher de l'importance surtout à sa conduite, c'est-à-dire à la morale. Autrement dit, il doit se préoccuper surtout de l'intérêt des autres plutôt que de son propre intérêt. S'il s'agit d'une affaire qui lui est désavantageuse, il se décidera de s'en charger lui-même, par contre, s'il s'agit d'une affaire désavantageuse pour les autres, il n'hésite pas à leur donner un coup de main pour résoudre toutes les difficultés. En résumé, la morale apporte des profits aux autres et non pas nuire aux autres ; c'est cela le principe fondamental.

L'importance dans la pratique de la Voie réside dans l'observation de la morale (Đạo-Đức). « Đạo » veut dire : le chemin, la Voie (côté extérieur). « Đức » veut dire : la vertu (côté intérieur). Si extérieurement, on pratique toutes les bonnes Voies, intérieurement, on ressentira une sorte de satisfaction morale, cela s'appelle : une conduite vertueuse.

« Une personne vertueuse se fait toujours respecter,  
Un pratiquant de la Voie se fait toujours estimer. »

Doué d'une conduite vertueuse, s'il vous arrive de réprimander, même de battre les gens, ceux-ci vous témoigneront toujours du respect, non seulement, ils ne s'en affligeront pas, mais se sentiront honorés et s'en réjouiront. Sans conduite vertueuse, même si vous vous prosternez devant eux, ils n'hésiteraient pas à vous donner deux coups de pieds. C'est pourquoi, la conduite vertueuse constitue une branche qu'un pratiquant de la Voie ne doit pas négliger.

Un pratiquant de la Voie doit afficher les deux mots Đạo-Đức (voie, vertu) sur son front, entre les sourcils. Ainsi, il les voit chaque fois qu'il ouvre les yeux. Dans les pays occidentaux, les gens ne se soucient plus du côté moral, vertueux, mais attachent de l'importance à l'aspect scientifique des choses. C'est pourquoi, ils oublient leur origine. Un pratiquant de la Voie, sans morale, ne réussira jamais sa voie, ne deviendra jamais un patriarche, encore moins un Bouddha. Un

Bouddha, avant de réaliser sa Bouddhité, a dû accomplir des milliers de conduites vertueuses et d'actes moraux à la perfection.

La morale est précisément une énergie juste et saine, comparable au soleil et à la lune, au ciel et à la terre. C'est la raison pour laquelle on ne devrait pas la négliger. C'est aussi un lieu de cultes et de pratiques religieuses, par conséquent, il faut pratiquer la Voie pour avoir la morale.

« Une conduite vertueuse a besoin de la  
pratique,  
Sans la pratique, à quoi servira la conduite  
vertueuse ?  
Pour avoir la morale, il faut pratiquer la Voie,  
Sans pratiquer la Voie, d'où vient la  
morale ? »

C'est pourquoi, si un pratiquant de la Voie néglige le côté moral, il n'aura aucune chance d'arriver au but final : la Bouddhité. La morale demande des sacrifices pour l'intérêt d'autrui, éloigne toute pensée égoïste et tout intérêt personnel. C'est pourquoi, un pratiquant de la Voie, dans chacun de ses faits et gestes, chacune de ses paroles, devrait attacher beaucoup d'importance à la morale. Quand on a suffisamment de forces, il faut s'en servir pour aider les autres, entretenir le lieu de culte, faire offrandes aux Trois-Joyaux. Ce sont des actes de bienfaisance à l'égard des autres, écartant du centre de cultes toute affliction, ce sont les meilleurs moyens pour cultiver la Voie. C'est la raison pour laquelle, utilisez toutes vos forces dans votre pratique, ainsi vous aurez une chance d'accomplir parfaitement votre Voie. Mille paroles se résument en une phrase :

« Tout pour l'intérêt des êtres vivants, rien  
pour l'intérêt personnel »

C'est ce qu'on appelle : Accomplir la voie du Boddhisattva. Celui qui pratique cette voie ne doit absolument pas être égocentrique mais doit oublier totalement le « moi ». Quoique « éveiller soi-même » soit important, mais « éveiller les autres » est encore plus important. Retenez bien ce point, pensez toujours à l'intérêt des êtres vivants.

« Le Dhyâna (la Méditation) possède l'immense pouvoir de libération ». Bouddha possède la puissance de Méditation et de libération, cette

puissance est infiniment grande. Que signifie le Dhyâna ( la Méditation) ? Cela veut dire : éliminer toute pensée illusoire et faire apparaître la vraie nature originelle. Que signifie la libération ? Cela veut dire : se libérer de tout attachement Karmique, de toute souffrance des trois mauvais sentiers.

« La puissance du Samadhi et des moyens est aussi infiniment grande ». Bouddha possède la puissance de méditation et de moyens infiniment grande. Que signifie le Samadhi (l'extase) ? C'est précisément : juste méditation. Juste veut dire droit sans dévier à droite, ni à gauche, et méditation (Dhyâna) veut dire sans pensée, sans réflexion. Et que veulent dire moyens ? Cela veut dire les moyens les plus adaptés, les plus ingénieux.

Messieurs, vivant au milieu des êtres vivants, ne créez pas des complications, des afflictions, ne regardez pas les uns les autres d'un mauvais œil. Regardez bien les Bouddhas, ils se respectent les Uns les Autres, sans la moindre pensée coléreuse. Nous autres pratiquants de la Voie, devrions considérer les êtres vivants comme de futurs Bouddhas, si vous vous mettez en colère contre eux, c'est comme si vous vous mettez en colère contre les futurs Bouddhas. Si vous pensiez de cette façon, non seulement, vous apaiseriez votre colère mais vous vous harmoniseriez avec tous les êtres vivants.

## Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

Le 24 octobre 1973. Hằng-Cự écrit :

I

*Ủng hộ báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp  
Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.*

Họ và Tên / Nom et prénom : .....

Địa Chỉ / Adresse : .....

Điện Thoại / Téléphone : .....

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ : .....

Votre don : .....

l faisait de plus en plus glacial quand nous nous approchions d'une ville assez grande au Nord d'Olema : Point Reyes Station. A neuf heures du matin, un journaliste d'un journal régional est venu nous interviewer et nous avons dit ce que nous savions. Peut-être aujourd'hui, beaucoup de gens ont compris en partie ce que nous faisons. Une fois, dans un centre-ville, j'étais en train de me prosterner quand Bhiksu Hằng-Do surprit un dialogue, en passant devant un magasin de matériels informatiques.

- « Eh, Matha ! Regardez ! Est-ce qu'on doit appeler la police ? »

- « Oh, non Georges ! Laissons les tranquilles ! Ils ne font rien de mal ! »

Après quinze minutes de prosternations, arrivés en banlieue de la ville, nous avons rencontré une fidèle pratiquante Bouddhiste nommée Katy Powel (Quả Tánh), qui habite actuellement dans la région Point Reyes avec ses deux filles. Elle souhaitait se joindre à nous pour un bout de chemin. Et elle s'est mise à se prosterner tout en restant à deux cents pas environ derrière nous. Après s'être prosternée sur une distance d'une lieue sur une route pleine de cailloux, elle retournait chez elle. Quả Đôn Schweig et sa famille nous ont apporté le déjeuner composé de riz complet, de la soupe aux légumes, du pain, des biscuits et des fruits.

L'après-midi, M. Ben Williams est venu, accompagné d'une équipe de journalistes de la télévision CBS 5 à San Francisco. Il nous a filmés pendant que nous nous prosternions le long des côtes pleines de galets au bord de la mer. A la tombée de la nuit, nous avons découvert une petite cabane laissée à l'abandon, cachée dans la forêt. Juste au moment où la pluie et la tempête s'abattirent sur nous. J'ai perdu une bonne demi-

heure à ramasser du bois sec pour allumer du feu. Maintenant, nous séchons nos affaires, faisons bouillir de l'eau pour préparer du thé.

### **Le 25 octobre 1973. Hăng-Do écrit :**

Aujourd'hui, Quã Chu Rounds, un fidèle Bouddhiste, patron du journal Napa County Record, nous a apporté quelques matériels nécessaires et il a aussi écrit un article au sujet de notre pèlerinage de prosternations.

Nous avons commencé nos prosternations à partir de la baie de Tomales. A la fin de la journée, nous avons trouvé une maison abandonnée qui, même en ruine, nous a aidés à passer la nuit. Pourtant, durant cette nuit noire, je me rends compte que cet endroit abrite toutes sortes d'animaux sauvages : renards, rats, écureuils ainsi que beaucoup d'autres espèces en train de cohabiter avec nous. La tranquillité de la nuit ténébreuse ne fait qu'amplifier leurs cris retentissants et lugubres. Parfois, je me sens effroyablement terrifié. Si jamais, il y avait des ours par ici ? Dans son esprit, se raisonner et se dire qu'en ce monde, tout est illusoire, c'est une chose, mais vivre dans ce monde et n'avoir peur de rien, c'en est une autre. Je commence à réciter en silence le nom de Bouddha et m'efforce à garder le calme. Soudain, une pensée surgit dans mon esprit, balayant ainsi mon inquiétude absurde : Oh ! Mais tous les êtres vivants ont la capacité de devenir Bouddha, d'atteindre l'Illumination ! Plus d'une fois, durant l'existence du Vénérable Hu Vãn, les animaux sauvages venaient le vénérer. Car les qualités vertueuses de ce dernier semblaient avoir une force capable d'éveiller la capacité intellectuelle profondément cachée chez certaines espèces comme : le tigre, le loup et le renard. Non seulement, il les a enseignés, leur a transmis les Trois Préceptes, les a acceptés comme disciples, mais en plus il leur a appris les différents principes moraux. Grâce à cela, ils se sont beaucoup améliorés et dans le futur, ils seront certainement réincarnés dans des mondes meilleurs, auront davantage d'occasions de pratiquer la Voie.

Après ces réflexions, tous ces bruits nocturnes dans la cabane ne me font plus peur. Je m'endors calmement avec cette idée assez plaisante qu'il existe en ce moment des milliers de futurs petits Bouddhas en train d'emmagasiner péniblement des provisions pour l'hiver prochain.

### **Le 26 octobre 1973. Hăng-Cự écrit :**

Aujourd'hui, « Fils du Bouddha » Quã Thông Almassy (appelé encore Gia Gia) patron d'une boutique de nourritures diététiques à la plage Stinson, nous apporte le déjeuner. Ensuite, vers la fin de l'après-midi, un homme en moto s'arrête pour discuter avec nous. Il répète plusieurs fois, à propos de notre pratique, cette phrase : « C'est l'affaire de Dieu ». Ensuite, un autre habitant de la région Inverness nous apporte quelques fruits frais, désirant quelques connaissances à propos des prosternations. Alors, nous nous asseyons sur le trottoir au bord de l'autoroute pour lui donner quelques explications préliminaires.

Je dis : au début, une prosternation n'est qu'un exercice physique. Mais à force de pratiquer, au bout d'un certain temps, cet exercice physique devient automatique, alors l'esprit et le corps commencent à s'harmoniser. Le corps se prosterne, l'esprit récite le nom du Boddhisattva, ces deux actes se coordonnent, s'harmonisent comme un Mantra, une merveilleuse méthode pour arrêter toute pensée. Pour moi, elle m'a aidé à voir clair devant l'évolution de mes pensées et des circonstances environnantes en même temps, à ne pas me troubler, me laisser influencer par le passé, ni par l'avenir. Dans le Sutra du Surangama, il a été expliqué : « Le moment où s'arrête l'esprit troublé c'est précisément l'Eveil ». Et quand on est Eveillé, on ne se tourmente plus à propos des prosternations, ni de la paix, ni de la dispersion, ni de l'absolue, car « tout » est « un » universel. Celui qui possède cette faculté instinctive est doué de l'esprit du Bouddha.

Après avoir écouté attentivement mes explications, il réfléchit quelque moment, puis approuve notre mission, disant que c'est un acte très beau très noble, mais selon lui, il existe d'autres façons bien meilleures pour réaliser ce but.

Par la suite, nous nous prosternons le long de la baie Tomales. En passant devant une communauté assez nombreuse de la région Synanon, quelques uns se trouvant au sommet de la colline, se mettent à crier en se moquant de nous. Ensuite, nous continuons à nous prosterner en passant par un petit village à Marshal, ensuite nous campons sur les pentes de la colline face à la baie. (à suivre)



Chùa/Pagode Kim Quang  
75, Allée Circulaire  
93600 Aulnay Sous Bois-France  
Tel./Fax : 01.48.69.01.24  
e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
website: chuakimquang.com



**Chúng ta sống trên thế gian này, luôn luôn phải làm việc lành. Mỗi hơi thở, sức lực, đều phải hành thiện tích đức. Trong hiện đời, chớ nên dựa vào thiện căn đời trước mình đã trồng, mà tận hưởng hết phước báo.**

**Khi chúng ta tu Đạo, việc quan trọng nhất là không tranh. "Không tranh" tức là không cùng người khác tranh đua hơn thiệt, điểm tốt điểm xấu, hoặc tranh luận về việc đúng việc sai của kẻ khác.**

**Chúng ta niệm Phật, Phật cũng niệm chúng ta - giống như đánh điện tín đến Phật A-Di-Đà vậy. Đó gọi là cảm ứng Đạo giao. Nếu chúng ta không niệm Phật, thì Phật không có cách gì để nhiếp thọ được; thế nên, chúng ta phải trì niệm danh hiệu Phật.**

**Niệm Chú, cần phải niệm cho đến lúc Chú lưu xuất từ tâm ra, và đồng nhập trở vào tâm. Chú và tâm, tâm và Chú cùng hợp nhất vào một âm thanh, không thể phân biệt. Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm.**

**Chúng ta lễ Phật, Phật nhận lễ, thì phước huệ của chúng ta tăng trưởng. Thế nên, lễ Phật là "cảm," nhận lễ là "ứng"; đó là Đạo giao.**

**Pourquoi le monde connaît-il un jour sa destruction ? Parce que l'homme est riche de mauvaises pensées (Snoti) et pauvre de bonnes pensées. Une bonne pensée purifie l'environnement. Une mauvaise pensée le polue. Nous devons nous efforcer d'améliorer notre environnement mental.**

**Fidèles de Bouddha, nous devons soigneusement faire attention à la loi de la Cause et de l'Effet. Evitons de calommier et d'outrager autrui.**

**Ne pas rivaliser, ne pas être cupide, ne pas solliciter, ne pas être égoïste, ne pas être intéressé, ne pas mentir ; tout ceci constitue la manière la plus efficace de pratiquer la vertu.**

**Le moment de joie est éphémère ; la Béatitude comme but final est éternelle. Pour cette raison, il est nécessaire de pratiquer la vertu religieuse.**

**Pratiquer le Bouddhisme, c'est apprendre la compassion, la vertu, la tolérance ; ne pas chercher la comparaison mérite-non mérite; éviter toute dispute.**